

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 2.09/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 10 năm 2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày/...../2021 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 1900 558868 / 024. 3941 8868 Fax: 024. 3942 1032

Website: www.vietinbank.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3941 3621 Fax: 024. 3941 6431

Website: www.vndirect.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Trần Minh Bình

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Điện thoại: 1900 558868 / 024. 3941 8868 Fax: 024. 3942 1032

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm 2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày/...../2021 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 1900 558868 / 024. 3941 8868 Fax: 024. 3942 1032

Website: www.vietinbank.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3941 3621 Fax: 024. 3941 6431

Website: www.vndirect.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Trần Minh Bình

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Điện thoại: 1900 558868 / 024. 3941 8868 Fax: 024. 3942 1032

A blue ink signature of Ông Trần Minh Bình.

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009 và thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Dưới đây là các thông tin tóm tắt về một số điều khoản và điều kiện chính của Trái Phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chào bán ra công chứng theo Bản Cáo Bạch này.

Tên trái phiếu	Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("VietinBank") chào bán ra công chứng có tên gọi như sau: ▪ Trái phiếu VietinBank phát hành ra công chứng năm 2021 đáo hạn năm 2029 ("Trái Phiếu 2129"); ▪ Trái phiếu VietinBank phát hành ra công chứng năm 2021 đáo hạn năm 2031 ("Trái Phiếu 2131"). Trái Phiếu 2129 và Trái Phiếu 2131 được gọi chung là "Trái Phiếu", có nghĩa là bất kỳ trái phiếu nào trong số các Trái Phiếu.
Loại trái phiếu	Là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo các quy định pháp luật hiện hành.
Mệnh giá	100.000 (Một trăm nghìn) Đồng/01 (một) Trái Phiếu.
Giá chào bán	100% mệnh giá Trái Phiếu.
Tổng số lượng trái phiếu chào bán	100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu , bao gồm: ▪ 50.000.000 (Năm mươi triệu) Trái Phiếu 2129, và ▪ 50.000.000 (Năm mươi triệu) Trái Phiếu 2131.
Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá	10.000 (Mười nghìn) Tỷ Đồng Trái Phiếu , bao gồm: ▪ 5.000 (Năm nghìn) Tỷ Đồng Trái Phiếu 2129, và ▪ 5.000 (Năm nghìn) Tỷ Đồng Trái Phiếu 2131.
Kỳ hạn trái phiếu	▪ Trái Phiếu 2129 có kỳ hạn 08 (tám) năm, kể từ Ngày Phát Hành; ▪ Trái Phiếu 2131 có kỳ hạn 10 (mười) năm, kể từ Ngày Phát Hành.
Lãi suất	▪ Lãi Suất Trái Phiếu 2129 = Lãi Suất Tham Chiếu + 0,9%/năm. ▪ Lãi Suất Trái Phiếu 2131 = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,0%/năm. Trong đó: "Lãi Suất Tham Chiếu": là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu (gồm 04 ngân hàng là: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam). "Ngày Xác Định Lãi Suất" là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

Để nắm rõ đầy đủ và biết thêm các thông tin chi tiết liên quan tới Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Quý nhà đầu tư vui lòng xem nội dung tại Mục VI có tiêu đề "Thông tin về đợt chào bán" và các nội dung khác liên quan có trong Bản Cáo Bạch này.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3831 5100 Fax: 024. 3831 5090 Website: www.ey.com/vi_vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3972 4568 Fax: 024. 3972 4600 Website: www.vndirect.com.vn

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3972 4568 Fax: 024. 3972 4600 Website: www.vndirect.com.vn

*[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của
Bản Cáo Bạch]*

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1. Tổ Chức Phát Hành.....	6
2. Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành.....	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	8
3. Rủi ro đặc thù.....	9
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	15
5. Rủi ro quản trị công ty.....	15
6. Các rủi ro khác.....	16
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	17
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	19
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành.....	19
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành.....	20
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành.....	23
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành.....	25
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	29
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.....	32
7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành.....	34
8. Hoạt động kinh doanh (HĐKD).....	37
9. Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên.....	64
10. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán trưởng.....	66
11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức.....	86
12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.....	86
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành.....	87
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến HĐKD, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	87
15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	87
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	88
1. Kết quả hoạt động kinh doanh (HĐKD).....	88
2. Tình hình tài chính.....	94
3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành.....	100
4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm.....	100
5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.....	101
6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo.....	104
VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	105
A. CƠ SỞ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	105
B. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI.....	106

1.	ĐỊNH NGHĨA	106
2.	NGUYÊN TẮC ĐIỂN GIẢI	108
C.	TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN	108
1.	TÊN TRÁI PHIẾU	108
2.	LOẠI TRÁI PHIẾU VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÁP LÝ CỦA TRÁI PHIẾU	108
3.	MỆNH GIÁ	109
4.	TỔNG SỐ LƯỢNG TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN	109
5.	TỔNG GIÁ TRỊ TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN THEO MỆNH GIÁ	109
6.	KỶ HẠN (THỜI HẠN) TRÁI PHIẾU	109
7.	LÃI SUẤT	109
8.	KỶ HẠN TRẢ LÃI, TRẢ GÓC TRÁI PHIẾU	111
9.	GIÁ CHÀO BÁN	113
10.	THỨ TỰ ƯU TIÊN THANH TOÁN TRÁI PHIẾU TRONG TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC PHÁT HÀNH MẤT KHẢ NĂNG TRẢ NỢ HOẶC CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG	113
11.	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	113
12.	ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	115
13.	CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM	116
14.	ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ	116
15.	VIỆC THANH TOÁN LÃI TRÁI PHIẾU	116
16.	VIỆC CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, THAY ĐỔI THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	117
17.	VIỆC MUA LẠI TRÁI PHIẾU TRƯỚC HẠN	117
18.	PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI	118
19.	ĐĂNG KÝ MUA TRÁI PHIẾU	118
20.	THỜI GIAN CHÀO BÁN VÀ LỊCH TRÌNH DỰ KIẾN PHÂN PHỐI TRÁI PHIẾU	119
21.	TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA TRÁI PHIẾU	120
22.	Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	120
23.	CÁC LOẠI THUÊ CÓ LIÊN QUAN	121
24.	CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC	122
25.	THÔNG TIN VỀ CÁC CAM KẾT	124
26.	LUẬT ĐIỀU CHỈNH	126
VII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	126
1.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	126
2.	PHƯƠNG ÁN KHẢ THI	127
VIII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	127
1.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	127
2.	KẾ HOẠCH TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	128
IX.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	129
X.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	130
XI.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH	131
XII.	PHỤ LỤC	133

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Phát Hành

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Ông **Trần Minh Bình** Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông **Nguyễn Hoàng Dũng** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành**

(theo Quyết định số 688/QĐ-HĐQT-NHCT1.2 ngày 07/09/2021 của HĐQT VietinBank v/v giao nhiệm vụ phụ trách Ban Điều hành VietinBank. Ông Nguyễn Hoàng Dũng thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổ chức hoạt động của VietinBank và hệ thống các quy chế, quy định nội bộ của VietinBank, kể từ ngày 07/09/2021 cho đến khi có quyết định khác thay thế).

Ông **Nguyễn Hải Hưng** Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Đại diện theo pháp luật:

Bà **Phạm Minh Hương** Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ số 01/2021/HDDV/VNDIRECT-VIETINBANK ngày 08/06/2021 ký kết với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả, liệt kê dưới đây, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. HĐKD, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả, liệt kê dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn mà Tổ Chức Phát Hành hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách tại Việt nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả HĐKD và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành

Môi trường kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế; khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

Sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm qua đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Những cải cách kinh tế và chính trị từ giai đoạn đổi mới bắt đầu từ năm 1986 đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, giúp Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo trên thế giới đã trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính chung giai đoạn 2010-2020, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt khoảng 6%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.273 USD năm 2010 lên khoảng 2.778,76 USD năm 2020.

Mặc dù vậy, Tổ Chức Phát Hành không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả HDKD và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

Kinh tế thế giới năm 2020 đã chịu ảnh hưởng nặng nề do tác động của đại dịch COVID-19, khiến hầu hết các quốc gia rơi vào tăng trưởng âm. Trong bối cảnh đó, nhờ kiểm soát tốt dịch bệnh, Việt Nam vẫn giữ được mức tăng trưởng dương. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP cả năm 2020 ở mức 2,91%. Mức tăng trưởng này cao hơn đáng kể so với dự báo trước đó của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) là 2,3%, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) là 1,6%, tương đương với dự báo của Ngân hàng Thế giới (World Bank) từ 2,5% – 3,0%.

Điểm nhấn nổi bật trong tăng trưởng kinh tế Việt Nam là tăng trưởng về xuất nhập khẩu. Dịch bệnh khiến cho thương mại toàn cầu sụt giảm mạnh, nhưng Việt Nam vẫn giữ được tăng trưởng xuất khẩu 6,5%, tăng trưởng nhập khẩu 3,6% và xuất siêu cao kỷ lục đạt 19,95 tỷ USD. Các thị trường xuất khẩu lớn nhất như Mỹ và Trung Quốc tăng trưởng lần lượt 24,5% và 17,1%. Đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt khoảng 21 tỷ USD, giảm 7% so với năm 2019, tuy nhiên đây chỉ là mức giảm nhẹ, cho thấy xu hướng thu hút vốn đầu tư của Việt Nam vẫn có triển vọng tốt. Diễn biến tích cực của cung cầu ngoại tệ giúp Việt Nam gia tăng dự trữ ngoại hối lên mức kỷ lục – đạt khoảng 100 tỷ USD vào cuối năm 2020.

Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 bùng phát và lan rộng trên nhiều tỉnh thành của cả nước từ cuối tháng 4/2021 đến nay với những diễn biến phức tạp, khó lường do sự xuất hiện của các biến thể mới, kinh tế - xã hội Việt Nam trong năm 2021 được dự báo sẽ còn phải đối mặt với nhiều thách thức. Tổng cục Thống kê đánh giá việc đạt mục tiêu tăng trưởng 6,5% là một thách thức lớn, cần sự chung sức, đồng lòng của Chính phủ, doanh nghiệp và người dân. Theo báo cáo công bố ngày 20/07/2021, ADB đã thay đổi và hạ thấp dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam xuống còn 5,8% từ mức 6,7% đưa ra từ hồi tháng 4/2021. Nguyên nhân là việc triển khai tiêm chủng tương đối chậm và việc áp dụng các biện pháp giãn cách kéo dài ở các khu vực tăng trưởng lớn nhất của cả nước gây ảnh hưởng đến lưu thông thương mại, hạn chế các hoạt động kinh tế.

Theo Tổng cục Thống kê, GDP quý II/2021 ước tính tăng 6,61% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 0,39% của quý II/2020. GDP 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64%, cao hơn tốc độ tăng 1,82% của cùng kỳ năm trước. Dịch COVID-19 bùng phát tại một số địa phương trên cả nước từ cuối tháng 4/2021 với những diễn biến phức tạp, khó lường đặt ra nhiều thách thức, rủi ro cho Việt Nam trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế”. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 316,73 tỷ USD, tăng 32,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 157,63 tỷ USD, tăng 28,4%; nhập khẩu đạt 159,1 tỷ USD, tăng 36,1%. Cán cân thương mại 6 tháng đầu năm 2021 ước tính nhập siêu 1,47 tỷ USD.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả HDKD của Tổ Chức Phát Hành

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiểm chế

lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân đã giảm từ 18,58% năm 2011 xuống ổn định ở mức khoảng 4% giai đoạn 2016-2020; lạm phát cơ bản giảm từ 13,6% năm 2011 xuống khoảng 2,5% năm 2020. Lạm phát được duy trì ở mức thấp là cơ sở để NHNN giảm lãi suất cho vay, nới lỏng chính sách tiền tệ, khuyến khích doanh nghiệp và người dân vay tiền ngân hàng, đồng thời đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động SXKD và kích thích tiêu dùng cá nhân.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát đã được duy trì ở mức ổn định trong những năm gần đây, Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt khi nền kinh tế được dự báo có thể tăng trưởng nhanh trở lại. Nếu lạm phát tăng cao trở lại sẽ dẫn đến các chi phí hoạt động của Tổ Chức Phát Hành gia tăng. Nếu Tổ Chức Phát Hành không thể chuyển các chi phí/lãi suất đầu vào gia tăng (như lãi suất huy động tiền gửi...) vào lãi suất cho vay khách hàng thì các chi phí đó có thể tạo ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả HĐKD của Tổ Chức Phát Hành. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành không bảo đảm rằng Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách kiềm chế lạm phát một cách quyết liệt và mạnh mẽ, bao gồm cả việc cấm tăng hoặc hạn chế tăng giá của một số mặt hàng và sản phẩm do Chính phủ quản lý, kiểm soát.

Năm 2020, CPI bình quân tăng 3,23% so với năm 2019. Lạm phát cơ bản (CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống; năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục) năm 2020 tăng 2,31% so với năm 2019, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2020 dưới 4% của Quốc hội đề ra trong bối cảnh năm 2020 có nhiều biến động khó lường. CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 1,47% so với bình quân cùng kỳ năm 2020. Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 0,87% so với bình quân cùng kỳ năm 2020.

Theo báo cáo của HSBC, khi triển vọng kinh tế toàn cầu được cải thiện, Việt Nam có thể sẽ phải đối mặt với những lo ngại về rủi ro biến động lạm phát, vì điều này sẽ kéo theo những tác động quan trọng liên quan đến chính sách tiền tệ. Mặc dù vậy, HSBC kỳ vọng lạm phát của Việt Nam trong năm 2021 sẽ ở mức trung bình khoảng 3%/năm, nằm trong mục tiêu đề ra (là dưới 4%/năm).

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về pháp luật là các rủi ro xảy ra khi mà các quy định pháp luật hiện hành và/hoặc các quy định pháp luật mới được ban hành không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đáp ứng đòi hỏi với tình hình thực tiễn, xu thế của thị trường và gây ra các khó khăn, trở ngại, vướng mắc cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp và làm doanh nghiệp phải đối mặt với các chi phí và thiệt hại phát sinh do các tranh chấp pháp lý. Hiện nay, Việt Nam vẫn đang trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động của TCTD tại Việt Nam, trong đó có VietinBank. Trong thời gian vừa qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới đã được ban hành nhằm hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, thay thế các luật cũ đã không còn phù hợp như (Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Dân sự, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư...). Đồng thời, Chính phủ và các bộ, ngành (trong đó có NHNN) cũng ban hành nhiều Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể thấy hệ thống pháp luật về TCTD tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Tại VietinBank, công tác quản lý rủi ro pháp lý/luật pháp luôn được ưu tiên hàng đầu nhằm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất, ảnh hưởng bất lợi đến HĐKD và quản trị nội bộ của VietinBank, cụ thể như sau:

- VietinBank đã xây dựng hệ thống văn bản chính sách nội bộ quy định về các nguyên tắc, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, bộ mẫu biểu hợp đồng phải tuân thủ trong quá trình thực hiện tất cả các mảng nghiệp vụ để thống nhất áp dụng trong toàn hệ thống; hệ thống văn bản chính sách được

rà soát đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật trước khi ban hành và hệ thống hóa, pháp điển hóa định kỳ để đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ và phù hợp trong quá trình triển khai văn bản.

- Bộ phận Pháp chế tại VietinBank chịu trách nhiệm tư vấn toàn diện các vấn đề pháp lý theo quy định pháp luật Việt Nam đối với hoạt động tổ chức, quản lý và HĐKD, phù hợp với quy định pháp luật; tối đa hóa quyền và lợi ích hợp pháp của VietinBank; cử đại diện tố tụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của VietinBank trong các hoạt động tố tụng mà VietinBank là một bên tham gia.
- Bộ phận Tuân thủ tại VietinBank có trách nhiệm quản lý thay đổi văn bản chính sách nội bộ trong hệ thống VietinBank; phòng chống rửa tiền/tài trợ khủng bố/cấm vận; phòng chống gian lận; tuân thủ Đạo luật tuân thủ thuế đối với các tài khoản ở nước ngoài của Mỹ (*Foreign Account Tax Compliance Act – FATCA*) và quản lý tuân thủ các cam kết quốc tế khác, cam kết với cổ đông chiến lược, đối tác; quản lý xung đột lợi ích; bảo vệ quyền lợi khách hàng; bảo mật thông tin khách hàng; phòng chống tham nhũng và các vấn đề tuân thủ khác theo quy định của VietinBank đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật; xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai công tác giám sát, quản lý tuân thủ trên toàn hàng định kỳ hoặc đột xuất nhằm giảm thiểu, ngăn chặn rủi ro phát sinh.
- VietinBank luôn chủ động nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng để nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật và định hướng HĐKD cho phù hợp; đồng thời kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để quy định chi tiết, hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật để đảm bảo hành lang pháp lý cho hoạt động ngân hàng.
- Công tác đào tạo, phổ biến, tuyên truyền quy định pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng luôn được chú trọng để nâng cao hiểu biết, ý thức pháp luật của từng cán bộ trong toàn hệ thống.
- Đối với các giao dịch có giá trị lớn, phức tạp hoặc có liên quan đến yếu tố nước ngoài, VietinBank thường chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo tính pháp lý của giao dịch phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng.

Trong năm 2020, các diễn biến bất ngờ của tình hình thiên tai và dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng tiêu cực tới rất nhiều ngành, lĩnh vực nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung. HĐKD của rất nhiều khách hàng vay vốn tại VietinBank gặp khó khăn, đặc biệt trong các lĩnh vực dịch vụ lưu trú, vận tải, nông nghiệp..., tiềm ẩn rủi ro phát sinh nợ xấu cho Ngân hàng. Trước tình hình đó, VietinBank đã và đang tích cực đồng hành cùng khách hàng, kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ, giải ngân mới, ưu đãi lãi suất... giúp khách hàng ổn định hoạt động, sớm vượt qua khó khăn; đồng thời chủ động nhận diện sớm rủi ro, triển khai các biện pháp phân luồng thu hồi xử lý nợ để giảm thiểu tổn thất cho Ngân hàng. Bên cạnh đó, để đảm bảo sự phục hồi và phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững cho khách hàng, ngân hàng cũng như nền kinh tế, VietinBank cũng tăng cường kiên toàn, chuẩn hóa văn bản chính sách, ứng dụng CNTT trong quá trình cấp và quản lý tín dụng. Nhờ vậy, tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2020 của VietinBank được kiểm soát tốt dưới 1%.

Năm 2021, tình hình kinh tế thế giới dự kiến tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Sự thay đổi trong chính sách của các quốc gia lớn cùng với tác động tiêu cực/kéo dài của dịch COVID-19 tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng về tài chính, tiền tệ trên phạm vi toàn cầu và tác động không nhỏ đến chất lượng tín dụng của hệ thống ngân hàng. Trong 6 tháng đầu năm 2021, VietinBank đã chủ động dành nguồn lực tài chính để trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản nợ được cơ cấu do các tác động của dịch bệnh COVID-19 theo Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 thận trọng hơn mức quy định của

NHNN nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tăng khả năng chống chịu trước các biến động bất lợi của nền kinh tế. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của VietinBank tại thời điểm 30/06/2021 là 128%, giảm 4 điểm phần trăm so với mức 132% tại thời điểm 31/12/2020. Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 30/06/2021 là 1,34%, cao hơn mức 0,94% tại thời điểm đầu năm 2021. Tỷ lệ nợ xấu tăng do VietinBank chủ động cơ cấu nợ tổng thể cho một số khách hàng lớn để đảm bảo cho các khách hàng này có thể tiếp tục duy trì hoạt động, cũng như phục hồi phát triển trở lại trong thời gian tới.

Với mục tiêu vượt thách thức, đón thời cơ và phát triển bền vững, VietinBank sẽ tiếp tục chú trọng quản trị rủi ro tín dụng từ cấp độ tổng thể đến cấp độ giao dịch, triển khai mạnh mẽ các biện pháp hạn chế nợ xấu mới phát sinh, tăng cường thu hồi, xử lý nợ nhằm cải thiện chất lượng danh mục và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Chính sách, quy trình cấp tín dụng tiếp tục được chuẩn hóa nhằm tăng cường quản trị rủi ro theo quy định của NHNN và hướng tới thông lệ quốc tế. Đồng thời, VietinBank tiếp tục ưu tiên đầu tư cải tiến hệ thống CNTT hỗ trợ công tác quản lý danh mục tín dụng, cảnh báo sớm khách hàng tiềm ẩn rủi ro, giám sát rủi ro tín dụng, thu hồi và xử lý nợ.

b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm:

- *Rủi ro lãi suất* là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của Ngân hàng;
- *Rủi ro ngoại hối* là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng;
- *Rủi ro giá cổ phiếu* là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của Ngân hàng;
- *Rủi ro giá hàng hóa* là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của Ngân hàng.

Năm 2020, trước những diễn biến khó lường của thị trường tài chính trong nước và quốc tế do tác động của đại dịch COVID-19, VietinBank tiếp tục chú trọng giám sát chặt chẽ và kiểm soát kịp thời rủi ro thị trường trong quá trình kinh doanh.

Chiến lược quản lý rủi ro thị trường được thiết lập gồm mục tiêu và các biện pháp kiểm soát phù hợp gắn liền với chiến lược kinh doanh trung và dài hạn của VietinBank, đảm bảo HĐKD phát triển an toàn, bền vững, tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, cam kết với đối tác chiến lược, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Mô hình 3 tuyến bảo vệ trong quản lý rủi ro thị trường tiếp tục phát huy tốt với sự tham gia của Phòng Kinh doanh vốn, Phòng Quản lý rủi ro thị trường và Phòng Kiểm toán nội bộ. Hệ thống chính sách, quy định và phương pháp luận về quản lý rủi ro thị trường, quản lý rủi ro tập trung trong giao dịch tự doanh được rà soát cập nhật kịp thời phù hợp với thực tiễn thị trường và HĐKD của VietinBank, đáp ứng thông lệ Basel II và các yêu cầu của cơ quan quản lý. Nhằm kiểm soát rủi ro thị trường, VietinBank thiết lập khẩu vị và hạn mức rủi ro thị trường gồm các chỉ số như: lãi/lỗ theo giá thị trường, trạng thái, hạn mức giá trị chịu rủi ro (Value at Risk - VaR), PV01, hạn mức trạng thái/số dư đối với các sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ, đối tác thuộc danh mục tự doanh có rủi ro tập trung. Các chỉ số được đo lường giám sát, báo cáo hàng ngày, kịp thời cảnh báo nguy cơ rủi ro phát sinh vượt ngưỡng chấp nhận của VietinBank và có biện pháp xử lý giảm thiểu rủi ro. Bên cạnh đó, định kỳ phân tích mức tổn thất trong điều kiện căng thẳng, mức vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường và backtest các mô hình đo lường rủi ro thị trường để đảm bảo đánh giá chính xác mức độ rủi ro tiềm ẩn.

Từ năm 2013, VietinBank đã triển khai hệ thống Treasury Murex nhằm thực hiện nhập, phê duyệt và quản lý giao dịch kinh doanh vốn và thị trường thông suốt cả 03 cấu phần Front Office, Middle Office, Back Office. Năm 2020, VietinBank đã tiến hành nâng cấp hệ thống Treasury MX3 nhằm sớm đáp

ứng sẵn sàng các thay đổi về HĐKD vốn trong giai đoạn tiếp theo, là sự đổi mới mang tính chất toàn diện, giúp VietinBank tiệm cận thông lệ tiên tiến hơn và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Ngoài ra, VietinBank cũng chủ động xây dựng và cải tiến các hệ thống khác như RWA – tính toán vốn yêu cầu cho các rủi ro trọng yếu, hệ thống Treasury Transaction Monitoring - hỗ trợ giám sát sau giao dịch kinh doanh vốn, hệ thống Vision Commodity - quản lý giao dịch phái sinh hàng hóa của VietinBank.

VietinBank quy định toàn bộ trạng thái ngoại tệ phát sinh được tập trung về quản lý tại Trụ sở chính thông qua phòng đầu mối là Phòng Kinh doanh vốn thuộc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường. Ngân hàng thiết lập các hạn mức về trạng thái tiền tệ với từng đồng tiền, các hạn mức dừng lỗ, hạn mức giá trị chịu rủi ro VaR... nhằm kiểm soát rủi ro phù hợp với mức độ chấp nhận của Ngân hàng và tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý. Hệ thống Treasury Murex 3 đã được triển khai ứng dụng thành công, cho phép thông tin giao dịch và trạng thái rủi ro được ghi nhận đầy đủ, minh bạch, cập nhật thường xuyên lợi nhuận theo giá trị thị trường và tình hình sử dụng hạn mức rủi ro, hỗ trợ ra quyết định nhằm đảm bảo HĐKD của Vietinbank an toàn, hiệu quả.

Trong hoạt động huy động vốn và cho vay bằng ngoại tệ, VietinBank thực hiện đo lường, phân tích và dự báo các luồng tiền ngoại tệ vào/ra trong hệ thống làm cơ sở thiết lập kế hoạch vốn kinh doanh theo từng loại tiền tệ, theo đó dư nợ cho vay ngoại tệ của Ngân hàng được tài trợ tối đa bởi nguồn vốn huy động ngoại tệ cùng đồng tiền. Lượng nguồn ngoại tệ dư thừa/thiếu hụt tạm thời (nếu phát sinh) được đầu tư hoặc hoán đổi ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng để tăng hiệu quả sử dụng vốn đồng thời giảm thiểu rủi ro ngoại hối.

c) *Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng*

Rủi ro lãi suất (RRLS) trên Sổ ngân hàng, phát sinh do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng. Theo BCTC bán niên năm 2021 được soát xét, chênh lệch kỳ hạn tái định giá của Vietinbank ghi nhận giá trị âm tại các thang kỳ hạn đến 1 tháng và kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng (số dư nợ phải trả định giá lại lớn hơn số dư tài sản định giá lại tại các thang kỳ hạn này), đồng thời nhận giá trị dương tại các thang kỳ hạn còn lại. Như vậy, VietinBank có thể gặp bất lợi về thu nhập lãi thuần (NII) và giá trị kinh tế VCSH (*Economic Value of Equity – EVE là giá trị hiện tại ròng giữa dòng tiền vào của tài sản tài chính và dòng tiền ra của nợ phải trả trên cả nội bảng và ngoại bảng thuộc Sổ Ngân hàng*) khi lãi suất tăng tại các thang kỳ hạn đến 1 tháng và 6 tháng-12 tháng (số dư nợ phải trả chịu lãi suất tăng lớn hơn số dư tài sản có lãi suất tăng) và/hoặc lãi suất giảm tại các thang kỳ hạn còn lại.

Nhằm kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại, kiểm soát mức độ tác động của thay đổi lãi suất tới NII và EVE của VietinBank trong phạm vi cho phép, VietinBank đã áp dụng chính sách quản lý tập trung tại Trụ sở chính với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến bảo vệ. Cụ thể, VietinBank đã thiết lập quy định, quy trình quản lý RRLS trên Sổ ngân hàng; quản lý chênh lệch kỳ hạn định giá lại lãi suất, thiết lập hạn mức đối với chênh lệch kỳ hạn định giá lại, thay đổi NII và EVE; đồng thời sử dụng các sản phẩm phái sinh phù hợp nhằm kiểm soát rủi ro ở cấp độ danh mục. Hệ thống phần mềm Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM) và hệ thống điều chuyển vốn nội bộ (FTP) cho phép VietinBank quản lý tập trung trạng thái RRLS tại Trụ sở chính, cung cấp tự động các báo cáo chênh lệch kỳ hạn định giá lại, báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất...

Mức độ RRLS và tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức RRLS được phân tích báo cáo Ban lãnh đạo tại cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO hàng tháng nhằm kịp thời nhận diện xu hướng thay đổi cơ cấu chênh lệch kỳ hạn định giá lại, mức độ tác động tới NII/EVE và kịp thời có những điều chỉnh để đảm bảo thực hiện mục tiêu lợi nhuận của Ngân hàng.

Ở cấp độ giao dịch, VietinBank áp dụng các điều khoản phòng ngừa RRLS trong các hợp đồng tín dụng nhằm đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường; xác định lãi suất cho vay phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng, điều hành lãi suất thông qua công cụ giá mua bán vốn nội bộ (FTP) tùy theo định hướng hoạt động của Ngân hàng và diễn biến thị trường.

d) *Rủi ro hoạt động*

Rủi ro hoạt động (RRHD) là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng (bao gồm cả rủi ro pháp lý). RRHD không bao gồm rủi ro chiến lược và rủi ro danh tiếng.

Năm 2020 là năm đầy thách thức với công tác quản trị RRHD, đặc biệt là việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch duy trì kinh doanh liên tục và ứng phó với các tình huống khẩn cấp, bao gồm dịch bệnh COVID-19 và diễn biến thời tiết tiêu cực. Ngay khi có thông tin về dịch COVID-19, VietinBank đã thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19, chỉ đạo toàn hệ thống: (i) Xây dựng các phương án giao dịch, làm việc, triển khai công tác hiệu quả trên cơ sở đảm bảo sức khỏe cán bộ nhân viên, khách hàng, đối tác; (ii) Bám sát tình hình thị trường, nguồn thông tin chính thức về dịch COVID-19 để chỉ đạo, điều hành HĐKD phù hợp với diễn biến nền kinh tế; (iii) Đồng hành, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn do tác động của dịch COVID-19 (iv) Hoàn thiện hướng dẫn Xây dựng kế hoạch ứng phó dịch bệnh định kỳ, tương ứng với mức độ dịch bệnh và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả, HĐKD của VietinBank được duy trì liên tục và đảm bảo cung cấp dịch vụ toàn diện đến khách hàng.

VietinBank đã liên tục ban hành và cập nhật các văn bản hướng dẫn Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai và kế hoạch ứng phó với tình huống khẩn cấp. Trước tác động của các cơn bão mạnh, một số điểm giao dịch của VietinBank tại miền Trung đã bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, do có kế hoạch sẵn sàng và chủ động từ trước, các khách hàng có nhu cầu giao dịch đều được hướng dẫn/ hỗ trợ giao dịch tại các điểm giao dịch gần nhất, phần lớn trụ sở và các điểm giao dịch đã trở lại hoạt động bình thường trong vòng 01 ngày.

Song song với công tác ứng phó các rủi ro mang tính khách quan, trong năm 2020-2021 VietinBank cũng liên tục cập nhật chính sách và giám sát kết quả môi trường kiểm soát tại từng đơn vị nhằm chủ động phòng ngừa rủi ro nội tại và tăng cường hiệu quả hoạt động, hỗ trợ chi nhánh và các đơn vị Trụ sở chính nhận diện các vấn đề còn tồn tại trong môi trường kiểm soát toàn hàng và từ đó triển khai các biện pháp ứng xử phù hợp.

e) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

Năm 2020, VietinBank tiếp tục thực hiện chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản với các mục tiêu chính như: duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản; chiến lược nguồn vốn đảm bảo đa dạng hoá về kênh huy động và cấu trúc kỳ hạn, phù hợp với cơ cấu kỳ hạn sử dụng nguồn; trong đó tăng cường các nguồn vốn có chi phí hợp lý như tiền gửi không kỳ hạn (*Current Account Savings Account - CASA*), nguồn tiền gửi Kho bạc nhà nước, kết hợp linh hoạt khai thác nguồn vốn từ thị trường liên ngân hàng. VietinBank cũng thiết lập, mở rộng giới hạn và quan hệ giao dịch với các TCTD khác để tăng cường kênh huy động và sử dụng nguồn. Định kỳ, VietinBank tiến hành kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản nhằm đánh giá khả năng thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản.

Mô hình 3 tuyến bảo vệ được tiếp tục phát huy với Phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch tài chính đóng vai trò đầu mối phối hợp với Phòng Kinh doanh vốn và các đơn vị liên quan thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất; Phòng Quản lý rủi ro thị trường đóng vai trò tuyến bảo vệ thứ hai theo dõi giám sát độc lập, và Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng tuyến bảo vệ thứ ba. Tình hình cân đối vốn và các chỉ tiêu an toàn thanh khoản, hạn mức rủi ro thanh khoản được theo dõi hàng ngày, giám sát chặt chẽ đảm bảo tuân thủ các giới hạn theo quy định của NHNN. Định kỳ hàng tháng, tại cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, tình hình cân đối vốn và thanh khoản, tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức rủi ro được rà soát, báo cáo và đề xuất định hướng điều hành cân đối vốn đảm bảo thanh khoản an

toàn và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.

Hệ thống quản lý tài sản Nợ - Có (ALM) được xây dựng theo thông lệ quốc tế, tiếp tục cung cấp tự động các báo cáo cân đối vốn và báo cáo dòng tiền để tính toán trạng thái thanh khoản hằng ngày của Ngân hàng, đồng thời phân tích, dự báo về tình hình thanh khoản trong tương lai. Qua đó, rủi ro thanh khoản của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ theo từng đồng tiền chính (VND, USD, EUR) trên cơ sở phân tích nhu cầu thanh khoản, nguồn thanh khoản của từng HĐKD; cơ cấu Tài sản/Nợ phải trả và dòng tiền của các khoản mục nội bảng và ngoại bảng; khả năng tiếp cận thanh khoản trên thị trường.

f) Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do Ngân hàng có HĐKD tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của Ngân hàng.

Kết thúc năm 2020, tổng dư nợ cho vay khách hàng (hợp nhất) của VietinBank là 1.015.333 tỷ đồng và được phân bổ cho vay theo đa dạng, nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: Bán buôn, bán lẻ (chiếm 31,93% tổng dư nợ); Sản xuất và gia công chế biến (chiếm 24,38%); Thương mại, dịch vụ (chiếm 14,91%); Xây dựng (chiếm 9,21%); Nông, lâm, thủy hải sản (chiếm 4,26%); Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước (chiếm 4,38%); Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc (chiếm 2,39%); Khai khoáng (chiếm 1,61%) và các ngành, lĩnh vực khác.

Để phòng ngừa rủi ro tập trung, VietinBank xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tập trung dựa trên nguyên tắc đa dạng hóa danh mục tín dụng nhằm phân tán rủi ro, tránh tập trung danh mục vào một khách hàng/khách hàng và người có liên quan/ngành/lĩnh vực kinh tế. Định kỳ hàng năm, VietinBank thiết lập hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng; khách hàng và người có liên quan/ngành/lĩnh vực kinh tế phù hợp các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quy định nội bộ; đồng thời, thường xuyên theo dõi cơ cấu danh mục tín dụng đa chiều, tình hình thực hiện hạn mức để có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vượt quá hạn mức rủi ro tập trung.

g) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình HĐKD, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán. Các chỉ tiêu ngoại bảng trong BCTC của Ngân hàng là các cam kết giao dịch hối đoái và các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn. Các công cụ tài chính này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Đó là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến các công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Các cam kết giao dịch hối đoái chủ yếu là các giao dịch/hợp đồng phái sinh (mua/bán ngoại tệ có kỳ hạn hoặc giao dịch hoán đổi) nên có mức độ rủi ro thấp. Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn bao gồm các cam kết bảo lãnh vay vốn; cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C) và các cam kết trong bảo lãnh khác.

Tại thời điểm 30/06/2021, tổng các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng theo số liệu hợp nhất của VietinBank là 747.308 tỷ đồng, trong đó: các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn (gồm bảo lãnh vay vốn, cam kết trong nghiệp vụ L/C và bảo lãnh khác) là 115.885 tỷ đồng (chiếm 15,5%) và các cam kết đưa ra (gồm cam kết giao dịch hối đoái và cam kết khác) là 631.423 tỷ đồng (chiếm 84,5%).

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (như mất khả năng thanh toán L/C, không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh...). Khi đó, VietinBank sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay cho khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, VietinBank đã ban hành các quy trình thẩm định, cấp bảo lãnh, cam kết L/C, hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại khách hàng; các quy định về tỷ lệ tài sản bảo đảm, ký quỹ dựa trên mức độ rủi ro của từng nhóm khách hàng và mức độ rủi ro của từng loại bảo lãnh, cụ thể:

- Đối với các cam kết bảo lãnh: VietinBank thực hiện phân loại bảo lãnh theo các mức độ rủi ro tăng dần theo thứ tự lần lượt: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp

đồng/hoàn tiền tạm ứng, bảo lãnh thanh toán/vay vốn... Căn cứ mức độ rủi ro của từng sản phẩm bảo lãnh và mức độ tín nhiệm của khách hàng, VietinBank sẽ yêu cầu tỷ lệ tài sản bảo đảm/ký quỹ phù hợp để có biện pháp hạn chế, giảm thiểu rủi ro.

- *Đối với các cam kết thanh toán L/C:* VietinBank quản lý rủi ro xảy ra tổn thất thông qua việc thẩm định trước khi phát hành L/C, yêu cầu tỷ lệ ký quỹ và tài sản bảo đảm tương đương với mức độ tín cậy và tín nhiệm của từng nhóm khách hàng do VietinBank đánh giá.

h) Rủi ro đặc thù khác (Rủi ro hệ thống CNTT)

Hệ thống CNTT của VietinBank thuộc quy mô lớn, triển khai nhiều SPDV mới trên nhiều nền tảng CNTT. Quá trình số hóa hệ thống CNTT của VietinBank đang được triển khai mạnh mẽ với thay đổi cấu hình thường xuyên hơn, kết nối với nhiều hệ thống đối tác hơn. Vì vậy, công tác đảm bảo an toàn bảo mật giao dịch, dữ liệu của Ngân hàng luôn được coi là then chốt khi triển khai các hệ thống CNTT nhằm đem lại sự tin cậy cho khách hàng. VietinBank luôn chủ động thường xuyên đánh giá rủi ro an ninh, an toàn trên toàn hệ thống, đồng thời triển khai nhiều biện pháp kiểm soát rủi ro như:

- Tăng cường nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách, thông qua các khóa học do NHNN, Bộ Thông tin và Truyền thông hay các đối tác tổ chức;
- Tăng cường phối hợp, trao đổi với các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên trách về an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao cũng như các công ty bảo mật tại Việt Nam và trên thế giới;
- Thường xuyên theo dõi cập nhật các sự kiện an toàn thông tin trên thế giới, trong nước để có các hành động kịp thời;
- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống giám sát các sự kiện bảo mật (SIEM) trong hệ thống CNTT của VietinBank để có thể giám sát tập trung các hệ thống bảo mật đơn lẻ, phát hiện sớm các nguy cơ để có hành động xử lý kịp thời;
- Thực hiện đánh giá, nhận diện rủi ro bảo mật thông tin, vận hành khai thác đối với các SPDV trước khi xây dựng để triển khai biện pháp kiểm soát phù hợp;
- Đánh giá bảo mật tất cả các hệ thống, dịch vụ ngân hàng điện tử và các hệ thống trọng yếu trước khi cung cấp cho khách hàng;
- Triển khai các giải pháp bảo đảm sẵn sàng của các hệ thống CNTT, đồng thời diễn tập chuyển hệ thống sang trung tâm dữ liệu dự phòng thảm họa để đảm bảo hệ thống sẵn sàng hoạt động khi xảy ra thảm họa tại trung tâm dữ liệu chính;
- Triển khai, áp dụng tiêu chuẩn Chương trình An ninh Khách hàng (CSP) cho hệ thống SWIFT, ISO27001:2013 cho hệ thống Internet Banking (ngân hàng điện tử), Bộ Tiêu chuẩn Bảo mật Dữ liệu Thẻ Thanh Toán (PCI-DSS) cho hệ thống thẻ;
- Văn bản hóa, triển khai các quy trình, chính sách bảo mật: đánh giá bảo mật, xử lý sự kiện bảo mật...;
- Triển khai hệ thống truy cập Internet tập trung với công nghệ tiên tiến hơn; tăng cường bảo mật và triển khai các giải pháp cho làm việc từ xa;
- Nghiên cứu, triển khai, áp dụng giải pháp xác thực sinh trắc học trong các giao dịch tại quầy và thiết bị di động; Thực hiện bảo mật ở mức cao nhất đối với các dữ liệu sinh trắc học của khách hàng, tuân thủ các quy định của Chính phủ, NHNN về quản lý dữ liệu sinh trắc học;
- Nghiên cứu, thử nghiệm các hệ thống, giải pháp phòng thủ thụ động, chủ động phát hiện các dấu hiệu gian lận, thất thoát tài sản thông tin;
- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho cán bộ ngân hàng;
- Thường xuyên cảnh báo khách hàng về những rủi ro bảo mật thông tin trong các dịch vụ của Ngân hàng.

4. Rủi ro về đợt chào bán

a) Rủi ro của việc chào bán

Đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của VietinBank được thực hiện trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 bùng phát và lan rộng trên khắp các tỉnh thành của cả nước, các biện pháp phòng chống dịch bệnh và giãn cách xã hội kéo dài theo các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ tại nhiều tỉnh thành trong đó có các thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; do đó đợt chào bán này có rủi ro trái phiếu không được chào bán hết. Mặt khác, đợt chào bán của VietinBank không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt chào bán có thể không huy động được đủ số vốn dự kiến. Ngoài ra, trường hợp có nhiều TCTD khác phát hành trái phiếu với cùng đặc điểm, cùng loại trái phiếu, cùng kỳ hạn và trong cùng khoảng thời gian chào bán với trái phiếu của VietinBank sẽ làm gia tăng tính cạnh tranh giữa các sản phẩm trái phiếu; do đó có thể dẫn tới những rủi ro, bất lợi về khả năng hấp thụ thành công khối lượng trái phiếu đã đăng ký chào bán của VietinBank. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng trái phiếu đã đăng ký, VietinBank có thể huy động vốn qua các kênh khác như: huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác... phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Rủi ro của việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Nguồn vốn huy động được từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu) đối với các ngành nghề, lĩnh vực như: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt; Công nghiệp, Chế biến chế tạo; Khai khoáng và khác. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất... đã đề cập ở trên.

5. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là các rủi ro phát sinh có thể xảy ra trong quá trình tổ chức hoạt động, thủ tục phối hợp giữa các bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức và kiểm soát của doanh nghiệp hoặc các rủi ro xảy ra do các xung đột lợi ích của các bên liên quan và sự thiếu minh bạch, đối xử chưa công bằng, thỏa đáng và các mâu thuẫn chưa được giải quyết trong việc bảo đảm tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan cũng như cổ đông công ty.

VietinBank đã ban hành Quy chế Quản trị nội bộ do ĐHĐCĐ phê duyệt và thông qua nhằm mục đích đưa ra các nguyên tắc cơ bản về quản trị Ngân hàng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; xác định rõ vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ và quy trình, phương thức hoạt động của các cán bộ trong cơ cấu quản trị của VietinBank; xây dựng các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành VietinBank. Quy chế quản trị này được xây dựng căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị ngân hàng, phù hợp với điều kiện của Việt Nam để thực thi các chính sách rõ ràng về Quản trị nội bộ và đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch của VietinBank.

Quy chế Quản trị nội bộ của VietinBank được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc quản trị cơ bản như sau: tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ VietinBank; đảm bảo một cơ cấu quản trị, điều hành hiệu quả, hướng tới chuẩn mực quốc tế; tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; đối xử công bằng giữa các cổ đông; đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến VietinBank; ngăn ngừa xung đột lợi ích; minh bạch trong hoạt động của VietinBank; và HĐQT, Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát VietinBank có hiệu quả.

Cùng với việc bảo đảm tuân thủ thực hiện các quy định về công tác quản trị theo Quy chế Quản trị nội bộ, VietinBank luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của một công ty đại chúng lớn và có uy tín trong việc công khai, minh bạch và thường xuyên cung cấp các báo cáo và công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật bao gồm: các hoạt động của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành; các cuộc họp của HĐQT; hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành, hoạt động của các ủy ban thuộc HĐQT, thông tin về các nghị quyết do HĐQT ban hành; hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Điều

hành và cổ đông; công bố công khai danh sách về người có liên quan của VietinBank theo quy định của pháp luật và các giao dịch của người có liên quan của VietinBank với chính VietinBank; hoặc giữa VietinBank với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ; các giao dịch giữa người nội bộ của VietinBank, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do VietinBank nắm quyền kiểm soát; các giao dịch giữa VietinBank với các đối tượng khác; các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ và các vấn đề liên quan khác.

6. Các rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng: như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra (*tùy thuộc vào mức độ và phạm vi ảnh hưởng*) cũng sẽ có thể tác động và ảnh hưởng đến HDKD của VietinBank.

Mình chứng rõ nhất cho thấy sự ảnh hưởng của những rủi ro này đối với HDKD của Tổ Chức Phát Hành là sự bùng phát của dịch bệnh COVID-19 đang diễn ra trên phạm vi toàn thế giới kể từ cuối năm 2019 đến nay. Đại dịch COVID-19 là cú sốc về y tế, gây tác động mạnh mẽ và tiêu cực đến mọi mặt của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, cụ thể: tăng trưởng kinh tế của toàn cầu và nhiều quốc gia, khu vực ở mức âm; đầu tư thương mại toàn cầu suy giảm; các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy; quan hệ giao thương bị đình trệ; hoạt động SXKD của các doanh nghiệp liên tục bị gián đoạn; người lao động bị mất việc làm, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao; người dân bị hạn chế đi lại và tiếp xúc...

Đối với Việt Nam, ngay từ khi dịch bệnh khởi phát vào đầu năm 2020, Chính phủ và Nhà nước đã nhanh chóng có những biện pháp đồng bộ, quyết liệt để phòng chống, kiểm soát và ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh. Các giải pháp đã mang lại hiệu quả và thành công ban đầu khi Việt Nam đã khống chế được dịch bệnh, không để dịch bệnh lây lan trong cộng đồng trong một khoảng thời gian dài. Tuy nhiên, từ cuối tháng 4/2021 đến nay, với những diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 do phát sinh thêm các biến chủng, biến thể mới; khả năng kiểm soát lây nhiễm trong ngắn hạn và tiến độ triển khai tiêm chủng còn chậm do sự hạn chế về nguồn cung và năng lực sản xuất vaccine, Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới và khu vực vẫn đang phải đối mặt với nhiều rủi ro và khó khăn do những ảnh hưởng trầm trọng bởi dịch bệnh COVID-19. Lạm phát có dấu hiệu gia tăng do gián đoạn chuỗi cung ứng, sản xuất và một số hàng hóa cơ bản, thiết yếu có xu hướng tăng. Ngân hàng Standard Chartered và Ngân hàng Châu Á đã hạ dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam xuống mức tương ứng là 6,5% và 5,8%. Các bộ phận dự báo trong nước như Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) và Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) cũng đưa ra mức dự báo tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2021 chỉ đạt từ 5,1% - 6,2%.

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản Cáo Bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ Chức Phát Hành <i>hoặc</i> VietinBank <i>hoặc</i> Ngân hàng	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam
Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
DHDCĐ	Đại hội đồng cổ đông
TMCP	Thương mại cổ phần
NHTM	Ngân hàng thương mại
TCTD	Tổ chức tín dụng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
TGD	Tổng Giám đốc
CP	Cổ phần
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
HSX / HOSE	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
VAMC	Công ty TNHH MTV Quản lý Tài sản của các TCTD Việt Nam
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
NSLĐ	Năng suất lao động
CNTT	Công nghệ thông tin
GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VDL	Vốn điều lệ
GTCG	Giấy tờ có giá
FTP	Hệ thống điều chuyển vốn nội bộ
VaR	Giá trị chịu rủi ro (Value at Risk)
RWA	Tài sản chịu rủi ro trọng yếu (Risk Weighted Assets)
ATM	Máy rút tiền tự động (Automated Teller Machine)

VND / VNĐ	Đồng Việt Nam (đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam)
TSC	Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
SPDV	Sản phẩm dịch vụ
BHXXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp
NSNN	Ngân sách Nhà nước
DNNVV / SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (Small and Medium Enterprise)
KHCN	Khách hàng cá nhân
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment).
DPRR	Dự phòng rủi ro
ROAE (Công ty mẹ)	Tỷ suất LNST / VCSH bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAE (Hợp nhất)	Tỷ suất Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu / (VCSH – Lợi ích cổ đông không kiểm soát) bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAA (Công ty mẹ)	Tỷ suất LNST / Tổng tài sản bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAA (Hợp nhất)	Tỷ suất Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu / Tổng tài sản bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
EPS	LNST trên một cổ phiếu (Earnings Per Share)
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp.
Thuế TNCN	Thuế thu nhập cá nhân
TP	Trái phiếu

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

1.1. Giới thiệu Tổ Chức Phát Hành

- Tên đầy đủ tiếng Việt : **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài : **VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**
- Tên viết tắt : **VietinBank hoặc VIETINBANK**
- Logo : **VietinBank** 
- Địa chỉ trụ sở chính : **Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.**
- Điện thoại : **1900 558868 hoặc (84-24) 3941 8868**
- Fax : **(84-24) 3942 1032**
- Website : **www.vietinbank.vn**
- Vốn điều lệ hiện tại : **48.057.506.090.000 đồng (Bốn mươi tám nghìn không trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm linh sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng)**
- Giấy phép thành lập và hoạt động : **Số 142/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 03/07/2009**
- GCNĐKDN : **Số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021.**
- Người đại diện theo pháp luật : **Ông Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT**
- Mã cổ phiếu : **CTG**
- Sàn niêm yết cổ phiếu : **Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

VietinBank là một ngân hàng thương mại cổ phần, với ngành nghề kinh doanh chính thuộc mã ngành 6419 là “Hoạt động trung gian tiền tệ khác”. HDKD của VietinBank là: Kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp, GCNĐKDN và Điều lệ tổ chức hoạt động của VietinBank, phù hợp với các quy định của pháp luật, bao gồm:

- Hoạt động ngân hàng thương mại: *huy động vốn; hoạt động tín dụng; dịch vụ thanh toán và ngân quỹ;*
- Hoạt động ngân hàng đầu tư: *đầu tư tài chính; các dịch vụ về chứng khoán; quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, ủy thác đầu tư, nhận ủy thác đầu tư; tư vấn việc mua bán, sáp nhập, tái cơ cấu doanh nghiệp, mua bán nợ theo quy định của pháp luật; kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng trong nước và nước ngoài các sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, giá cả hàng hóa và các sản phẩm tài chính trên nguyên tắc phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và các hoạt động ngân hàng đầu tư khác theo quy định của pháp luật;*
- Hoạt động bảo hiểm: *bảo hiểm nhân thọ; bảo hiểm phi nhân thọ; tái bảo hiểm và các dịch vụ bảo hiểm khác;*

- Hoạt động khác: kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ tài chính phải sinh được NHNN chấp thuận; thành lập công ty con để hoạt động, kinh doanh, quản lý, khai thác, bán tài sản trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm tiền vay và tài sản mà Nhà nước giao cho VietinBank xử lý, thu hồi nợ; cho thuê các tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý và sử dụng của VietinBank theo quy định của pháp luật.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Sự kiện quan trọng
1988	• Tiền thân là Ngân hàng chuyên doanh Công thương Việt Nam theo Nghị định số 53/HĐBT ngày 26/03/1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về tổ chức bộ máy NHNN.
1990	• Chính thức được đổi tên thành Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo Quyết định số 402/CT ngày 14/11/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ). • Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam tham gia với ngân hàng nước ngoài thành lập Ngân hàng Liên doanh Indovina vào ngày 21/11/1990.
1993 - 1996	• Thống đốc NHNN ký Quyết định số 67/QĐ-NH5 ngày 27/03/1993 về việc thành lập Ngân hàng Công Thương Việt Nam thuộc NHNN. • Được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính Phủ, Thống đốc NHNN ký Quyết định 285/QĐ-NH5 ngày 21/09/1996 về việc thành lập lại Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo mô hình Tổng công ty Nhà nước.
2008	• Ra mắt thương hiệu mới VietinBank vào tháng 4/2008. • Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 23/09/2008 phê duyệt Phương án cổ phần hóa Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Ngày 02/11/2008, NHNN ký Quyết định số 2604/QĐ-NHNN về việc công bố giá trị doanh nghiệp Ngân hàng Công Thương Việt Nam. • Ngày 25/12/2008, Ngân hàng Công Thương Việt Nam tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) để cổ phần hóa thành công.
2009	• Ngày 03/07/2009, Ngân hàng được cổ phần hóa và đổi tên thành Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 03/07/2009 của NHNN và theo GCNĐKKD lần đầu số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/07/2009; • Chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là "CTG" vào ngày 16/7/2009 với giá đóng cửa phiên giao dịch đầu tiên là 40.100 đồng/cổ phiếu.
2011	• Là NHTMCP Nhà nước đầu tiên có đối tác chiến lược nước ngoài khi thực hiện bán 10% vốn điều lệ cho IFC. • Khai trương chi nhánh tại Frankfurt, Đức.
2012	• Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thành công 250 triệu USD trái phiếu ra thị trường quốc tế và niêm yết tại SGDCK Singapore (SGX). Trái phiếu được phát hành ngày 17/5/2012, có kỳ hạn 5 năm và lãi suất cố định 8%/năm. • Mở chi nhánh tại Thủ đô Vientian, Lào.

Thời gian	Sự kiện quan trọng
2013	Tiếp tục bán 19,73% cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là MUFG Bank (Nhật Bản) và trở thành NHTMCP Nhà nước có cơ cấu cổ đông mạnh nhất Việt Nam tại thời điểm này.
2014	Xây dựng chiến lược bán lẻ, lấy khách hàng làm trung tâm, mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam.
2015	- Nâng cấp từ Chi nhánh trở thành Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào (ngân hàng con); - Định hướng chuyển dịch cơ cấu khách hàng sang bán lẻ và doanh nghiệp vừa và nhỏ, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thu ngoài lãi.
2017	Chuyển đổi thành công hệ thống Core Banking (SunShine), đưa VietinBank trở thành ngân hàng sở hữu nền tảng công nghệ hiện đại bậc nhất trong Ngành Ngân hàng Việt Nam.
2018	Tăng cường hợp tác khu vực và hội nhập quốc tế, giá trị thương hiệu VietinBank được nâng cao và tăng trưởng liên tục.
2020	- Hoàn thành tốt Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 tại VietinBank và Kế hoạch Kinh doanh trung hạn 2018-2020. - Xây dựng Chiến lược phát triển VietinBank giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045, Kế hoạch Kinh doanh trung hạn giai đoạn 2021-2023.
2021	Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-TTg ngày 22/05/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 3829/NHNN-TTGSNH ngày 28/05/2021 của NHNN v/v phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn Nhà nước tại VietinBank, ngày 08/07/2021, VietinBank đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu (chi trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại của các năm 2017, 2018 và 2019) để tăng vốn điều lệ từ 37.234.045.560.000 đồng lên 48.057.506.090.000 đồng, tạo tiền đề giúp VietinBank nâng cao năng lực tài chính trong các năm tiếp theo.

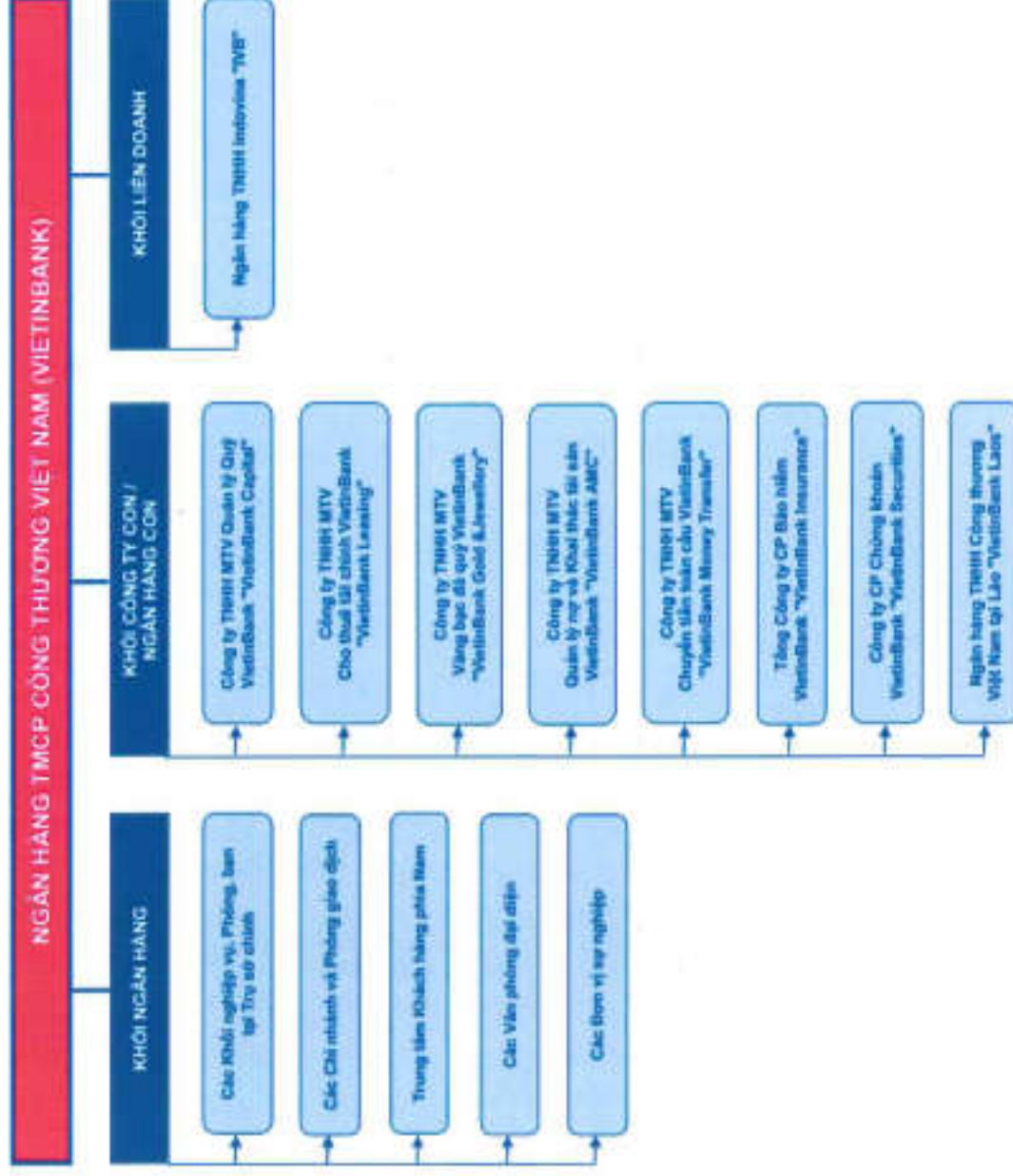
2.2. Các giải thưởng và danh hiệu tiêu biểu

- VietinBank là ngân hàng Việt Nam duy nhất 2 lần liên tiếp lọt vào **Top 300 Thương hiệu ngân hàng giá trị nhất thế giới** của Brand Finance. Vị trí này tiếp tục khẳng định vị thế và sức mạnh thương hiệu VietinBank. Đồng thời, theo Forbes Việt Nam, VietinBank cũng 5 năm liên tiếp nằm trong **Top 50 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam** năm 2020.
- VietinBank được vinh danh **Top 10 Doanh nghiệp bền vững** năm 2020 ở lĩnh vực Thương mại – Dịch vụ. Giải thưởng do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức, với 127 chỉ số ở 4 lĩnh vực: chỉ số kết quả phát triển bền vững, chỉ số quản trị, chỉ số môi trường và chỉ số lao động.
- VietinBank lần thứ 9 liên tiếp nằm trong danh sách Forbes Global 2000 (**Top 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới**) do Tạp chí uy tín Forbes của Mỹ công bố. Forbes xác định VietinBank đạt doanh thu 4,1 tỷ USD và tài sản đạt 53,3 tỷ USD.
- Lần thứ 6 liên tiếp, VietinBank là doanh nghiệp có SPDV đạt **Thương hiệu Quốc gia**. Đây là danh hiệu uy tín và cao quý được Thủ tướng Chính phủ giao cho Hội đồng Thương hiệu Quốc gia phối hợp với Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công thương) tổ chức. Chương trình Thương hiệu Quốc gia là chương trình duy nhất của Chính phủ Việt Nam nhằm quảng bá hình ảnh Quốc gia qua thương hiệu SPDV thông qua 3 tiêu chí: Chất lượng, Đổi mới sáng tạo và Năng lực tiên phong.

- Lần thứ 5 liên tiếp, VietinBank đã vinh dự đạt Giải thưởng “**Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam**” của Tạp chí Global Banking & Finance Review cùng nhiều giải thưởng uy tín khác như: Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu, Ngân hàng có SPDV sáng tạo tiêu biểu với Dịch vụ Tài khoản thanh toán theo yêu cầu của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) phối hợp với Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng.
- Vietinbank được Tạp chí Global Finance vinh danh Giải thưởng “**Đơn vị cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam**” 3 năm liên tiếp, khẳng định thành công của Ngân hàng trong đổi mới, cải tiến không ngừng hoạt động ngoại hối, nâng cao vị thế của VietinBank trên thị trường. Đồng thời, năm 2020, The Asian Banker đã vinh danh VietinBank là “**Đơn vị cung cấp dịch vụ phái sinh lãi suất của năm tại Việt Nam**”.
- Lần thứ 2 đạt giải thưởng danh giá “**Ngân hàng SME phát triển nhanh nhất Việt Nam**” của Global Banking & Finance Review, VietinBank đã khẳng định định hướng phát triển đúng đắn, khả năng cung ứng cũng như chất lượng và lợi ích vượt trội của các SPDV dành cho khách hàng DNNVV. Bên cạnh đó, năm 2020, Global Banking & Finance Review cũng trao Giải thưởng “**Trung tâm Dịch vụ khách hàng dẫn đầu Việt Nam**” lần thứ 3 liên tiếp cho VietinBank, minh chứng cho sự nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng của Ngân hàng.
- Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) – thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới – World Bank Group đã trao Giải thưởng “**Ngân hàng phát hành tốt nhất Khu vực Đông Á – Thái Bình Dương**” cho VietinBank. Đây là lần thứ 2 liên tiếp VietinBank nhận được giải thưởng danh giá này từ IFC. Giải thưởng công nhận đóng góp của VietinBank trong Chương trình Tài trợ thương mại toàn cầu (Global Trade Finance Program – GTFP) của IFC.
- Năm 2020 chứng kiến những thành công liên tiếp của VietinBank trong lĩnh vực ngân hàng số và chuyển đổi số. VietinBank vinh dự được Tạp chí The Asian Banker trao Giải thưởng “**Ứng dụng công nghệ ngân hàng trên điện thoại tốt nhất**” dành cho VietinBank iPay Mobile, tự hào là Ngân hàng Việt Nam duy nhất được vinh danh trong hạng mục giải thưởng này cùng với nhiều tên tuổi là các ngân hàng lớn và tổ chức khác trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Đồng thời, VietinBank iPay Mobile cũng vinh dự là sản phẩm ngân hàng duy nhất lọt Top 10 Sao Khuê 2020, và VietinBank eFast lần thứ 2 đạt danh hiệu Sao Khuê. Năm 2020, The Asian Banker cũng trao Giải thưởng “**Triển khai nền tảng API và Ngân hàng mở tốt nhất Việt Nam**” dành cho VietinBank. VietinBank cũng được Tạp chí Kinh tế Việt Nam trao Top 10 sản phẩm Tin dùng cho Hệ thống Smart Digital Branch – Chi nhánh số hóa thông minh (SDB). Những thành công cùng với các giải thưởng và danh hiệu nói trên đã chứng minh sự chuyển mình mạnh mẽ trong đầu tư về công nghệ, đem đến SPDV tài chính hiện đại cùng trải nghiệm mới mẻ tới khách hàng của VietinBank.
- 6 tháng đầu năm 2021, VietinBank vinh dự và xuất sắc giành được nhiều danh hiệu và giải thưởng lớn, bao gồm: (i) Giải thưởng Sao Khuê 2021 cho 03 sản phẩm, dịch vụ ngân hàng là Ứng dụng Ngân hàng số VietinBank iPay Mobile, Dịch vụ Ngân hàng điện tử dành cho KHDN – VietinBank eFAST và Dịch vụ kết nối ERP dành cho KHDN – VietinBank ERP-Connect, được trao tặng bởi Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam trao tặng; (ii) Giải thưởng “**Ngân hàng cung ứng sản phẩm phái sinh tài chính tốt nhất năm 2020**” của Tạp chí The Asian Banker; (iii) Giải thưởng vinh danh VietinBank là ngân hàng có “**Giải pháp tài chính đổi mới sáng tạo nhất dành cho doanh nghiệp**”; (iv) Giải thưởng “**Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam**” do Tạp chí The Asian Banker (Singapore) và Tạp chí Global Banking & Finance Review (Vương quốc Anh) trao tặng.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của VietinBank



Nguồn: VietinBank

3.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức của VietinBank

Tính đến thời điểm 30/06/2021, cơ cấu tổ chức của VietinBank bao gồm:

a. Khối Ngân hàng (Công ty mẹ) gồm có:

- 01 Trụ sở chính đặt tại số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Ngoài các cơ quan quản trị, giám sát và điều hành Ngân hàng (gồm HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành), trụ sở chính của VietinBank bao gồm các khối nghiệp vụ và các phòng ban, đơn vị chức năng liên quan;
- 157 Chi nhánh (gồm 155 Chi nhánh trong nước và 02 Chi nhánh nước ngoài tại Cộng hòa Liên bang Đức) và 958 phòng giao dịch trải khắp trên 63 tỉnh thành của cả nước;
- 01 Trung tâm Khách hàng phía Nam;
- 03 Văn phòng đại diện (gồm 02 văn phòng đại diện trong nước tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh; và 01 văn phòng đại diện nước ngoài tại Myanmar);
- 09 Đơn vị sự nghiệp (gồm Trung tâm Tài trợ Thương mại; Trung tâm Thẻ; Trung tâm CNTT; Trường Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực và 05 Trung tâm Quản lý Tiền mặt).

b. Khối Công ty con/Ngân hàng con

VietinBank có 07 công ty con và 01 ngân hàng con sở hữu trực tiếp, cụ thể như sau:

TT	Tên công ty con/ngân hàng con	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại ngày 30/06/2021
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ VietinBank (VietinBank Capital)	300 tỷ đồng	100%
2	Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính VietinBank (VietinBank Leasing)	1.000 tỷ đồng	100% (*)
3	Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank (VietinBank Gold & Jewellery)	200 tỷ đồng	100%
4	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản VietinBank (VietinBank AMC)	120 tỷ đồng	100%
5	Công ty TNHH MTV Chuyển tiền toàn cầu VietinBank (VietinBank Money Transfer)	50 tỷ đồng	100%
6	Tổng công ty CP Bảo hiểm VietinBank (VBI hoặc VietinBank Insurance)	666 tỷ đồng	73,37%
7	Công ty CP Chứng khoán VietinBank (VietinBank Securities)	1.064,37 tỷ đồng	75,61%
8	Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào (VietinBank Laos)	50 triệu USD	100%

Nguồn: VietinBank

(*) Ghi chú: Ngày 22/06/2020, HĐQT VietinBank đã ban hành Nghị quyết số 231/NQ-HĐQT-NHCT2.1 về việc (i) phê duyệt việc chuyển nhượng 49% vốn điều lệ của VietinBank Leasing do VietinBank sở hữu cho Nhà đầu tư nước ngoài là Công ty Mitsubishi UFJ Lease & Finance và chuyển nhượng 01% vốn điều lệ của VietinBank Leasing do VietinBank sở hữu cho 01 Nhà đầu tư trong nước; và (ii) phê duyệt việc chuyển đổi hình thức pháp lý của VietinBank Leasing từ TCTD là công ty TNHH MTV thành TCTD là công ty TNHH hai thành viên trở lên sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng một phần vốn điều lệ. Tuy nhiên, tại thời điểm ban hành Bản cáo bạch này, VietinBank đang trong quá trình thực hiện các thủ tục xin chấp thuận từ Cơ quan có thẩm quyền đối với việc chuyển đổi hình thức pháp lý của VietinBank Leasing.

c. Khối Liên doanh

VietinBank có 01 công ty liên doanh là Ngân hàng TNHH Indovina (IVB), có vốn điều lệ là 193 triệu USD. Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại IVB là 50% vốn điều lệ.

4.2. Diễn giải cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VietinBank

a. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của VietinBank, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có tên trong danh sách đăng ký cổ đông. ĐHĐCĐ có thể được tổ chức thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. ĐHĐCĐ quyết định tổ chức lại và giải thể Ngân hàng, quyết định định hướng hoạt động và phát triển của Ngân hàng, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ; quyết định các công việc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VietinBank.

b. Hội đồng Quản trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh VietinBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của ngân hàng, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm trong việc xây dựng chiến lược của VietinBank và xác định các ưu tiên trong HĐKD của VietinBank, định hướng và kiểm soát công tác quản lý, đưa ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

Cơ cấu HĐQT hiện tại như sau:

1 Ông	Trần Minh Bình	- Chủ tịch HĐQT
2 Ông	Trần Văn Tân	- Thành viên HĐQT
3 Bà	Trần Thu Huyền	- Thành viên HĐQT
4 Ông	Masahiko Oki	- Thành viên HĐQT
5 Ông	Masashige Nakazono	- Thành viên HĐQT
6 Bà	Phạm Thị Thanh Hoài	- Thành viên HĐQT
7 Ông	Nguyễn Thế Huân	- Thành viên HĐQT
8 Bà	Nguyễn Thị Bắc	- Thành viên độc lập HĐQT

Các Ủy ban trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT, bao gồm: Ủy ban Nhân sự; Ủy ban Quản lý rủi ro; Ủy ban Chính sách.

c. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định Pháp luật và Điều lệ VietinBank trong việc quản trị và điều hành VietinBank; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát được sử dụng các quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ VietinBank. Ban Kiểm soát có vai trò thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

1. Bà	Lê Anh Hà	- Trưởng Ban Kiểm soát
2. Bà	Nguyễn Thị Anh Thư	- Thành viên
3. Ông	Nguyễn Mạnh Toàn	- Thành viên
4. Bà	Phạm Thị Thơm	- Thành viên

d. Ban Điều hành

Ban Điều hành bao gồm Tổng Giám đốc (TGD) và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và có sự thông qua của NHNN. TGD là người điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Cơ cấu Ban Điều hành hiện tại như sau:

- | | |
|----------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Hoàng Dũng | - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành |
| 2. Ông Masahiko Oki | - Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Đức Thành | - Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Trần Công Quỳnh Lâm | - Phó Tổng Giám đốc |
| 5. Ông Nguyễn Đình Vinh | - Phó Tổng Giám đốc |
| 6. Bà Lê Như Hoa | - Phó Tổng Giám đốc |
| 7. Bà Nguyễn Hồng Vân | - Phó Tổng Giám đốc |
| 8. Ông Nguyễn Hải Hưng | - Kế toán trưởng |

e. Các Hội đồng

- **Hội đồng Tín dụng (HĐTD):** Là bộ phận trực thuộc TGD, do TGD thành lập để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của TGD liên quan đến công tác phê duyệt cấp tín dụng, cơ cấu lại thời hạn trả nợ một cách an toàn hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của NHNN; quy định nội bộ của VietinBank.
- **Hội đồng Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có:** Tham mưu, giúp việc cho TGD nhằm đảm bảo cơ cấu Tài sản nợ - Tài sản có của VietinBank phù hợp với định hướng phát triển, khẩu vị rủi ro và các quy định khác của HĐQT; Tối đa hóa lợi nhuận theo định hướng phát triển của VietinBank; Kiểm soát rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ Ngân hàng, rủi ro thị trường của VietinBank ở mức hợp lý; Đảm bảo chính sách lãi suất, chính sách giá, chính sách điều chuyển vốn nội bộ của VietinBank hiệu quả, linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường và kế hoạch kinh doanh của VietinBank.
- **Hội đồng Quản lý rủi ro (QLRR):** Tham mưu, giúp việc cho TGD nhằm đánh giá các chính sách QLRR để trình HĐQT; Xây dựng và thực thi các văn bản chính sách QLRR thuộc thẩm quyền TGD; Tham mưu cho TGD trình HĐQT xem xét, phê duyệt Hạn mức kiểm soát rủi ro thông qua Ủy ban Quản lý rủi ro; Tham mưu cho TGD phê duyệt Hạn mức rủi ro toàn hàng và Hạn mức rủi ro cấp khối và giám sát việc thực hiện; Giám sát trạng thái rủi ro của VietinBank; Đánh giá, nhận diện rủi ro trọng yếu đối với các SPDV có ảnh hưởng lớn đến trạng thái rủi ro, có nguy cơ dẫn đến vi phạm Hạn mức rủi ro toàn hàng; Đánh giá tác động của kịch bản căng thẳng lên Tổng tài sản tính theo các rủi ro trọng yếu và kết quả kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản, kế hoạch dự phòng thanh khoản; Tổ chức thực hiện, tham mưu cho TGD về giám sát việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về QLRR theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập các cơ quan chức năng khác, Ban kiểm soát và phòng Kiểm toán nội bộ.
- **Hội đồng Quản lý vốn:** Tham mưu, giúp việc cho TGD trong công tác quản lý vốn, nhằm đảm bảo VietinBank tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của NHNN, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập và cam kết với các đối tác liên quan; VietinBank duy trì tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi; Mức vốn phù hợp với khẩu vị rủi ro và các quy định khác của HĐQT trên cơ sở diễn biến của các rủi ro trọng yếu.

f. Các Khối nghiệp vụ

- **Khối Khách hàng doanh nghiệp (KHDN):** Trực tiếp bán hàng với các khách hàng là Tập đoàn, Tổng công ty, KHDN quan trọng, phát triển hoàn thiện các sản phẩm phục vụ phân khúc KHDN đồng thời triển khai các chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng, thúc đẩy bán hàng, phối hợp với các khối kinh doanh khác thúc đẩy bán chéo SPDV.
- **Khối Bán lẻ:** Đầu mối xây dựng thị trường mục tiêu, khách hàng tiềm năng liên quan đến mảng bán lẻ trong chiến lược kinh doanh tổng thể; Hỗ trợ chi nhánh trong công tác bán hàng, chịu trách nhiệm quản lý hoạt động bán hàng liên quan đến khách hàng bán lẻ.
- **Khối Kinh doanh vốn và thị trường:** Là đơn vị tạo ra lợi nhuận, thực hiện quản lý, điều hành và tổ chức kinh doanh Sở Kinh doanh và Sở Ngân hàng; Thực hiện các nghiệp vụ bán hàng, giao dịch kinh doanh, tư vấn, môi giới, huy động vốn và đầu tư trên thị trường tiền tệ hoặc thị trường vốn trong và ngoài nước nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho ngân hàng; đầu mối quản lý các đơn vị nhận vốn góp của VietinBank.
- **Khối Phê duyệt tín dụng:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban điều hành trong việc kiểm soát thẩm định tín dụng đối với hồ sơ tín dụng của khách hàng trong hệ thống VietinBank, thực hiện phê duyệt tín dụng theo phân cấp thẩm quyền.
- **Khối Quản lý rủi ro:** Đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ hai, có nhiệm vụ xây dựng chính sách quản lý rủi ro, các quy định nội bộ về quản trị rủi ro; Theo dõi, giám sát và báo cáo độc lập đối với quá trình nhận diện, đo lường, quản lý, kiểm soát, ngăn ngừa toàn diện các loại rủi ro phát sinh trong HĐKD của hệ thống VietinBank đảm bảo phù hợp với khẩu vị rủi ro của VietinBank, tuân thủ quy định của pháp luật, VietinBank và phù hợp thông lệ quốc tế; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định nội bộ VietinBank.
- **Khối Pháp chế và Tuân thủ:** Tư vấn các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và HĐKD của ngân hàng; Xây dựng các chính sách quản lý tuân thủ, giám sát và quản lý việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế của VietinBank bao gồm công tác Phòng chống rửa tiền, FATCA; Hỗ trợ hoặc xử lý các khoản nợ có vấn đề.
- **Khối Nhân sự:** Gồm 2 phòng chức năng và trường Đào tạo, có chức năng tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo trong công tác hoàn thiện mô hình hoạt động, tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực, mạng lưới trong hệ thống VietinBank; cung cấp các dịch vụ nhân sự, đào tạo cho cán bộ, người lao động.
- **Khối CNTT:** Có nhiệm vụ xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển CNTT phục vụ cho chiến lược phát triển kinh doanh SPDV và công tác quản trị, điều hành của VietinBank; đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động thông suốt, ổn định và an toàn.
- **Khối Vận hành:** Có nhiệm vụ tổ chức, triển khai, quản lý và/hoặc xử lý tập trung các giao dịch thuộc các nghiệp vụ của ngân hàng; vận hành về nghiệp vụ các hệ thống công nghệ xử lý giao dịch nhằm đảm bảo thực thi chính xác, hiệu quả các quy trình nghiệp vụ, giao dịch của VietinBank; hỗ trợ khách hàng và thúc đẩy bán hàng thông qua các kênh điện tử và tổng đài Contact Center; xây dựng tiêu chuẩn quản lý chất lượng dịch vụ và giám sát công tác quản lý chất lượng của VietinBank.
- **Khối Marketing & Truyền thông:** Có nhiệm vụ xây dựng, triển khai và giám sát các hoạt động marketing truyền thông, thiết kế và giám sát tuân thủ hình ảnh, nhận diện thương hiệu của VietinBank; triển khai chiến lược hình ảnh/thương hiệu trong hệ thống và phát triển thương hiệu, hình ảnh, phát ngôn ra bên ngoài; nhận diện, phòng ngừa và xử lý rủi ro danh tiếng.
- **Khối Tài chính:** Thực hiện tập trung hóa công tác quản trị tài chính, đồng thời tổ chức chuyên môn hóa giữa các nhóm chức năng: (i) Quản lý hiệu quả hoạt động toàn hàng, (ii) Đối tác chiến lược tài chính, (iii) Quản lý cân đối vốn, (iv) Thuế, (v) Chính sách kế toán, (vi) Hạch toán kế toán, (vii) Báo cáo quản trị toàn hàng.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Danh sách các công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, kèm thông tin cụ thể tính đến thời điểm nắm giữ gần nhất như sau:

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành:

VietinBank hiện có duy nhất 01 cơ quan nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với VietinBank là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), cụ thể như sau:

- NHNN đóng vai trò là Cổ đông Nhà nước và là Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại VietinBank.
- Trụ sở chính của NHNN đặt tại số 49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- NHNN tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập vào ngày 06/05/1951 theo Sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chính:
 - NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.
 - Hoạt động của NHNN là nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm sự an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của NHNN tại VietinBank (tại 31/08/2021): là 64,46% vốn điều lệ.

5.2. Danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và cho đến ngày 30/06/2021, VietinBank có 07 công ty con, 01 ngân hàng con sở hữu trực tiếp và 01 ngân hàng góp vốn liên doanh, cụ thể:

1	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("VietinBank Capital"): - Trụ sở chính: Tầng 6, Trung tâm thương mại Chợ Cửa Nam, 34 phố Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. - Ngày thành lập: 26/10/2010. - GCNĐKKD hoặc Giấy phép hoạt động: Số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 và Giấy phép điều chỉnh 76/GPĐC-UBCK ngày 27/11/2020 của UBCKNN. - Vốn điều lệ (tại 30/06/2021): 300 tỷ đồng. - HKKD chính: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục ủy thác đầu tư; tư vấn đầu tư chứng khoán và một số nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 100%.
2	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam "VietinBank Insurance / VBI":

	- Trụ sở chính: Tầng 10-11, Tòa nhà 126 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội. - Ngày thành lập: 12/02/2008. - GCNĐKKD hoặc Giấy phép hoạt động: Số 21/GP/KDBH ngày 12/02/2002 và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC29/KDBH ngày 12/11/2020 của Bộ Tài chính. - Vốn điều lệ (tại 30/06/2021): 666,67 tỷ đồng. - HĐKD chính: Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 73,37%.
3	Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam “VietinBank Leasing”: - Trụ sở chính: 16 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, Hà Nội. - Ngày thành lập: 26/01/1998 (theo Quyết định số 53/1998/QĐ-NHNN5 của NHNN) - GCNĐKKD: Số 0101047075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/8/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/11/2020 - Vốn điều lệ (tại 30/06/2021): 1.000 tỷ đồng - HĐKD chính: Cho thuê tài chính đối với các doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức khác thuộc đối tượng cho vay vốn của TCTD theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 100%. <i>Ghi chú: Ngày 22/06/2020, HĐQT VietinBank đã ban hành Nghị quyết số 231/NQ-HĐQT-NHCT2.1 v/v (i) phê duyệt việc chuyển nhượng 49% VDL của VietinBank Leasing cho Công ty Mitsubishi UFJ Lease & Finance và chuyển nhượng 01% VDL của VietinBank Leasing cho 01 nhà đầu tư trong nước; và (ii) phê duyệt việc chuyển đổi hình thức pháp lý của VietinBank Leasing từ TCTD là công ty TNHH MTV thành TCTD là công ty TNHH hai thành viên trở lên sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng. Tuy nhiên, VietinBank hiện vẫn đang thực hiện các thủ tục xin chấp thuận từ Cơ quan có thẩm quyền về việc chuyển đổi hình thức pháp lý của VietinBank Leasing.</i>
4	Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam “VietinBank Securities”: - Trụ sở chính: 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. - Ngày thành lập: 01/09/2000 (theo Quyết định số 126/QĐ-HĐQT-NHCT1 của HĐQT VietinBank) - GCNĐKKD hoặc Giấy phép hoạt động: Số 107/UBCK-GP ngày 01/7/2009 và Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 25/5/2020 của UBCKNN. - Vốn điều lệ (tại 30/06/2021): 1.064,37 tỷ đồng - HĐKD chính: Môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính, lưu ký chứng khoán và các nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 75,61%.

5	Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank Gold & Jewellery”): - Trụ sở chính: Tầng 2 Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. - Ngày thành lập: 15/09/2010 (theo Quyết định số 1521/QĐ-HĐQT-NHCT1 của HĐQT VietinBank) - GCNĐKKD: Số 0105011873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/11/2010, thay đổi lần 7 ngày 22/7/2019. - Vốn điều lệ (tại 30/06/2021): 200 tỷ đồng - HĐKD chính: Kinh doanh vàng, bạc, đá quý và các kim loại quý khác theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 100%.
6	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam “VietinBank AMC”: - Trụ sở chính: 76 Nguyễn Văn Cừ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. - Ngày thành lập: 10/07/2000. - GCNĐKKD: Số 0302077030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/07/2010, thay đổi lần 5 ngày 24/11/2017. - Vốn điều lệ (tại 30/06/2021): 120 tỷ đồng - HĐKD chính: Quản lý nợ và khai thác tài sản; định giá tài sản; tiếp nhận và xử lý nợ, tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh; cho thuê tài sản; mua bán nợ theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 100%
7	Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam “VietinBank Money Transfer”: - Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà VietinBank, 126 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội. - Ngày thành lập: 03/01/2012. - GCNĐKKD: Số 0105757686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/01/2012, thay đổi lần 1 ngày 13/3/2015. - Vốn điều lệ (tại 30/06/2021): 50 tỷ đồng - HĐKD chính: Kinh doanh dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ kiều hối khác theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty: 100%.
8	Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (“VietinBank Laos”): - Trụ sở chính: Số 268 đường Langxang, phường Hatsady, quận Chanthabouly, Thủ đô Vientian, CHDCND Lào. - Ngày thành lập: 03/02/2012.

- Giấy phép đầu tư:	Số 4116/ERO ngày 10/11/2011 và Giấy phép đầu tư sửa đổi số 512/BLA ngày 13/07/2015 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp.
- Giấy phép hoạt động:	Giấy phép thành lập Chi nhánh ngân hàng nước ngoài số 068/BOL ngày 27/01/2012 và Giấy phép chuyển đổi thành ngân hàng con số 068/BOL ngày 08/07/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Lào.
- Vốn điều lệ (tại 30/06/2021):	50 triệu USD
- HKDK chính:	Kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành đăng ký kinh doanh, đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo Giấy phép hoạt động do NHNN Lào cấp.
- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%
9	Ngân hàng TNHH Indovina “IVB”:
- Trụ sở chính:	97A Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày thành lập:	21/11/1990 (theo Giấy phép Đầu tư số 135/GP của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác)
- GCNĐKKD hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 101/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 11/11/2019, thay thế cho Giấy phép hoạt động ngân hàng liên doanh số 08/NH-GP do NHNN cấp ngày 29/10/1992.
- Lĩnh vực hoạt động:	Kinh doanh ngân hàng.
- Vốn điều lệ (tại 30/06/2021):	193 triệu USD
- HKDK chính:	Kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh theo quy định của pháp luật và theo Giấy phép hoạt động do NHNN cấp.
- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	50%.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Thứ tự các lần tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Nội dung
	Ngày 03/07/2009	Vốn điều lệ của VietinBank theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 03/07/2009 của NHNN và theo GCNĐKKD số 0103038874 ngày 03/07/2009 của Sở KH&ĐT Hà Nội cấp đăng ký lần đầu là 11.252.972.800.000 đồng.
Lần 1	Ngày 18/10/2010	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 11.252.972.800.000 đồng - Giá trị vốn tăng thêm: 3.919.318.410.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 15.172.291.210.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 6,83%) và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 28%). - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHĐCĐ. - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (do pháp luật về chào bán

Thứ tự các lần tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Nội dung
		chứng khoán tại thời điểm này không quy định Tổ chức phát hành phải kiểm toán Báo cáo tiến độ sử dụng vốn).
Lần 2	Ngày 10/03/2011	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 15.172.291.210.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 1.685.810.130.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 16.858.101.340.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho IFC và Quỹ đầu tư cấp vốn IFC; - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHĐCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (do pháp luật về chào bán chứng khoán tại thời điểm này không quy định Tổ chức phát hành phải kiểm toán Báo cáo tiến độ sử dụng vốn).
Lần 3	Ngày 28/12/2011	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 16.858.101.340.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 3.371.620.270.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 20.229.721.610.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHĐCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (do pháp luật về chào bán chứng khoán tại thời điểm này không quy định Tổ chức phát hành phải kiểm toán Báo cáo tiến độ sử dụng vốn).
Lần 4	Ngày 09/04/2012	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 20.229.721.610.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 5.987.823.760.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 26.217.545.370.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 (tỷ lệ 20%) và phát hành cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 9,6%) cho cổ đông hiện hữu; - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHĐCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (do pháp luật về chào bán chứng khoán tại thời điểm này không quy định Tổ chức phát hành phải kiểm toán Báo cáo tiến độ sử dụng vốn).
Lần 5	Ngày 14/05/2013	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 26.217.545.370.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 6.443.898.110.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 32.661.443.480.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd và hiện đã đổi tên thành MUFG Bank Ltd., - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHĐCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (do pháp luật về chào bán chứng khoán tại thời điểm này không quy định Tổ chức phát hành

Thứ tự các lần tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Nội dung
		phải kiểm toán Báo cáo tiến độ sử dụng vốn).
Lần 6	Ngày 14/10/2013	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 32.661.443.480.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 4.572.602.080.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 37.234.045.560.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu; - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHĐCD; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (do pháp luật về chào bán chứng khoán tại thời điểm này không quy định Tổ chức phát hành phải kiểm toán Báo cáo tiến độ sử dụng vốn).
Lần 7	Ngày 08/07/2021	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 37.234.045.560.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 10.823.460.530.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 48.057.506.090.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017, 2018 và 2019 (tỷ lệ 29,0695%) cho cổ đông hiện hữu; - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: Thủ tướng Chính phủ, NHNN, UBCKNN và ĐHĐCD; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (vì lần tăng vốn này thực hiện thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, không phải chào bán/phát hành cổ phiếu để thực hiện dự án nên không phải kiểm toán Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo quy định của pháp luật hiện hành).

(Nguồn: VietinBank)

Kể từ khi thành lập, VietinBank không có lần giảm vốn điều lệ nào.

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

Thông tin chi tiết về cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi đang lưu hành của VietinBank tại thời điểm 31/08/2021 như sau:

STT	Loại cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết
I	Cổ phiếu phổ thông	4.805.750.609	100%
1	Cổ phiếu phổ thông do tổ chức nắm giữ:	4.394.442.616	91,44%
1.1	Tổ chức trong nước, trong đó:	3.230.179.903	67,21%
	- NHNN (Cổ đông Nhà nước)	3.097.932.535	64,46%
	- Công đoàn của VietinBank	55.157.526	1,15%
	- Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	45.615.514	0,95%
	- Các tổ chức khác	31.474.328	0,65%
1.2	Tổ chức nước ngoài, trong đó:	1.164.262.713	24,23%
	- MUFG Bank Ltd., (Cổ đông Chiến lược)	948.150.205	19,73%

STT	Loại cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết
	- Các tổ chức khác	216.112.508	4,50%
2	Cổ phiếu phổ thông do cá nhân nắm giữ:	411.307.993	8,56%
2.1	Cá nhân trong nước	408.598.936	8,50%
2.2	Cá nhân nước ngoài	2.709.057	0,06%
II	Cổ phiếu ưu đãi	0	0%
	Tổng cộng	4.805.750.609	100%

(Nguồn: theo Danh sách cổ đông chốt ngày 31/08/2021 do VSD cung cấp)

7.2. Các loại chứng khoán khác

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, tính đến thời điểm 30/06/2021, VietinBank đã phát hành và đang lưu hành 31.059,32 tỷ đồng trái phiếu theo mệnh giá, bao gồm cả trái phiếu phát hành riêng lẻ và ra công chúng.

Hầu hết các trái phiếu đang lưu hành của VietinBank cùng có đặc điểm là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (được gọi là trái phiếu tăng vốn). Duy nhất có 2.000 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ phát hành vào ngày 22/12/2016 là trái phiếu thường, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm nhưng không đủ điều kiện tính vào vốn cấp 2 của VietinBank.

Thông tin chi tiết về các trái phiếu đang lưu hành của Vietinbank như sau:

STT	Tên trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá	Số lượng trái phiếu (TP)	Giá trị mệnh giá (tỷ đồng)	Đặc điểm, loại trái phiếu
I	Trái phiếu phát hành ra công chúng				95.755.710 TP	21.094,32	
1	Năm 2017	14/11/2017 14/12/2017	10 năm	10.000.000 (Mười triệu) đồng/TP	200.000 TP 220.000 TP	2.000,00 2.200,00	Trái phiếu tăng vốn
2	Năm 2018	29/06/2018	10 năm	10.000.000 (Mười triệu) đồng/TP	243.510 TP	2.435,10	Trái phiếu tăng vốn
3	Năm 2019	27/09/2019 29/10/2019	7 năm 10 năm 7 năm 10 năm	10.000.000 (Mười triệu) đồng/TP	200.000 TP 200.000 TP 50.000 TP 50.000 TP	2.000,00 2.000,00 500,00 500,00	Trái phiếu tăng vốn
4	Năm 2020	30/07/2020 24/09/2020	8 năm 10 năm 8 năm 10 năm	100.000 (Một trăm nghìn) đồng/TP	35.000.000 TP 35.000.000 TP 11.767.700 TP 12.824.500 TP	3.500,00 3.500,00 1.176,77 1.282,45	Trái phiếu tăng vốn
II	Trái phiếu phát hành riêng lẻ				9.965 TP	9.965,00	
1	Năm 2015	26/06/2015	10 năm 1 ngày	01 tỷ đồng/TP	450 TP	450,00	Trái phiếu tăng vốn
2	Năm 2016	07/12/2016 08/12/2016 22/12/2016	10 năm 10 năm 5 năm	01 tỷ đồng/TP	1.450 TP 1.450 TP 2.000 TP	1.450,00 1.450,00 2.000,00	Trái phiếu tăng vốn Trái phiếu thường

STT	Tên trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá	Số lượng trái phiếu (TP)	Giá trị mệnh giá (tỷ đồng)	Đặc điểm, loại trái phiếu
3	Năm 2018	13/06/2018	10 năm	01 tỷ đồng/TP	800 TP	800,00	Trái phiếu tăng vốn
		21/06/2018	15 năm		180 TP	180,00	
		01/11/2018	15 năm		100 TP	100,00	
4	Năm 2019	30/07/2019	15 năm	01 tỷ đồng/TP	50 TP	50,00	Trái phiếu tăng vốn
		15/08/2019	10 năm		100 TP	100,00	
		20/08/2019	7 năm		400 TP	400,00	
5	Năm 2020	22/05/2020	15 năm	01 tỷ đồng/TP	50 TP	50,00	Trái phiếu tăng vốn
		29/06/2020	8 năm		500 TP	500,00	
		08/07/2020	15 năm		500 TP	500,00	
		04/08/2020	15 năm		100 TP	100,00	
		28/12/2020	7 năm		250 TP	250,00	
6	Năm 2021	10/05/2021	8 năm	01 tỷ đồng/TP	1.500 TP	1.500,00	Trái phiếu tăng vốn
		10/05/2021	15 năm		85 TP	85,00	
Tổng cộng (= I + II)					95.765,675 TP	31.059,32	

(Nguồn: VietinBank)

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

8. Hoạt động kinh doanh (HDKD)

8.1. Đặc điểm HDKD

8.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ (SPDV)

SPDV CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN (KHCN)

(a) **Ngân hàng số:** Dịch vụ ngân hàng số của VietinBank hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch 24/24 tại bất cứ nơi đâu với một thiết bị kết nối Internet.

- **VietinBank iPay:** Là dịch vụ Ngân hàng số cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch ngân hàng trên máy tính hay thiết bị di động có kết nối Internet, hỗ trợ khách hàng chủ động quản lý thông tin tài khoản và thực hiện giao dịch an toàn với nhiều hình thức bảo mật và xác thực với các chức năng chính: Quản lý tài chính cá nhân, Chuyển khoản, Gửi và tất toán tiết kiệm trực tuyến, Thanh toán hóa đơn trực tuyến, Trả nợ vay trực tuyến...
- **VietinBank iPay Mobile:** Là ứng dụng Ngân hàng số trên điện thoại di động thông minh, cho phép khách hàng thực hiện nhiều giao dịch với hạn mức giao dịch cao phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng. Bên cạnh việc sử dụng tất cả các chức năng của VietinBank iPay, VietinBank iPay Mobile còn có các tính năng vượt trội như: Thanh toán QRPay, Đặt vé máy bay, vé tàu, vé xe, Checkin vé máy bay, Mua vé xem phim, Mua sắm trực tuyến, Đặt mua và thanh toán bằng thẻ tín dụng...
- **Bank Plus:** Là dịch vụ Ngân hàng số của VietinBank đối với khách hàng sử dụng sim điện thoại Viettel, hỗ trợ các chức năng: Chuyển khoản trong hệ thống VietinBank, Thanh toán hóa đơn Viettel và Truy vấn số dư tài khoản.
- **SMS Banking:** Là dịch vụ Ngân hàng qua tin nhắn trên điện thoại di động, giúp khách hàng cập nhật tức thì các thông tin biến động số dư, biến động thông tin tài khoản hoặc thông báo đến hạn khoản vay.

(b) **Tiền gửi**

- **Tiền gửi không kỳ hạn:**
 - **Tiền gửi thanh toán:** Là sản phẩm tiền gửi VND, USD, EUR cho khách hàng cá nhân với các tiện ích như: được gửi và rút tiền tại bất kỳ thời điểm và địa điểm giao dịch nào trong giờ giao dịch của ngân hàng; được sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng: SMS Banking, Mobile Banking, Internet banking, thẻ ghi nợ nội địa (ATM)/ thẻ ghi nợ quốc tế (Visa Debit)... được phát hành séc; được hưởng bảo hiểm tiền gửi bằng VND.
 - **Tiết kiệm không kỳ hạn thông thường:** Là sản phẩm tiền gửi VND, USD, EUR cho KHCN với các tiện ích như: được gửi thêm hoặc rút tiền vào bất kỳ thời điểm và tại bất kỳ điểm giao dịch nào trong giờ giao dịch của ngân hàng; được nhận các khoản lãi đến hạn tự động; được cầm cố sổ/thẻ tiết kiệm để vay vốn; được mở tài khoản đồng chủ sở hữu hoặc chuyển quyền sở hữu; được lựa chọn phương thức thanh toán; được xác nhận số dư; được sử dụng các tiện ích gia tăng khác; được bảo mật tuyệt đối; được bảo hiểm tiền gửi bằng VND.
- **Tiết kiệm có kỳ hạn:**
 - **Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường:** Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn cho KHCN với tiền VND, USD, EUR với các tiện ích như: gửi/tất toán tại bất kỳ điểm giao dịch của VietinBank, được nhận các khoản lãi đến hạn tự động; được bảo hiểm tiền gửi bằng VND; được mở tài khoản đồng chủ sở hữu hoặc chuyển quyền sở hữu; có thể ủy quyền cho người khác lĩnh lãi và rút tiền tiết kiệm; được sử dụng để cầm cố vay vốn tại ngân hàng; được xác nhận số dư tiền gửi cho các mục đích hợp pháp; được lựa chọn phương thức thanh toán lãi/gốc.
 - **Tiền gửi ưu đãi tỷ giá:** Là sản phẩm tiền gửi dành cho khách hàng bán ngoại tệ tại VietinBank để gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam với số tiền gửi tối thiểu bằng số tiền ngoại tệ quy đổi ra VND. Ngoại tệ của khách hàng được mua với tỷ giá ưu đãi so với tỷ giá niêm yết, đồng

thời khoản tiền gửi tiết kiệm VND được hưởng lãi suất ưu đãi so với lãi suất tiền gửi TK thông thường, được bảo hiểm tiền gửi bằng VND.

- GTCG gồm: Kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu được VietinBank phát hành trong từng thời kỳ với mức lãi suất hấp dẫn và cạnh tranh, được chuyển nhượng và cầm cố GTCG để vay vốn hoặc bảo lãnh cho người thứ 3 vay vốn tại VietinBank hoặc các TCTD khác.
- Tiết kiệm trực tuyến: Là sản phẩm tiết kiệm VND cho KHCN với kỳ hạn từ 1 đến 12 tháng, lãi suất được hưởng cao hơn lãi suất tiết kiệm tại quầy, được gửi và tất toán mọi lúc mọi nơi, an toàn và bảo mật.

(c) Thẻ

VietinBank cung cấp đa dạng các loại thẻ và dịch vụ thẻ cho KHCN và cả KHDN. Ngoài việc cung cấp dịch vụ thanh toán truyền thống như Rút tiền, chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM, Thanh toán mua bán hàng hóa dịch vụ qua máy cả thẻ POS/mPOS, VietinBank hỗ trợ nhiều dịch vụ tiện ích như: Dịch Vụ Thanh Toán Trực Tuyến; Dịch Vụ Nộp Tiền Vào Tài Khoản Tại ATM Deposit; Dịch Vụ SMS Banking; Dịch Vụ Gửi Tiết Kiệm Tại ATM; Dịch Vụ Rút Tiền Không Dùng Thẻ; Dịch vụ Thanh toán hóa đơn, Dịch vụ Tự động thu nợ khoản vay, Tự động thu nợ thẻ tín dụng, Dịch vụ Trả lương qua thẻ, Dịch vụ thu học phí, Thu viện phí, Dịch Vụ Nhận Tiền Kiều Hối Qua Thẻ ATM, Dịch Vụ nạp tiền vào điện thoại VNTOP UP. Các sản phẩm thẻ hiện nay của VietinBank cung cấp cho KHCN bao gồm:

- Thẻ ghi nợ nội địa: đa dạng theo từng đối tượng khách hàng: thẻ dành cho KH cao cấp VietinBank E-Partner Chip Contactless Premium, VietinBank E-Partner Chip Contactless, VietinBank E-Partner Vpay.
- Thẻ tín dụng nội địa: VietinBank iZero, Thẻ Tài chính cá nhân.
- Thẻ ghi nợ quốc tế: VietinBank Visa Debit Vpay, VietinBank Visa Debit Sống khỏe, Thẻ ghi nợ Quốc Tế Premium Banking, Visa Debit EMV USD, Visa Debit Sakura.
- Thẻ tín dụng quốc tế: VietinBank Mastercard Cashback, VietinBank Visa/ Mastercard/ JCB Platinum, Thẻ Visa Signature, Thẻ Tín Dụng Quốc Tế Premium Banking; Thẻ tín dụng đồng thương hiệu như Thẻ VietinBank JCB Platinum Vietnam Airlines; Thẻ Tín Dụng Quốc Tế VietinBank JCB Ultimate Vietnam Airlines; Thẻ Tín Dụng Visa Paywave SaigonCoop.
- Thẻ Quà tặng nội địa và Thẻ quà tặng quốc tế.

(d) Cho vay

Các sản phẩm cho vay do VietinBank cung cấp rất đa dạng, phong phú đặc biệt đối với các KHCN.

- Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: Vietinbank cung cấp đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng: Cho vay mua, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; Cho vay mua nhà dự án; Cho vay mua nhà ở xã hội; Cho vay mua ô tô; Gói sản phẩm cho vay du học; Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống CBNV; Cho vay phát hành thẻ tài chính cá nhân; Cho vay thấu chi phục vụ nhu cầu đời sống; Cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao...
- Cho vay SXKD: là giải pháp tài chính đối với các KHCN phục vụ HĐKD với các nhu cầu đa dạng như: Cho vay phục vụ phát triển Nông nghiệp Nông thôn; Cho vay phát triển thủy sản; Cho vay phục vụ hoạt động đầu tư/kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Cho vay đầu tư, xây dựng địa điểm kinh doanh; Cho vay nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, xây dựng, sửa chữa nhà để ở và kinh doanh một phần; Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Hợp tác kinh doanh thuốc; Cho vay kinh doanh tại chợ; Cho vay Sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay SXKD siêu nhỏ; Cho vay mua ô tô; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng sổ dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD; Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán...

(e) Bảo hiểm

- Bảo hiểm Phi nhân thọ: VietinBank liên kết chặt chẽ cùng Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VBI) cung cấp các sản phẩm bảo hiểm hấp dẫn, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu của KHCN như: Bảo hiểm Sức khỏe, Bảo hiểm Người vay vốn, Bảo hiểm Tai nạn cá nhân, Bảo hiểm Ô tô, Bảo hiểm Xe máy, Bảo hiểm Nhà tư nhân, Bảo hiểm Du lịch (trong nước và quốc tế), Bảo hiểm thẻ, Bảo hiểm Ung thư, Bảo hiểm trẻ chuyển bay,... Khách hàng có thể dễ dàng lựa chọn và tham gia sản phẩm tại tất cả các Chi nhánh VietinBank trên toàn quốc, cũng như có thể mua trực tuyến và được hỗ trợ giải pháp khai báo bồi thường online qua ứng dụng app My VBI. VietinBank và VBI tự hào là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng CNTT nhằm mang đến những trải nghiệm tuyệt vời cho Khách hàng trong quá trình tham gia sản phẩm.
- Bảo hiểm Nhân thọ: VietinBank hợp tác với Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Aviva Việt Nam (Aviva) cung cấp các giải pháp Tài chính - Bảo hiểm toàn diện, ưu việt cho Khách hàng. Danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của tất cả các Khách hàng để xây dựng các kế hoạch tài chính từ khi mới đi làm cho tới khi hưu trí như: các sản phẩm bảo hiểm liên kết Đầu tư giúp khách hàng tạo dựng tài sản và đầu tư sinh lời hiệu quả, các sản phẩm bảo hiểm Giáo dục giúp tích lũy đảm bảo cho tương lai học vấn của con trẻ, các sản phẩm Bảo vệ giúp khách hàng an tâm trước những rủi ro trong cuộc sống, cùng với đó là nhóm sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe giúp bảo vệ cho cả gia đình của Khách hàng.

SPDV CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP (KHDN)

Là ngân hàng lớn, giữ vai trò chủ đạo, trụ cột trong hệ thống NHTM tại Việt Nam, VietinBank cung cấp SPDV tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích, tiêu chuẩn quốc tế. VietinBank luôn song hành với sự đổi mới của nền kinh tế, góp phần nâng cao năng lực SXKD và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, trở thành địa chỉ tin cậy cung ứng vốn cho các dự án trọng điểm quốc gia, các ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế.

VietinBank luôn nỗ lực mang đến những giải pháp tài chính toàn diện cùng phong cách phục vụ chuyên nghiệp, hiệu quả, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của các KHDN.

(a) Tiền gửi

VietinBank cung cấp đa dạng các sản phẩm tiền gửi và dịch vụ quản lý tài khoản, cho phép doanh nghiệp quản lý dòng tiền một cách chính xác, hiệu quả, qua đó tối ưu khả năng sinh lời của nguồn vốn nhân rồi cũng như đáp ứng nhu cầu thanh toán, chỉ tiêu phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

- *Tiền gửi trên tài khoản thanh toán*: Cho phép doanh nghiệp thực hiện gửi/rút tiền mặt, thực hiện các giao dịch thanh toán chuyển khoản tới các đối tác trong/ngoài nước thuận tiện, nhanh chóng.
- *Tiền gửi có kỳ hạn*: Doanh nghiệp chủ động lựa chọn kỳ hạn gửi tiền và hình thức linh lãi đa dạng, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn của doanh nghiệp.
- *Tiền gửi ký quỹ*: Xác nhận cho doanh nghiệp về khoản tiền đã ký quỹ tại VietinBank để chứng minh năng lực tài chính trong các lĩnh vực/ngành nghề/dịch vụ mà pháp luật Việt Nam quy định phải ký quỹ.
- *Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tự động*: Định kỳ theo tần suất đã thỏa thuận, VietinBank tự động chuyển số dư từ tài khoản thanh toán của doanh nghiệp sang đầu tư Tiền gửi có kỳ hạn và ngược lại.

(b) Cho vay

Là một trong những ngân hàng có quy mô VCSH lớn nhất Việt Nam, sở hữu hệ thống chi nhánh,

điểm giao dịch rộng khắp trên toàn quốc cùng đội ngũ nhân viên tận tình, chuyên nghiệp, VietinBank cam kết đem tới những giải pháp tài chính đa dạng, linh hoạt đáp ứng tối ưu nhu cầu vốn ngắn hạn cũng như vốn trung dài hạn của doanh nghiệp. VietinBank tự hào là đối tác tin cậy giúp hiện thực hóa các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cho vay ngắn hạn: VietinBank đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu vay vốn lưu động trên cơ sở thấu hiểu dòng tiền và kế hoạch SXKD của doanh nghiệp:
 - Cho vay vốn lưu động: Đáp ứng mọi nhu cầu vốn lưu động thường xuyên, hợp pháp cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp.
 - Cho vay thấu chi: Cho phép doanh nghiệp chi vượt số tiền có trên tài khoản tiền gửi thanh toán nhằm đáp ứng kịp thời phần vốn thiếu hụt tạm thời trong thanh toán.
 - Cho vay thanh toán UPAS LC: Cho phép doanh nghiệp xuất khẩu thanh toán trả ngay cho Người hưởng LC khi xuất trình được bộ chứng từ hợp lệ.
 - Các sản phẩm tài trợ theo chuỗi dành cho doanh nghiệp chính và các nhà cung cấp, nhà phân phối: VietinBank luôn cố gắng đi đầu trong việc chuyên biệt hóa sản phẩm phục vụ cho từng đối tượng khách hàng và các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, trong đó từ mối quan hệ hợp tác chiến lược với các doanh nghiệp chính, cung cấp các giải pháp hỗ trợ tài chính cho các nhà phân phối/nhà cung cấp của doanh nghiệp chính.
- Cho vay trung và dài hạn: VietinBank đồng hành và tài trợ nguồn vốn trung dài hạn dành cho doanh nghiệp để đầu tư dự án hay mở rộng hoạt động SXKD.
 - Cho vay đầu tư dự án: Đáp ứng nhu cầu vốn trung và dài hạn dành cho doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư mới hoặc dự án nâng cấp, mở rộng SXKD.
 - Cho vay hợp vốn: VietinBank cùng một hoặc một số TCTD khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của doanh nghiệp.
 - Cho vay chuyên biệt: VietinBank cung cấp đa dạng giải pháp, đáp ứng linh hoạt nhu cầu vay vốn chuyên biệt của doanh nghiệp.
 - Cho vay mua xe ô tô: Đáp ứng nhu cầu mua ô tô của doanh nghiệp với mục đích đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động SXKD, nhu cầu đi lại hay kinh doanh vận tải.

(c) Dịch vụ thanh toán và Quản lý dòng tiền

VietinBank cung cấp đa dạng kênh giao dịch, đáp ứng tối ưu mọi nhu cầu thanh toán và quản lý dòng tiền của cá nhân và doanh nghiệp. Dịch vụ thanh toán và quản lý dòng tiền của VietinBank hỗ trợ doanh nghiệp:

- Thanh toán, chuyển tiền: VietinBank cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế một cách nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại (internet banking, mobile banking...) của VietinBank;
- Quản lý khoản phải thu: Với hệ thống mạng lưới rộng khắp, những sản phẩm thu hộ của VietinBank giúp đưa dòng tiền của khách hàng về tài khoản tại VietinBank nhanh chóng, thuận tiện và chính xác nhất. Các dịch vụ quản lý khoản phải thu cơ bản: Thu hộ học phí, thu hộ nhà cung cấp, ủy nhiệm thu, thu hộ xổ số, thu hộ hàng không, thu hộ viện phí, thu hộ công ty tài chính, thu hộ Tổng liên đoàn lao động...
- Quản lý khoản phải chi: Với công nghệ hiện đại tiên tiến, mạng lưới rộng khắp cùng mối quan hệ gắn kết lâu năm, VietinBank đã kết nối hệ thống với những nhà cung cấp dịch vụ, Kho bạc, cơ quan BHXH,... để có thể cung cấp những dịch vụ thanh toán tiện ích nhất cho khách hàng qua các kênh thanh toán của VietinBank. Các dịch vụ chi hộ cơ bản: Chi hộ cho các công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, công ty tài chính, Chi hộ NSNN, Chi hộ quỹ BHYT, Chi lương...

- **Quản lý dòng tiền tập trung:** Là sản phẩm hỗ trợ doanh nghiệp quản lý nguồn thu – chi từ các đơn vị thành viên, tối ưu nhu cầu quản lý dòng tiền của khách hàng, đảm bảo sinh lời và có hiệu quả cao nhất, tiết kiệm chi phí quản lý, dễ dàng thu thập số liệu phục vụ công tác kế toán qua các báo cáo do VietinBank cung cấp.
- **Nộp Ngân sách Nhà nước:** Với hệ thống kết nối trực tiếp với Tổng Cục Thuế và Tổng Cục Hải Quan, VietinBank có thể hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nội địa và thuế xuất nhập khẩu một cách nhanh chóng, thuận tiện thông qua các hình thức đa dạng và tiện ích như tại các quầy giao dịch của VietinBank, qua Internet Banking, qua cổng thông tin của Tổng Cục Thuế. Trong những năm qua, VietinBank đã tích cực phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan ứng dụng công nghệ triển khai nhiều giải pháp nộp thuế tiện ích cho khách hàng như Nộp thuế điện tử, Nộp thuế hải quan điện tử và thông quan 24/7, Hải quan điện tử nhờ thu... đáp ứng xử lý tự động các yêu cầu nộp thuế của cá nhân, doanh nghiệp, mọi lúc, mọi nơi.
- **Thu phí, lệ phí hàng hóa xuất nhập khẩu cho các Sở/ban/ngành kết nối với Cổng một cửa quốc gia:** Với mong muốn đẩy nhanh tiến độ thông quan hàng hóa, tiết kiệm chi phí lưu kho, lưu bãi cho các doanh nghiệp, VietinBank đã tiên phong phối hợp với Tổng cục Hải quan xây dựng giải pháp và triển khai dịch vụ thu phí, lệ phí cho các cơ quan quản lý có kết nối trao đổi thông tin điện tử với Cổng một cửa quốc gia. Giải pháp đã được triển khai thành công cho việc thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng cửa khẩu, cảng biển tại Hải Phòng, là cơ sở để tiếp tục phối hợp triển khai cho các Sở/ban/ngành.
- **Thu phí, lệ phí dịch vụ hành chính công và nộp thuế trên Cổng dịch vụ Công quốc gia:** Triển khai chỉ đạo của Chính phủ trong việc đẩy mạnh thanh toán điện tử trong lĩnh vực hành chính công, thực hiện cải cách hành chính, xây dựng nền tảng cho Chính phủ điện tử và thành phố thông minh, VietinBank đã tiên phong xây dựng giải pháp tích hợp thanh toán đáp ứng cho người dân và doanh nghiệp thực hiện nộp phí, lệ phí cho các Sở/ban/ngành trên Cổng thông tin điện tử của các Tỉnh/Thành phố. Với việc triển khai thành công giải pháp tại 12 Tỉnh/Thành phố, VietinBank đã vinh dự được Văn Phòng Chính Phủ lựa chọn là Ngân hàng phối hợp triển khai các giải pháp thanh toán trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tích hợp toàn bộ các dịch vụ hành chính công của các Sở/ban/ngành/địa phương. Trong tháng 03/2020, VietinBank đã phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thành công dịch vụ thu phạt vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông trên Cổng dịch vụ công quốc gia và đang tiếp tục phát triển thêm các dịch vụ thanh toán hành chính công khác theo lộ trình triển khai của Văn Phòng Chính phủ.
- **Chứng khoán phái sinh:** Với uy tín trong việc phối hợp với các cơ quan quản lý ứng dụng hiệu quả công nghệ và triển khai các giải pháp thanh toán hiện đại, VietinBank đã được UBCKNN lựa chọn là Ngân hàng thanh toán cho thị trường chứng khoán phái sinh. Theo đó VietinBank thực hiện toàn bộ các giao dịch thanh toán, bù trừ chứng khoán phái sinh, đáp ứng yêu cầu rất khắt khe của thị trường về tốc độ xử lý và an toàn tuyệt đối. Đồng thời VietinBank cũng phối hợp hiệu quả với UBCKNN, VSD, SGDCK và 19 công ty chứng khoán triển khai thành công sản phẩm mới Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ 05 năm. Giải pháp của VietinBank đã đóng góp tích cực vào việc củng cố lòng tin của nhà đầu tư và sự phát triển của thị trường tài chính mới mẻ này tại Việt Nam.
- **Nộp BHXH, BHYT, BHTN bằng phương thức điện tử:** Phối hợp với BHXH Việt Nam triển khai ứng dụng công nghệ nhằm cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, VietinBank đã xây dựng giải pháp thu nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN, đáp ứng cho khách hàng thực hiện nộp tiền bảo hiểm tại các kênh giao dịch của VietinBank, thông tin nộp bảo hiểm sau đó sẽ được gửi đến cơ quan bảo hiểm để ghi nhận nhanh chóng cho Người được bảo hiểm, nhờ đó quản lý chặt chẽ, đảm bảo an toàn nguồn thu và lợi ích cho người lao động.

(d) Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam xử lý tập trung nghiệp vụ TTQT & TTTM, bên cạnh các sản

phẩm truyền thống đang được VietinBank cung cấp rất hiệu quả cho khách hàng như: Thư tín dụng xuất nhập khẩu, nhờ thu xuất nhập khẩu, chuyển tiền ngoại tệ, bảo lãnh, tái bảo lãnh..., VietinBank luôn tiên phong phát triển các sản phẩm TTQT & TTTM mới, tích cực hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu như một số sản phẩm đặc thù sau:

- **UPAS LC (Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán trả ngay):** VietinBank triển khai ngay từ năm 2013 và không ngừng cải tiến nhằm tăng thêm lựa chọn cho khách hàng. Là ngân hàng uy tín hàng đầu Việt Nam có quan hệ ngân hàng đại lý khắp các châu lục, VietinBank luôn được cấp hạn mức lớn nhất, lãi suất tốt nhất trên thị trường, từ đó chuyển hóa thành mức phí dịch vụ hấp dẫn cho khách hàng.
- **Thư tín dụng nội địa:** Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc thanh toán thư tín dụng bằng VND cho các hợp đồng mua bán trong nước, VietinBank đang tích cực triển khai sản phẩm Thư tín dụng nội địa. Ngoài ưu thế về nguồn vốn VND mạnh nhất thị trường, VietinBank tự tin thực hiện các giao dịch LC nội địa nhanh nhất, hiệu quả nhất cho khách hàng và đối tác thông qua mạng lưới 155 chi nhánh, hơn 1.000 điểm giao dịch tại các tỉnh, thành và xử lý tập trung cho cả bên bán và bên mua tại Trung tâm TTTM.
- **Hợp tác Ngân hàng đại lý chiết khấu chứng từ xuất khẩu theo LC trả chậm:** Với khách hàng xuất khẩu hàng hóa theo LC trả chậm, VietinBank cung cấp sản phẩm “Hợp tác ngân hàng đại lý chiết khấu chứng từ xuất khẩu theo LC trả chậm”. Khách hàng được bổ sung vốn lưu động kịp thời, được đảm bảo rủi ro thanh toán trong trường hợp Ngân hàng phát hành LC mất khả năng thanh toán và hưởng mức lãi suất chiết khấu cạnh tranh.
- **Bao thanh toán:** VietinBank hiện là thành viên chủ chốt của Hiệp hội Bao thanh toán quốc tế FCI. VietinBank luôn được các đại lý bao thanh toán nhập khẩu/bên mua xếp hạng cao. Với tiềm lực vốn mạnh, không chỉ chào được lãi suất chiết khấu cạnh tranh, cùng uy tín và danh tiếng của mình, VietinBank luôn có các đối tác để đảm bảo rủi ro thanh toán bên nhập khẩu/bên mua với mức phí thấp nhất giúp mang lại giải pháp tài chính hiệu quả nhất cho khách hàng. Bên cạnh các sản phẩm Bao thanh toán truyền thống, VietinBank còn cung cấp sản phẩm Bao thanh toán hiện đại là Bao thanh toán trong Tài trợ chuỗi cung ứng, mang lại nhiều giải pháp tiện ích hơn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhiều đối tượng khách hàng.
- **Chuyển tiền ngoại tệ đặc thù:** Chuyển tiền ngoại tệ cũng là một thế mạnh của VietinBank với danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hiệu quả. Ngoài sản phẩm chuyển tiền ngoại tệ truyền thống, VietinBank cung cấp cho khách hàng sản phẩm chuyển tiền ngoại tệ đặc thù, mang tính cạnh tranh như: chuyển tiền đa tệ ghi có cho người hưởng bằng các loại ngoại tệ khác nhau ngay cả đồng tiền bản tệ, đồng tiền không tự do chuyển đổi với tỷ giá cạnh tranh; Ngoài ra, VietinBank có thể đảm bảo các khoản chuyển tiền ngoại tệ của khách hàng trước giờ cut-off time tới thị trường châu Á được ghi có cho ngân hàng hưởng nhanh nhất trong ngày giao dịch; VietinBank cũng cung cấp dịch vụ thanh toán biên mậu đồng Nhân dân tệ, Việt Nam đồng tại khu vực cửa khẩu Việt Nam – Trung Quốc.
- **Kênh giao dịch TTTM qua Internet Banking (VietinBank Trade Portal):** VietinBank là NHTM Việt Nam đầu tiên phát triển thành công kênh TTTM qua Internet Banking. Khách hàng có thể gửi đề nghị thực hiện giao dịch TTTM, nhận kết quả giao dịch 24/7 trên hệ thống kết nối Internet.

Ngoài ra, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, VietinBank tiếp tục phát triển và triển khai đa dạng các sản phẩm khác, tích cực hợp tác với các ngân hàng quốc tế mang đến những giải pháp tốt nhất với chi phí hợp lý nhất cho khách hàng như tài trợ xuất khẩu, thư tín dụng theo chương trình hỗ trợ xuất khẩu nông sản Mỹ, tài trợ nhập khẩu theo các chương trình bảo lãnh tín dụng xuất khẩu (ECA), tài trợ chuỗi cung ứng, tài trợ nhà phân phối...

(e) Kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn

VietinBank cung cấp các SPDV đáp ứng nhanh chóng, kịp thời các nhu cầu giao dịch ngoại tệ đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro tỷ giá. Đồng thời, VietinBank đã triển khai hệ thống hỗ trợ mua bán ngoại tệ online trên kênh eFAST - VietinBank FX Online (FX Online) áp dụng cho đối tượng KHDN - trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai dịch vụ hiện đại này, đáp ứng nhu cầu giao dịch hiệu quả, an toàn đi đầu trong xu hướng làm việc online tại nhà hoặc bất kỳ đâu mà không phụ thuộc vào vị trí, khoảng cách địa lý:

- Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: Với thế mạnh về nguồn vốn ngoại tệ cùng mạng lưới rộng trên toàn quốc, VietinBank sẵn sàng đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cả cạnh tranh đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá, qua đó tối ưu hóa lợi nhuận của doanh nghiệp.
 - Giao dịch ngoại tệ giao ngay: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Mua bán ngoại tệ để phục vụ cho thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Góp vốn liên doanh với nước ngoài; Đóng hội phí cho các tổ chức quốc tế, các giao dịch mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho các mục đích được phép diễn hình như du học, chữa bệnh, du lịch, công tác,...
 - Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng bao gồm: Thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
 - Giao dịch ngoại tệ hoán đổi: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay được nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
 - Giao dịch ngoại tệ quyền chọn: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Xác định mức chi phí tối đa (quyền chọn mua) hay mức lãi tối thiểu (quyền chọn bán)...; Lựa chọn mức tỷ giá giúp tối đa hóa lợi ích; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ các biến động có lợi của tỷ giá.
 - Hoán đổi lãi suất: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Tái cơ cấu dòng tiền và cân đối nguồn tài sản nợ; Xác định trước chi phí phải sử dụng từ đó xây dựng kế hoạch tài chính và chủ động trong kinh doanh; Phòng ngừa rủi ro biến động lãi suất cho từng khoản nợ.
 - Hoán đổi tiền tệ chéo: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Phòng ngừa rủi ro biến động lãi suất và tỷ giá, đặc biệt trong trung và dài hạn; Kiểm soát hiệu quả các dòng lưu chuyển tiền tệ của mình; Giảm thiểu chi phí vốn hoặc chi phí cơ hội về lãi trên cơ sở nhận định tốt xu hướng thị trường.
- Dịch vụ ngân hàng đầu tư: VietinBank và thông qua các công ty con (công ty chứng khoán...) cung cấp đa dạng các dịch vụ ngân hàng đầu tư nhằm giúp khách hàng đa dạng hóa kênh huy động vốn, tái cơ cấu tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh... phục vụ mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững.
 - Tư vấn phát hành trái phiếu: Giúp doanh nghiệp huy động nguồn vốn trung và dài hạn phục vụ việc mở rộng hoạt động SXKD, đầu tư dự án mới, cơ cấu tình hình tài chính.
 - Tư vấn phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng: Là dịch vụ tư vấn giúp tăng quy mô vốn hoạt động cho doanh nghiệp thông qua việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, đưa giá trị doanh nghiệp đến tiếp cận với giá trị thị trường.
 - Tư vấn cổ phần hóa: Giúp khách hàng chuyển đổi mô hình hoạt động thành CTCP, tận dụng các lợi thế của loại hình CTCP trong việc huy động vốn.
 - Tư vấn niêm yết chứng khoán: Giúp khách hàng niêm yết cổ phiếu trên SGDCK tập trung, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu của doanh nghiệp.
 - Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp: Tư vấn cho khách hàng trong quá trình xác định giá

trị của doanh nghiệp dựa trên các phương pháp định giá như chiết khấu dòng tiền, chỉ số so sánh giá và phương pháp tài sản ròng.

- Tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp: Tư vấn tìm kiếm và thực hiện giao dịch với đối tác tài chính/ đối tác chiến lược cung cấp vốn lẫn năng lực điều hành quản trị nhằm nâng cao hiệu quả HĐKD và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

(f) Dịch vụ ngân hàng điện tử - VietinBank eFAST

VietinBank eFAST là dịch vụ ngân hàng điện tử do VietinBank cung cấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet. Các tiện ích dịch vụ bao gồm: Quản lý tài khoản, Dịch vụ chuyển tiền, Dịch vụ thanh toán; Dịch vụ tiền gửi và tín dụng; Dịch vụ nộp NSNN; Báo cáo; Dịch vụ hỗ trợ và trợ giúp. Khách hàng còn có thể thực hiện được giao dịch với ngân hàng trên phần mềm kế toán hoặc ERP của khách hàng thông qua kết nối trực tiếp giữa hệ thống Khách hàng với ngân hàng.

(g) Dịch vụ thẻ

Với những ưu đãi hấp dẫn và tiện ích đa dạng, VietinBank mang tới những giải pháp thanh toán qua thẻ tối ưu nhất dành cho doanh nghiệp như thẻ tín dụng nội địa SME Business card, Thẻ tín dụng quốc tế Diner Club....

(h) Bảo hiểm nhân thọ

VietinBank đem đến những giải pháp bảo hiểm phù hợp và tối ưu nhất dành cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp.

(i) Bảo hiểm phi nhân thọ

VietinBank liên kết cùng Tổng Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cung cấp nhiều sản phẩm bảo hiểm đa dạng dành cho doanh nghiệp với chi phí hợp lý và nhiều giá trị gia tăng bao gồm: Bảo hiểm tài sản; Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm hàng hóa; Bảo hiểm kỹ thuật; Bảo hiểm tàu thuyền; Bảo hiểm sức khỏe; Bảo hiểm trách nhiệm; Bảo hiểm hỗn hợp, Bảo an doanh nghiệp...

TỶ LỆ TỪNG LOẠI SPDV TRONG TỔNG DOANH THU, LỢI NHUẬN TRONG 02 NĂM LIÊN TỤC LIỀN TRƯỚC NĂM ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN VÀ ĐẾN THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI

Các SPDV cốt lõi và truyền thống của Ngân hàng như: cho vay khách hàng, hoạt động dịch vụ (bao gồm dịch vụ thanh toán, tư vấn, ủy thác, đại lý, ngân quỹ, bảo hiểm và khác); kinh doanh ngoại hối; mua bán chứng khoán kinh doanh; mua bán chứng khoán đầu tư... là các SPDV đóng góp chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập thuần của VietinBank.

Chi tiết tỷ lệ từng loại SPDV trong tổng doanh thu và tổng thu nhập thuần của VietinBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, cụ thể như sau:

Tỷ lệ các SPDV trong Tổng doanh thu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	82.743	83,06%	83.678	73,67%	42.416	81,09%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	7.888	7,92%	8.343	7,34%	4.670	8,93%
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	5.489	5,51%	17.808	15,68%	2.589	4,95%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	463	0,47%	527	0,46%	231	0,44%

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	44	0,04%	9	0,01%	2	0,00%
Thu nhập từ hoạt động khác	2.357	2,37%	2.695	2,37%	2.145	4,10%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	628	0,63%	524	0,46%	255	0,49%
Tổng cộng	99.613	100%	113.583	100%	52.307	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Tỷ lệ các SPDV trong Tổng doanh thu (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	81.797	87,83%	82.736	87,13%	41.850	84,39%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	5.736	6,16%	5.996	6,31%	3.468	6,99%
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	2.375	2,55%	2.719	2,86%	1.434	2,89%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	435	0,47%	481	0,51%	156	0,31%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	43	0,05%	9	0,01%	0	0,00%
Thu nhập từ hoạt động khác	1.997	2,14%	2.483	2,61%	2.003	4,04%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	745	0,80%	532	0,56%	683	1,38%
Tổng cộng	93.129	100%	94.956	100%	49.594	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Tỷ lệ các SPDV trong Thu nhập thuần (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	33.199	81,9%	35.581	78,5%	21.521	79,7%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.055	10,0%	4.341	9,6%	2.640	9,8%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	1.564	3,9%	2.000	4,4%	856	3,2%

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	366	0,9%	601	1,3%	250	0,9%
Lãi thuần/Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	-791	-2,0%	361	0,8%	-88	-0,3%
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.497	3,7%	1.910	4,2%	1.573	5,8%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	628	1,6%	524	1,2%	255	0,9%
Tổng cộng	40.519	100%	45.317	100%	27.006	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Tỷ lệ các SPDV trong Thu nhập thuần (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	32.648	83,5%	34.852	79,9%	21.090	79,3%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.373	8,6%	3.762	8,6%	2.258	8,5%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	1.519	3,9%	1.887	4,3%	942	3,5%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	432	1,1%	460	1,1%	128	0,5%
Lãi thuần/Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	-791	-2,0%	364	0,8%	-88	-0,3%
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.196	3,1%	1.746	4,0%	1.589	6,0%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	745	1,9%	532	1,2%	683	2,6%
Tổng cộng	39.123	100%	43.603	100%	26.602	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

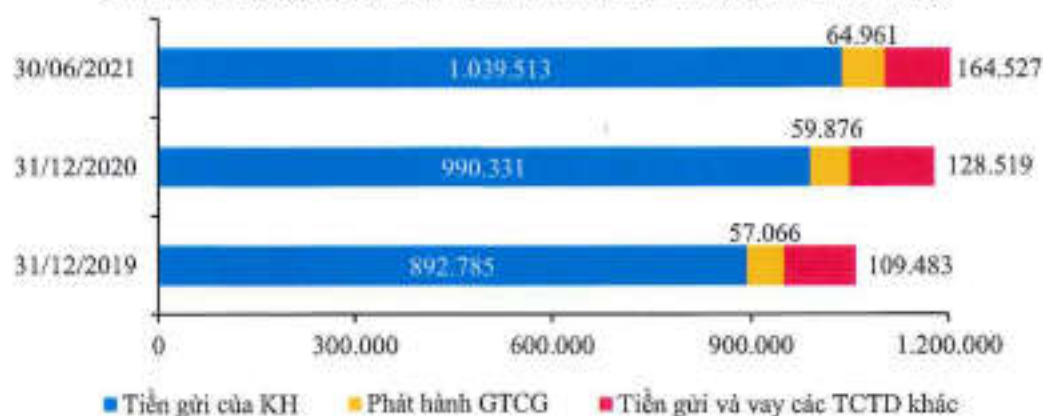
8.1.2. Huy động vốn

➤ Tình hình huy động vốn:

Theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020, tổng giá trị huy động vốn của VietinBank tại 31/12/2020, đạt xấp xỉ 1.178,73 nghìn tỷ đồng, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó: Tiền gửi của khách hàng tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng, đạt gần 990,3 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với năm 2019; Tiền gửi và vay các TCTD khác đạt 128,5 nghìn tỷ đồng, tăng 17,4% so với đầu năm; Số dư phát hành GTCG là 59,9 nghìn tỷ đồng, tăng 4,9% so với 2019.

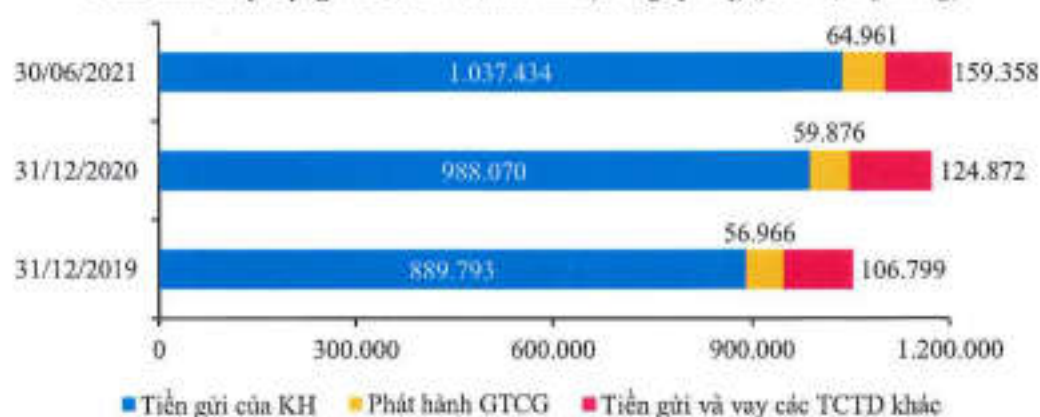
Tại thời điểm 30/06/2021, tổng giá trị huy động vốn (hợp nhất) của VietinBank đạt 1.269 nghìn tỷ đồng, tăng 7,66% so với thời điểm đầu năm 2021.

Tình hình huy động vốn của VietinBank (Hợp nhất) (Đơn vị: Tỷ đồng)



(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

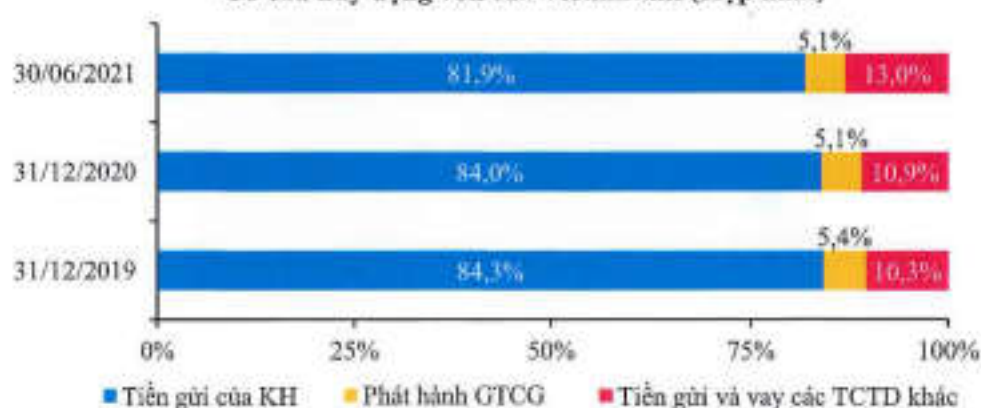
Tình hình huy động vốn của VietinBank (Công ty mẹ) (Đơn vị: Tỷ đồng)



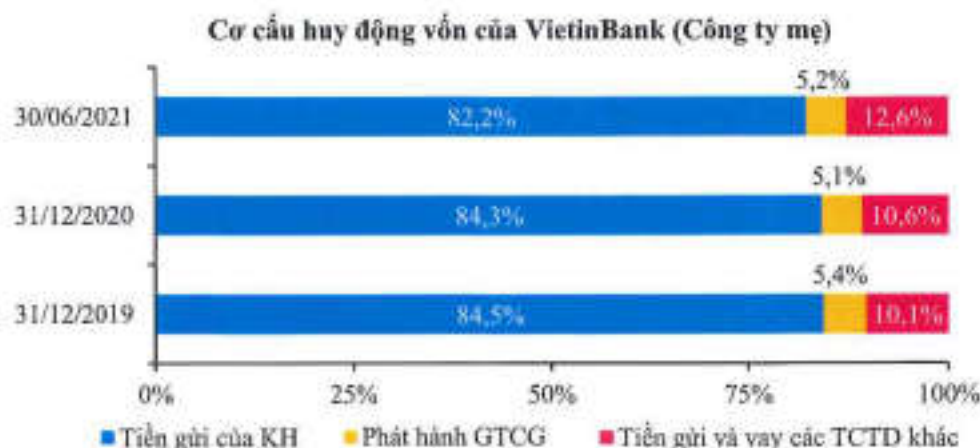
(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

➤ **Cơ cấu nguồn vốn huy động:**

Cơ cấu huy động vốn của VietinBank (Hợp nhất)



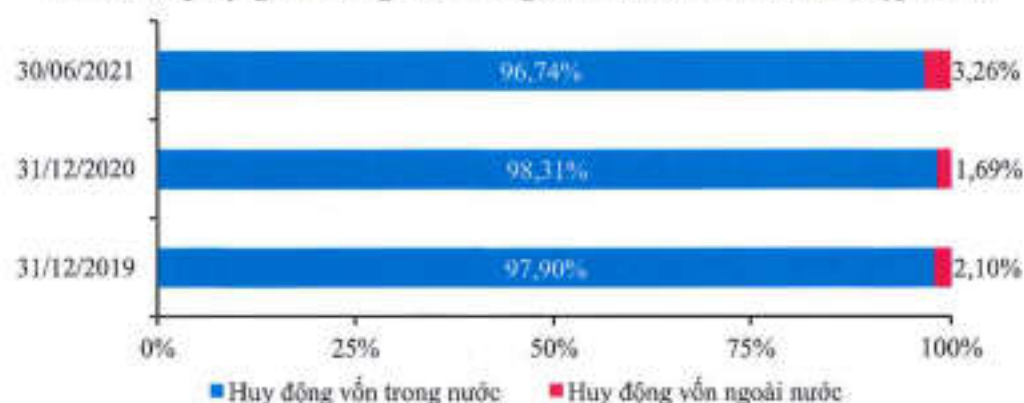
(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)



(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

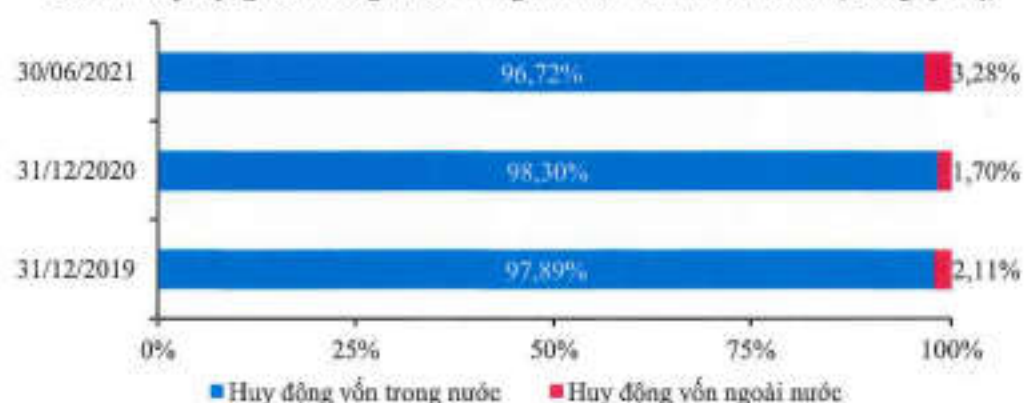
➤ **Cơ cấu nguồn vốn huy động trong nước và ngoài nước**

Cơ cấu huy động vốn trong nước và ngoài nước của VietinBank (Hợp nhất)



(Nguồn: VietinBank)

Cơ cấu huy động vốn trong nước và ngoài nước của VietinBank (Công ty mẹ)



(Nguồn: VietinBank)

8.1.3. Hoạt động tín dụng

➤ Tổng dư nợ cho vay

Theo số liệu hợp nhất tại thời điểm 31/12/2020, tổng dư nợ cho vay khách hàng của VietinBank đạt 1.015,33 nghìn tỷ đồng, tăng 8,56% so với cùng kỳ năm 2019. 6 tháng đầu năm 2021, dư nợ tín dụng đạt 1.076,58 nghìn tỷ đồng, tăng 6,03% so với thời điểm đầu năm 2021.

Hoạt động tín dụng của VietinBank tiếp tục tăng trưởng bền vững theo định hướng tăng tỷ trọng các phân khúc sinh lời cao như bán lẻ và SMEs. Cơ cấu danh mục tín dụng, đa dạng hóa và ưu tiên tín dụng cho SXKD, phù hợp với nhu cầu và diễn biến từng ngành, lĩnh vực kinh tế.

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay của VietinBank (Hợp nhất)

Phân theo kỳ hạn	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		Tại 30/06/2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	537.206	57,4%	593.991	58,5%	637.252	59,2%
Nợ trung hạn	61.931	6,6%	61.855	6,1%	65.255	6,1%
Nợ dài hạn	336.134	35,9%	359.487	35,4%	374.074	34,7%
Tổng dư nợ cho vay	935.271	100%	1.015.333	100%	1.076.581	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay của VietinBank (Công ty mẹ)

Phân theo kỳ hạn	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		Tại 30/06/2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	533.784	57,7%	590.293	58,7%	633.444	59,5%
Nợ trung hạn	59.551	6,4%	58.165	5,8%	62.106	5,8%
Nợ dài hạn	331.917	35,9%	356.517	35,5%	369.498	34,7%
Tổng dư nợ cho vay	925.253	100%	1.004.976	100%	1.065.048	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

➤ Chất lượng tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)

Chất lượng tín dụng luôn được VietinBank ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng cho kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng.

Tỷ lệ nợ xấu theo số liệu hợp nhất tại 31/12/2020 là 0,94%, giảm mạnh so với mức 1,16% của cùng kỳ năm 2019. Đồng thời trong năm 2020, VietinBank đã tái toán toàn bộ hơn 13.000 tỷ đồng trái phiếu đặc biệt, đã bán cho VAMC, góp phần lành mạnh hóa bảng cân đối, nâng cao năng lực tài chính và kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và bảo đảm tuân thủ các giới hạn an toàn theo quy định NHNN.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, ngay sau khi Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 của NHNN có hiệu lực từ 15/05/2021, VietinBank đã chủ động dành nguồn lực tài chính bổ sung trích lập dự phòng cho các khoản nợ được cơ cấu do tác động của dịch bệnh COVID-19. Tỷ lệ nợ xấu theo số liệu hợp nhất tại thời điểm 30/06/2021 là 1,34%, cao hơn mức 0,94% tại thời điểm đầu năm 2021. Tỷ lệ

nợ xấu tăng do VietinBank chủ động cơ cấu nợ tổng thể cho một số khách hàng lớn để đảm bảo cho các khách hàng này có thể tiếp tục duy trì hoạt động, cũng như phục hồi phát triển trở lại trong thời gian tới.

Chất lượng tín dụng và Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank (Hợp nhất)

Phân loại nợ	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		Tại 30/06/2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	918.780	98,2%	1.003.015	98,8%	1.057.876	98,3%
Nợ cần chú ý	5.677	0,6%	2.799	0,3%	4.228	0,4%
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.063	0,2%	1.857	0,2%	970	0,1%
Nợ nghi ngờ	1.547	0,2%	1.612	0,2%	1.213	0,1%
Nợ có khả năng mất vốn	7.204	0,8%	6.050	0,6%	12.294	1,1%
Tổng dư nợ cho vay	935.271	100%	1.015.333	100%	1.076.581	100%
Tỷ lệ nợ xấu	1,16%		0,94%		1,34%	

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Chất lượng tín dụng và Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank (Công ty mẹ)

Phân loại nợ	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		Tại 30/06/2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	909.030	98,2%	992.888	98,8%	1.046.550	98,3%
Nợ cần chú ý	5.563	0,6%	2.770	0,3%	4.175	0,4%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.945	0,2%	1.799	0,2%	957	0,1%
Nợ nghi ngờ	1.518	0,2%	1.507	0,1%	1.207	0,1%
Nợ có khả năng mất vốn	7.197	0,8%	6.011	0,6%	12.158	1,1%
Tổng dư nợ cho vay	925.253	100%	1.004.976	100%	1.065.048	100%
Tỷ lệ nợ xấu	1,15%		0,93%		1,34%	

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

➤ **Tỷ lệ an toàn vốn (CAR):**

VietinBank luôn bảo đảm và đáp ứng các nguyên tắc về quản trị rủi ro, cũng như tuân thủ đúng các quy định của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động và tỷ lệ an toàn vốn.

Tỷ lệ an toàn vốn của VietinBank (*)

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Hợp nhất	10,28%	10,79%	8,52%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Công ty mẹ	9,81%	10,51%	8,33%

(Nguồn: VietinBank)

(*) Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II của Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (tối thiểu là 8%). Trước năm 2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (tối thiểu

là 9%).

➤ **Rủi ro lãi suất và việc phân loại, trích lập DPRR tín dụng**

Rủi ro lãi suất được VietinBank thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Ngân hàng áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động của thị trường...

6 tháng đầu năm 2021, VietinBank đã chủ động trích lập DPRR bổ sung theo Thông tư 03/TT-NHNN thận trọng hơn mức quy định của NHNN nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tăng khả năng chống chịu trước các biến động bất lợi của nền kinh tế. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của VietinBank tại thời điểm 30/06/2021 là 128%, giảm 4 điểm phần trăm so với mức 132% tại thời điểm 31/12/2020.

Đối với việc phân loại nợ và trích lập DPRR tín dụng:

VietinBank tuân thủ và thực hiện theo Điều 11 (Phân loại nợ định tính) của Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập DPRR và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 v/v sửa đổi, bổ sung Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013.

VietinBank chủ động sàng lọc khách hàng để phản ánh chất lượng nợ phù hợp với năng lực tài chính thực tế của khách hàng. Với các biện pháp quản lý các khoản nợ sát sao, đa dạng các ứng xử tín dụng, chất lượng nợ của VietinBank luôn được duy trì ở mức cao trong các năm qua.

Việc trích lập DPRR tín dụng (bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể) được thực hiện theo quy định của NHNN, trong đó có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

Số dư quỹ DPRR cho vay khách hàng của VietinBank

Khoản mục Đơn vị: Tỷ đồng	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Dự phòng chung	6.858	7.366	8.028	6.717	7.228	7.875
Dự phòng cụ thể	6.088	5.196	10.648	6.072	5.118	10.516
Tổng cộng	12.946	12.562	18.676	12.789	12.346	18.391

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

8.1.4. HĐKD ngoại tệ và thanh toán

a) HĐKD ngoại tệ

HĐKD ngoại tệ của VietinBank tập trung mạnh với trọng tâm là công tác phát triển khách hàng và đa dạng hóa sản phẩm và các loại ngoại tệ giao dịch với khách hàng nhằm khai thác tối đa tệp khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới trên tất cả các phân khúc. Bên cạnh đó, VietinBank đặc biệt chú trọng đến phân khúc khách hàng FDI, SME cũng như các giao dịch mua bán sáp nhập (M&A), các giao dịch thoái vốn, bán vốn cho nhà đầu tư nước ngoài.

Năm 2020, HĐKD ngoại tệ của VietinBank tiếp tục tăng trưởng, nắm giữ thị phần dẫn đầu trên thị trường về cả doanh số và thị phần kinh doanh ngoại hối, qua đó khẳng định vị thế của VietinBank trên thị trường. Lãi thuần từ kinh doanh ngoại tệ theo số liệu hợp nhất năm 2020 đạt 2.000 tỷ đồng, tăng 27,83% so với năm 2019. 6 tháng đầu năm 2021, lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ theo kết quả hợp

nhất đạt 856 tỷ đồng, giảm 17,39% so với cùng kỳ năm 2020.

Kết quả HĐKD ngoại tệ

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với 2018	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với 2019	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với cùng kỳ
Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ (Hợp nhất)	1.564	120,36%	2.000	27,83%	856	-17,39%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ (Công ty mẹ)	1.519	121,13%	1.887	24,26%	942	-4,85%

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất và riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

b) Hoạt động thanh toán

(i) Hoạt động thanh toán trong nước

Năm 2020, số lượng giao dịch thanh toán trong nước của VietinBank đạt 457,02 triệu giao dịch tăng 47% so với năm 2019; doanh số thanh toán đạt 29.343 nghìn tỷ đồng, tăng 24,5% so với năm 2019. 6 tháng đầu năm 2021, số lượng giao dịch thanh toán trong nước đạt 314,69 triệu giao dịch, tăng 62,4% so với cùng kỳ 2020; doanh số thanh toán đạt 20.618 nghìn tỷ đồng, tăng 53,2% so với cùng kỳ của năm 2020.

Kết quả hoạt động thanh toán trong nước

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2018	Giá trị	% tăng/giảm so với 2019	Giá trị	% tăng/giảm so với cùng kỳ
Số lượng giao dịch (triệu giao dịch)	310,86	43,2%	457,02	47,0%	314,69	62,4%
Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng)	23.569	20,3%	29.343	24,5%	20.618	53,2%

(Nguồn: VietinBank)

VietinBank đẩy mạnh triển khai SPDV thanh toán cho tất cả các phân khúc khách hàng, trong đó chú trọng đến các giải pháp thanh toán điện tử cung ứng cho khách hàng sử dụng dịch vụ như thanh toán qua Mobile App, QR code..., triển khai kết nối hệ thống thanh toán với các NHTM, các trung gian thanh toán, các công ty công nghệ, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán bằng các phương thức hiện đại như API, áp dụng chuẩn quốc tế ISO 20022 trong trao đổi dữ liệu điện tử.

(ii) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

VietinBank luôn nỗ lực thúc đẩy phát triển sản phẩm mới về TTQT, TTTM thông qua thiết kế, cải tiến, cung cấp các sản phẩm chuyên biệt cho từng ngành hàng/đối tượng khách hàng và nâng cấp hệ thống kỹ thuật phục vụ xử lý nghiệp vụ nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Năm 2020, doanh số thanh toán quốc tế và TTTM của VietinBank đạt 58.583,44 triệu USD, giảm 2,5% so với năm 2019; số lượng giao dịch là 501.734 giao dịch, giảm 0,9% so với năm 2019.

6 tháng đầu năm 2021, doanh số thanh toán quốc tế và TTTM đạt 35.967,80 triệu USD, tăng 40,2% so với cùng kỳ năm 2020; số lượng giao dịch thanh toán đạt 263.716 giao dịch, tăng 12,1% so với

cùng kỳ năm 2020.

Kết quả hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2018	Giá trị	% tăng/giảm so với 2019	Giá trị	% tăng/giảm so với cùng kỳ
Số lượng giao dịch	506.331	6,4%	501.734	-0,9%	263.716	12,1%
Doanh số thanh toán (triệu USD)	60.083,93	-0,4%	58.583,44	-2,5%	35.967,80	40,2%

(Nguồn: VietinBank)

8.1.5. Hoạt động đầu tư

Bên cạnh hoạt động tín dụng và nguồn vốn, VietinBank chú trọng đa dạng hóa SPDV, phát triển sản phẩm đầu tư hiện đại, giữ vững vai trò là ngân hàng tạo lập thị trường. VietinBank không ngừng đa dạng hóa HĐKD, đầu tư và đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm phái sinh lãi suất, tiền tệ. Danh mục đầu tư liên tục được điều chỉnh theo hướng tăng khả năng sinh lời, đảm bảo dự trữ thanh khoản cho toàn hệ thống và nâng cao vai trò, vị thế của VietinBank trên thị trường.

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020, danh mục đầu tư của VietinBank tại thời điểm 31/12/2020, duy trì với quy mô bằng 16,9% tổng tài sản, tương ứng với giá trị là 226,41 nghìn tỷ đồng. Đến 30/06/2021, tỷ lệ danh mục đầu tư trên tổng tài sản hợp nhất đạt 21,2%, tương ứng với giá trị là 312,74 nghìn tỷ đồng; tăng 38,1% so với thời điểm đầu năm 2021.

Cơ cấu danh mục đầu tư của VietinBank (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		Tại 30/06/2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1. Tiền gửi, vay các TCTD khác	129.389	53,7%	102.533	45,3%	152.889	48,9%
Tiền gửi tại các TCTD khác	123.085		92.628		139.728	
Cho vay các TCTD khác	6.304		9.905		13.161	
2. Chứng khoán-kinh doanh	3.825	1,6%	5.602	2,5%	3.376	1,1%
Chứng khoán kinh doanh	4.051		5.723		3.455	
DPRR chứng khoán kinh doanh	-226		-121		-79	
3. Chứng khoán đầu tư	104.615	43,4%	114.942	50,8%	153.324	49,0%
CK đầu tư sẵn sàng bán	97.132		112.678		151.148	
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	15.368		2.617		2.617	
DPRR chứng khoán đầu tư	-7.884		-353		-441	
4. Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.283	1,4%	3.336	1,5%	3.152	1,0%
Vốn góp liên doanh	3.018		3.118		2.935	
Đầu tư dài hạn khác	265		241		241	
DP giảm giá đầu tư dài hạn	0		-23		-24	
Tổng cộng	241.112	100%	226.412	100%	312.740	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Cơ cấu danh mục đầu tư của VietinBank (Công ty mẹ)

Chi tiêu	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		Tại 30/06/2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1. Tiền gửi, vay các TCTD khác	129.708	53,8%	102.713	45,5%	151.959	48,8%
Tiền gửi tại các TCTD khác	122.644		93.651		140.784	
Cho vay các TCTD khác	7.064		9.062		11.175	
2. Chứng khoán kinh doanh	2.475	1,0%	4.253	1,9%	2.135	0,7%
Chứng khoán kinh doanh	2.475		4.253		2.139	
DPRR chứng khoán kinh doanh	0		0		-5	
3. Chứng khoán đầu tư	103.347	42,8%	113.302	50,2%	151.684	48,7%
CK đầu tư sẵn sàng bán	95.856		111.057		149.528	
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	15.368		2.587		2.587	
DPRR chứng khoán đầu tư	-7.877		-343		-431	
4. Góp vốn, đầu tư dài hạn	5.752	2,4%	5.552	2,5%	5.552	1,8%
Vốn góp liên doanh	4.040		3.840		3.840	
Đầu tư dài hạn khác	1.689		1.689		1.689	
DP giảm giá đầu tư dài hạn	23		23		23	
Tổng cộng	241.282	100%	225.819	100%	311.330	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

8.1.6. Hoạt động ngân hàng đại lý

VietinBank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng mọi nhu cầu giao dịch ngân hàng quốc tế, trong đó chủ yếu là chuyển tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn và hiệu quả. Hiện tại VietinBank có quan hệ đại lý với trên 1.000 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tại mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ, VietinBank luôn đặt quan hệ đại lý với các ngân hàng hàng đầu và có uy tín tốt.

Trong thời gian tới, chiến lược của Vietinbank đối với hoạt động ngân hàng đại lý là tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống, chú trọng vào các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng cường huy động nguồn vốn với lãi suất tốt, chào bán SPDV của VietinBank để tăng thu phí dịch vụ, kết nối kinh doanh để mở rộng cơ sở khách hàng.

8.2. Tài sản

Tình hình các tài sản lớn thuộc sở hữu của VietinBank (Hợp nhất)

TT	Tên tài sản (Đơn vị: tỷ đồng)	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		Tại 30/06/2021	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	14.818	6.422	15.445	6.409	15.465	6.100
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.571	5.308	7.925	5.402	7.942	5.280
2	Máy móc thiết bị	5.357	569	5.541	511	5.527	390

TT	Tên tài sản (Đơn vị: tỷ đồng)	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		Tại 30/06/2021	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
3	Phương tiện vận tải	1.551	477	1.627	447	1.625	386
4	TSCĐ hữu hình khác	338	69	352	49	371	44
II	TSCĐ vô hình	4.416	4.575	6.387	4.402	6.449	4.324
1	Quyền sử dụng đất	4.091	3.766	4.043	3.669	4.049	3.656
2	TSCĐ vô hình khác	325	809	2.344	732	2.400	668
	Tổng cộng	19.234	10.997	21.832	10.811	21.914	10.424

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Tình hình các tài sản lớn thuộc sở hữu của VietinBank (Công ty mẹ)

TT	Tên tài sản (Đơn vị: tỷ đồng)	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		Tại 30/06/2021	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	14.578	6.315	15.089	6.201	15.087	5.883
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.521	5.273	7.761	5.257	7.766	5.125
2	Máy móc thiết bị	5.256	534	5.441	484	5.439	370
3	Phương tiện vận tải	1.466	440	1.538	412	1.530	350
4	TSCĐ hữu hình khác	335	68	349	48	352	38
II	TSCĐ vô hình	6.172	4.479	6.259	4.314	6.290	4.211
1	Quyền sử dụng đất	4.004	3.684	3.959	3.592	3.959	3.574
2	TSCĐ vô hình khác	2.168	795	2.300	722	2.331	637
	Tổng cộng	20.750	10.794	21.348	10.516	21.377	10.094

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

a. Chính sách quản lý rủi ro tín dụng:

Đối với hoạt động tín dụng, VietinBank kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức kiểm soát rủi ro tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà VietinBank có thể chấp nhận được đối với từng khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực, địa lý, ngành nghề. VietinBank đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức kiểm soát rủi ro tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

Đối với hoạt động đầu tư/cho vay trên thị trường liên ngân hàng, VietinBank kiểm soát và quản lý rủi ro bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư liên ngân hàng đối với từng đối tác cụ thể trên cơ sở phân tích, đánh giá của VietinBank về mức độ rủi ro của đối tác. Hạn mức đầu tư liên ngân hàng do Hội đồng Định chế tài chính xác lập và giao Phòng Kinh doanh Vốn thực hiện.

Để quản lý rủi ro một cách chuyên nghiệp và đáp ứng chuẩn mực quốc tế, VietinBank đã chuẩn hóa mô hình tổ chức 03 tuyến bảo vệ bao gồm: (i) Tuyến bảo vệ thứ nhất (nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng); (ii) Tuyến bảo vệ thứ hai (xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ); (iii) Tuyến bảo vệ thứ ba (kiểm toán nội bộ về quản lý rủi ro). Ngoài ra, VietinBank thực hiện quy trình quản lý rủi ro tín dụng theo cả 02 cấp độ là danh mục và giao dịch bao gồm 5 bước cơ bản, cụ thể như sau:

- *Nhận dạng*: xác định rủi ro tín dụng trọng yếu, nguy cơ gây ra rủi ro tín dụng và xác định nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng.
- *Đo lường*: sử dụng các phương pháp, mô hình đo lường rủi ro để xác định tác động ngắn hạn, dài hạn của rủi ro tín dụng đối với thu nhập, tỷ lệ an toàn vốn và khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh của Ngân hàng.
- *Theo dõi*: theo dõi trạng thái rủi ro và đánh giá kịp thời, cảnh báo sớm khả năng vi phạm các hạn mức kiểm soát rủi ro.
- *Kiểm soát*: kiểm soát trạng thái rủi ro tín dụng thực tế để tuân thủ giới hạn cấp tín dụng, hạn mức kiểm soát tín dụng theo quy định pháp luật và nội bộ của Ngân hàng, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý kịp thời các rủi ro để đảm bảo tuân thủ các hạn mức kiểm soát rủi ro và có biện pháp xử lý khi chất lượng tín dụng bị suy giảm.
- *Báo cáo*: thực hiện báo cáo thông tin kịp thời, đầy đủ về trạng thái rủi ro tín dụng, hiệu quả của các biện pháp kiểm soát rủi ro tín dụng cho người có thẩm quyền và các bên liên quan để có quyết định phù hợp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng và nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro tín dụng tại VietinBank.

VietinBank xây dựng các công cụ/hệ thống nhằm hỗ trợ hoạt động quản lý rủi ro tín dụng một cách chủ động, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu thực tế, quy mô và mức độ phức tạp trong hoạt động tín dụng của ngân hàng trong từng thời kỳ. Hạ tầng CNTT được ưu tiên chú trọng đầu tư, đảm bảo công tác quản lý danh mục tín dụng, cảnh báo sớm, giám sát rủi ro tín dụng chi nhánh, quản lý thu hồi và xử lý nợ được thực hiện tự động, giảm thiểu thời gian xử lý dữ liệu và nâng cao chất lượng thông tin. Bên cạnh đó, VietinBank là một trong những ngân hàng đầu tiên triển khai các mô hình đo lường rủi ro tín dụng theo chuẩn Basel II theo phương pháp phân tích thống kê để thay thế Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo phương pháp chuyên gia trước đây và sử dụng kết quả mô hình trong công tác phê duyệt tín dụng, định giá khoản vay và quản lý khách hàng.

b. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động:

VietinBank thực hiện việc áp dụng các thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro hoạt động thông qua một số công cụ như (i) tự đánh giá rủi ro và biện pháp kiểm soát (RCSA); (ii) chỉ số rủi ro chính (KRI); (iii) thu thập và quản lý sự kiện rủi ro hoạt động (LDC) và (iv) sử dụng các phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập.

VietinBank xây dựng chính sách và hướng dẫn cho công tác quản lý rủi ro hoạt động nhằm đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN như hạn mức rủi ro hoạt động (bao gồm hạn mức về tổn thất tài chính và phi tài chính); quản lý rủi ro trong ứng dụng công nghệ, hoạt động thuê ngoài, đảm bảo kinh doanh liên tục (BCP). VietinBank liên tục đẩy mạnh và nâng cao nhận thức, văn hóa quản lý rủi ro hoạt động trên toàn hệ thống thông qua việc chủ động tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu rủi ro hoạt động, cũng như các cuộc thi nội bộ để tạo ra những làn sóng đổi mới, khơi gợi ý tưởng, sáng kiến cải tiến, quản trị rủi ro. Đồng thời, VietinBank tiếp tục chú trọng đào tạo, xây dựng và tuyển dụng một đội ngũ cán bộ triển khai quản lý rủi ro hoạt động chủ chốt có kinh nghiệm, có năng lực.

Việc quản lý rủi ro hoạt động tại VietinBank được vận hành theo mô hình 03 tuyến bảo vệ, quy định rõ ràng vai trò cũng như trách nhiệm của từng đơn vị thuộc mỗi tuyến bảo vệ. Trên thực tế, các đơn vị thuộc các tuyến bảo vệ phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm thực hiện công tác quản lý rủi ro hoạt động một cách xuyên suốt từ Trụ sở chính tới Chi nhánh và toàn diện ở tất cả các HDKD, nghiệp vụ,

phát huy tốt hiệu quả mô hình 3 tuyến bảo vệ, đảm bảo HDKD đúng định hướng, an toàn và tuân thủ quy định pháp luật.

c. Chính sách quản lý rủi ro thị trường

VietinBank xây dựng chiến lược quản lý rủi ro thị trường nhằm thiết lập mục tiêu kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động phát sinh rủi ro thị trường, các biện pháp kiểm soát phù hợp năng lực quản lý rủi ro thị trường gắn với chiến lược kinh doanh trung và dài hạn của VietinBank, đảm bảo HDKD phát triển an toàn, bền vững, tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, cam kết với đối tác chiến lược.

Tất cả các rủi ro thị trường phát sinh được quản lý tập trung tại Trụ sở chính VietinBank theo mô hình 3 tuyến bảo vệ. Phòng Kinh doanh vốn đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ nhất, chủ động nhận dạng, kiểm soát trạng thái rủi ro thị trường, thiết lập các chốt kiểm soát và giám sát tại đơn vị mình, đảm bảo tuân thủ các hạn mức, khẩu vị rủi ro thị trường. Phòng Quản lý rủi ro thị trường đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ 2, thực hiện chức năng kiểm soát rủi ro thị trường một cách độc lập thông qua thiết lập các văn bản chính sách và xây dựng mô hình đo lường rủi ro, đồng thời báo cáo trực tiếp cho Phó TGD phụ trách/Giám đốc Khối Quản lý rủi ro và độc lập với đơn vị Kinh doanh vốn & Thị trường. Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng tuyến bảo vệ thứ ba, kiểm toán tại các đơn vị thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ hai, đảm bảo kiểm tra, giám sát rủi ro thị trường một cách độc lập, hiệu quả.

VietinBank đã xây dựng hệ thống chính sách, quy định về quản lý rủi ro thị trường, trong đó quản lý rủi ro tập trung trong giao dịch tự doanh đầy đủ, đồng bộ các bước nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro, định kỳ được rà soát, cập nhật kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu HDKD thực tế, phù hợp với thông lệ quốc tế (Basel II, Basel III) và các yêu cầu của cơ quan quản lý.

Mục tiêu của việc kiểm soát rủi ro thị trường là quản lý mức độ tổn thất của VietinBank trước các biến động có thể xảy ra của các yếu tố rủi ro thị trường (tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, giá cổ phiếu, mức độ tập trung giao dịch tự doanh). VietinBank thực hiện kiểm soát rủi ro thị trường thông qua việc thiết lập, cập nhật, duy trì và quản lý, giám sát tuân thủ khẩu vị rủi ro thị trường và hạn mức rủi ro thị trường thông qua các chỉ số đo lường như: lãi/lỗ, trạng thái, giá trị chịu rủi ro (VaR), chỉ số đo lường độ nhạy với lãi suất (PV01), hạn mức trạng thái/số dư đối với các sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ, đối tác giao dịch thuộc danh mục tự doanh có rủi ro tập trung; mức tổn thất trong điều kiện căng thẳng (Stress loss); tính vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường; thực hiện kiểm định mô hình (test hệ thống, xác thực giá độc lập, backtesting).

d. Chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên Sổ Ngân hàng

VietinBank đã thiết lập hệ thống quy định, quy trình và hạn mức kiểm soát rủi ro lãi suất (RRLS) trên Sổ Ngân hàng đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý và theo thông lệ Basel II. Công tác quản lý RRLS trên Sổ Ngân hàng được triển khai thông qua mô hình 3 tuyến bảo vệ nhằm đảm bảo sự chuyên sâu, toàn diện, mang tính hệ thống và phù hợp với thông lệ thị trường. VietinBank áp dụng bộ công cụ quản lý RRLS theo các chỉ số về (i) trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap), (ii) tác động thay đổi lãi suất đến thu nhập lãi thuần (Delta NII) và/hoặc giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (Delta EVE). VietinBank đã triển khai hệ thống phần mềm Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM) và hệ thống điều chuyển vốn nội bộ (FTP) cho phép quản lý tập trung trạng thái RRLS tại Trụ sở chính Vietinbank, cung cấp tự động các báo cáo đo lường chỉ số, báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất... nhằm kiểm soát RRLS trong phạm vi cho phép, đưa ra các biện pháp phòng ngừa và xây dựng các chính sách lãi suất phù hợp. Ở cấp độ giao dịch, tất cả các hợp đồng tín dụng của VietinBank đều phải có các điều khoản phòng ngừa RRLS để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường; lãi suất cho vay phải được xây dựng dựa trên cơ sở phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng.

e. Chính sách quản lý, bảo đảm hệ số an toàn vốn:

VietinBank đã ban hành quy định và quy trình quản lý vốn tự có và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn trong hệ thống VietinBank bao gồm (i) các nguyên tắc, chính sách quản lý vốn tự có; (ii) quy trình

cụ thể nhằm xác định vốn mục tiêu và lập kế hoạch vốn; (iii) giám sát và báo cáo về vốn và tỷ lệ CAR; (iv) trách nhiệm và quyền hạn các bên liên quan; đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN, cam kết với các đối tác và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Hàng năm, kế hoạch vốn được xây dựng trên cơ sở dự kiến về các biện pháp tăng vốn tự có và kiểm soát tài sản có rủi ro, từ đó làm cơ sở xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong từng giai đoạn. Định kỳ, kế hoạch vốn được rà soát, cập nhật nhằm phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tuân thủ, đồng thời tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

Về hệ thống, VietinBank đã xây dựng hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn tự động trên nền tảng các dữ liệu nguồn của Ngân hàng. Dữ liệu tính toán thường xuyên được kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác. Vốn và tỷ lệ an toàn vốn được định kỳ giám sát, dự báo và báo cáo Ban Điều hành, các Hội đồng nhằm kiểm soát, đảm bảo tuân thủ theo quy định.

8.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

Từ năm 2020 đến nay, đại dịch COVID-19 đã tác động tiêu cực tới các lĩnh vực và ngành nghề của nền kinh tế Việt Nam. HĐKD của rất nhiều doanh nghiệp và khách hàng của VietinBank bị ảnh hưởng nặng nề và gặp rất nhiều khó khăn gây tiềm ẩn các rủi ro phát sinh nợ xấu cho Ngân hàng. Trong bối cảnh này, VietinBank đã và đang tích cực đồng hành cùng khách hàng để kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, ưu đãi lãi suất, giữ nguyên nhóm nợ và giải ngân mới... nhằm giúp doanh nghiệp và khách hàng vượt qua khó khăn, ổn định hoạt động SXKD; đồng thời chủ động nhận diện sớm rủi ro và triển khai các biện pháp phân loại, thu hồi xử lý nợ để giảm thiểu tổn thất và rủi ro cho Ngân hàng. Chính vì vậy, VietinBank đã kiểm soát tốt tỷ lệ nợ xấu ở mức dưới 1% vào thời điểm cuối năm 2020.

Công tác quản lý rủi ro tín dụng tiếp tục được chú trọng từ cấp tổng thể đến cấp độ giao dịch. Theo đó, VietinBank triển khai mạnh mẽ các biện pháp hạn chế phát sinh mới nợ xấu, tăng cường thu hồi, xử lý nợ nhằm nâng cao chất lượng tín dụng và hiệu quả sử dụng vốn. Các chính sách, quy trình cấp tín dụng thường xuyên được rà soát, cập nhật nhằm tăng cường quản trị rủi ro, tuân thủ quy định của NHNN và chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế. Cùng với đó, VietinBank ưu tiên và nâng cấp, cải tiến hệ thống CNTT để hỗ trợ việc quản lý, giám sát rủi ro tín dụng, cảnh báo sớm rủi ro tiềm ẩn từ danh mục tín dụng và khách hàng, kịp thời thu hồi và xử lý nợ.

Trước những diễn biến phức tạp và khó lường của thị trường trong nước và quốc tế do tác động của dịch bệnh COVID-19, VietinBank chủ động giám sát chặt chẽ và kiểm soát các yếu tố rủi ro thị trường với việc điều chỉnh linh hoạt khẩu vị và hạn mức rủi ro thị trường đối với các sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ và đối tượng khách hàng; đồng thời định kỳ phân tích, đo lường mức độ tổn thất, mức vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường để xác định mức rủi ro tiềm ẩn. Trong năm 2020, VietinBank đã tiến hành nâng cấp hệ thống Treasury Murex để chủ động đáp ứng sẵn sàng các thay đổi về HĐKD vốn, giúp Ngân hàng tiếp cận gần hơn với thông lệ tiên tiến và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Song song với đó, VietinBank cũng chủ động cải tiến các hệ thống tính toán vốn yêu cầu cho các rủi ro trọng yếu (RWA), hệ thống hỗ trợ giám sát sau giao dịch kinh doanh vốn (Treasury Monitoring), hệ thống quản lý giao dịch phái sinh hàng hóa (Vision Commodity)...

Kể từ khi dịch COVID-19 bùng phát, VietinBank đã thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 nhằm triển khai công tác quản trị rủi ro hoạt động, thực hiện các kế hoạch duy trì kinh doanh liên tục và ứng phó với các tình huống khẩn cấp và diễn biến phức tạp, lan rộng của dịch bệnh. VietinBank đã xây dựng các phương án giao dịch, làm việc phân tách, triển khai khám sức khỏe và tiêm phòng cho cán bộ nhân viên; đồng hành, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn; hoàn thiện xây dựng kế hoạch ứng phó dịch bệnh thường xuyên, định kỳ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và Chính phủ. Nhờ vậy, HĐKD của VietinBank được duy trì liên tục và đảm bảo cung cấp dịch vụ toàn diện đến khách hàng. Cùng với công tác ứng phó các rủi ro mang tính khách quan, trong năm 2020 VietinBank cũng liên tục cập nhật chính sách và giám sát kết quả môi trường kiểm soát tại từng đơn vị nhằm chủ động phòng ngừa rủi ro nội tại và tăng cường hiệu quả hoạt động, hỗ trợ Chi nhánh và các đơn vị Trụ sở chính nhận diện các vấn đề còn tồn tại trong môi trường kiểm soát toàn hàng và từ đó triển khai các biện pháp ứng xử phù hợp.

Theo định kỳ, VietinBank thường xuyên tiến hành kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản nhằm đánh giá khả năng thực hiện các nghĩa vụ cam kết, xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản; bảo đảm các tỷ lệ về an toàn vốn hoạt động theo quy định của NHNN. Thực hiện các chiến lược, mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh toán trong điều kiện hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản; đảm bảo đa dạng hóa về kênh huy động vốn, phù hợp với cơ cấu kỳ hạn sử dụng nguồn vốn. VietinBank cũng thiết lập, mở rộng giới hạn và quan hệ với các TCTD và định chế tài chính khác để tăng cường hiệu quả huy động và sử dụng nguồn.



8.4. Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện:

- **Mạng lưới trong nước:** Tính đến 30/06/2021, VietinBank có 155 Chi nhánh hoạt động trong nước (trong đó, miền Bắc có 73 Chi nhánh, miền Trung có 29 Chi nhánh và miền Nam là 53 Chi nhánh); 958 phòng giao dịch trải khắp trên 63 tỉnh thành của cả nước. Ngoài ra, VietinBank còn có 02 văn phòng đại diện đặt tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh và 01 Trung tâm Khách hàng phía Nam.
- **Mạng lưới quốc tế:** Tính đến 30/06/2021, VietinBank có 02 Chi nhánh hoạt động tại Đức, 01 ngân hàng con hoạt động tại Lào và 01 văn phòng đại diện đặt tại Myanmar.

8.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

- **Mạng lưới khách hàng:** Tính đến thời điểm 30/06/2021, mạng lưới khách hàng của VietinBank phân loại theo từng đối tượng khách hàng gồm có:
 - ✓ **KHDN lớn:** bao gồm 7.972 khách hàng, chiếm 7,8% tổng số KHDN và tăng 29,73% so với đầu năm 2021. Theo địa bàn hoạt động, số lượng khách hàng tại miền Bắc là 3.496 (chiếm 43,9%), miền Trung là 1.413 (chiếm 17,7%) và miền Nam là 3.063 (chiếm 38,4%).
 - ✓ **KHDN nhỏ và vừa:** gồm có 90.200 khách hàng, chiếm 88,5% tổng số KHDN và tăng 7,3% so với đầu năm 2021. Phân theo địa bàn hoạt động: miền Bắc có 36.914 khách hàng (chiếm 40,9%), miền Trung có 19.013 khách hàng (chiếm 21,2%) và miền Nam có 34.273 khách hàng (chiếm 38%).
 - ✓ **KHDN FDI:** bao gồm 3.764 khách hàng, chiếm 3,7% tổng số KHDN và tăng 2,2% so với đầu năm 2021. Theo địa bàn hoạt động: miền Bắc có 1.835 khách hàng (chiếm 48,8%), miền Nam có 1.595 khách hàng (chiếm 42,4%) và miền Trung có 334 khách hàng (chiếm 8,9%).
 - ✓ **Khách hàng Định chế tài chính ("ĐCTC"):** VietinBank thiết lập và mở rộng quan hệ với 294 khách hàng ĐCTC, bao gồm:
 - 186 khách hàng ĐCTC là TCTD; trong đó: có 46 TCTD trong nước (gồm 39 NHTM, 5 công ty tài chính và 2 tổ chức tài chính vi mô) và 140 TCTD nước ngoài (gồm 136 NHTM và 4 công ty tài chính).
 - 105 khách hàng ĐCTC phi TCTD; trong đó: có 45 công ty bảo hiểm (gồm 31 công ty trong nước và 14 công ty nước ngoài) và 60 công ty chứng khoán (44 công ty trong nước và 16 công ty nước ngoài);
 - 03 khách hàng ĐCTC là tổ chức đa phương, gồm Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) và Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (EIB).
 - ✓ **KHCN:** quy mô KHCN của VietinBank đạt gần 14,6 triệu khách hàng, tăng 4,7% so với đầu năm 2021. Tốc độ tăng trưởng quy mô KHCN bình quân đạt trên 11%/năm và tập trung chủ yếu tại 2 thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, chiếm tỷ trọng lần lượt là 15,6% và 13%.

• **Các SPDV cho khách hàng:**

✓ **Các SPDV dành cho cá nhân:** bao gồm:

- **Ngân hàng số:** bao gồm các dịch vụ như VietinBank iPay, iPay Mobile, SMS Banking và Bank Plus;
- **Tiền gửi:** gồm các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm; tiền gửi tài khoản thanh toán và sản phẩm GTCG khác như kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu...
- **Thẻ:** bao gồm các sản phẩm thẻ, dịch vụ thanh toán thẻ và các dịch vụ khác dành cho thẻ;
- **Cho vay:** gồm các sản phẩm cho vay tiêu dùng và cho vay phục vụ SXKD;
- **Bảo hiểm:** gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ dành cho nhu cầu cá nhân.

✓ **Các SPDV dành cho doanh nghiệp:** bao gồm:

- **Tiền gửi:** gồm tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán; tiền gửi đầu tư đa năng; tiền gửi ký quỹ; tiền gửi có kỳ hạn thông thường; đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tự động;
- **Cho vay:** bao gồm các sản phẩm cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; cho vay chuyên biệt; các chương trình tín dụng quốc tế;
- **Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại:** gồm các sản phẩm dành cho doanh nghiệp xuất/nhập khẩu; chuyển tiền ngoại tệ; bảo lãnh; tài trợ thương mại nội địa; VietinBank Trade Portal...;
- **Thanh toán và quản lý dòng tiền:** các dịch vụ quản lý khoản phải chi/phải thu; quản lý dòng tiền; chuyển tiền và quản lý tài khoản;
- **Kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn:** gồm các dịch vụ ngân hàng đầu tư; kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh lãi suất; ngân hàng lưu ký giám sát và các sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
- **Ngân hàng điện tử:** dịch vụ VietinBank eFast cung cấp và hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet.
- **Bảo hiểm:** gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp.

8.4.3. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

❖ **Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành:**

Top 10 NHTMCP niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam có tổng tài sản lớn nhất tại thời điểm 31/12/2020 (Đơn vị: nghìn tỷ đồng)



(Nguồn: tổng hợp BCTC hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của các ngân hàng)

VietinBank là một trong số ngân hàng dẫn đầu ngành về quy mô tài sản và lợi nhuận. Tính tới thời điểm 31/12/2020, tổng tài sản của VietinBank lớn thứ 2 trong số các NHTM hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán, với tổng giá trị tài sản hợp nhất là 1.341 nghìn tỷ đồng (sau BIDV) và đứng thứ 2 thị trường về lợi nhuận, với giá trị LNTT hợp nhất năm 2020 đạt 17.085 tỷ đồng (sau Vietcombank).

Năm 2020, VietinBank là ngân hàng Việt Nam duy nhất 2 lần liên tiếp vào **Top 300 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới** theo công bố của Brand Finance, xếp hạng 277. Ngân hàng cũng vinh dự lọt vào danh sách **Top 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới 2020** do Tạp chí uy tín Forbes của Mỹ công bố. Đây là lần thứ 9 liên tiếp ngân hàng đạt được vị trí này. Forbes xác định VietinBank có tài sản đạt 53,5 tỷ USD và giá trị thị trường đạt 3,2 tỷ USD.

- ❖ So sánh một số chỉ tiêu tài chính của VietinBank với các ngân hàng trong cùng ngành (thời điểm 31/12/2020):

Đơn vị: Tỷ đồng

Tiêu chí	CTG	BID	VCB	MBB	TCB	VPB
Vốn điều lệ	37.234	40.220	37.089	27.988	35.049	25.300
VCSH	85.411	79.647	94.095	50.099	74.615	42.210
Tổng tài sản	1.341.436	1.516.686	1.326.230	494.982	439.603	419.027
Tiền gửi khách hàng	990.331	1.226.674	1.032.113	310.960	277.459	233.428
Cho vay khách hàng	1.015.333	1.214.296	839.788	298.296	277.525	290.816
Tổng thu nhập hoạt động	45.317	48.121	49.063	27.362	27.042	39.031
LNST	13.757	7.223	18.473	8.606	12.582	10.414

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 được kiểm toán của các Ngân hàng)

Trong các ngân hàng trên thị trường Việt Nam, VietinBank luôn nằm trong nhóm Ngân hàng có quy mô vốn, tài sản và lợi nhuận cao.

- ❖ Thị phần và khả năng cạnh tranh

Chỉ tiêu hợp nhất (tại 31/12/2020)	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
VietinBank (tỷ đồng)	1.341.436	1.015.333	990.331
Thị phần VietinBank so với toàn ngành (*)	10,18%	11,18%	9,88%

Nguồn: (*) Số liệu do NHNN và CIC công bố.

Tại thời điểm 31/12/2020, thị phần của VietinBank về tổng tài sản, dư nợ cho vay và tiền gửi của khách hàng so với toàn ngành ngân hàng lần lượt là 10,18%; 11,18% và 9,88%.

8.5. Các dự án phát triển HĐKD

Thông tin về các dự án lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, đánh giá ảnh hưởng tới tình hình HĐKD của Tổ Chức Phát Hành như sau:

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới HĐKD của VietinBank
Quản trị rủi ro (QLRR)	Dự án Khung QLRR tích hợp và Khẩu vị Rủi ro.	Giúp cho VietinBank xây dựng Khung QLRR tích hợp và nguyên tắc xây dựng KVRN phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng thời quản lý và ngăn ngừa các loại rủi ro trọng yếu mà VietinBank có thể gặp phải.
	Dự án hệ thống phòng chống rửa tiền - Giai đoạn 2.	Giúp cho VietinBank phát hiện và ngăn chặn rủi ro giao dịch cấm vận và khách hàng đen của tổ chức

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới HĐQT của VietinBank
		quốc tế cũng như NHNN.
CNTT	Triển khai phân tích dữ liệu lớn-big data, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, máy học vào các bài toán kinh doanh	Việc ứng dụng công nghệ mới nhằm giúp cho VietinBank đáp ứng nhanh và kịp thời các yêu cầu về quản trị rủi ro, thúc đẩy bán.
	Triển khai sản phẩm sinh trắc học và kiosk thông minh tại các Chi nhánh, phòng giao dịch	Nhằm hiện đại hoá kênh quầy giao dịch với các tính năng tự nhận diện khách hàng, xử lý thông tin trước giao dịch và tăng cường trải nghiệm khách hàng
	Triển khai dự án tự động hoá quy trình Robostic	Tự động hoá quy trình vận hành tác nghiệp nhằm tăng NSLĐ, giảm thiểu rủi ro tác nghiệp vận hành
	Triển khai dự án hoá đơn điện tử	Cung cấp dịch vụ hoá đơn điện tử đáp ứng yêu cầu của cơ quan nhà nước
	Dự án Thay đổi giao diện và nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ NHĐT cho KHDN	Tăng cường tính năng tiện ích Ngân hàng điện tử phục vụ KHDN
	Triển khai cập nhật liên tục ứng dụng VietinBank iPay Mobile	Giúp nâng cao trải nghiệm KHCN và đáp ứng tối đa nhu cầu của KH
	Nghiên cứu triển khai hạ tầng điện toán đám mây cho các ứng dụng của VietinBank	Tăng cường khả năng vận hành sẵn sàng cung cấp dịch vụ NHĐT, website, phân tích dữ liệu lớn...
	Nâng cấp tái cấu trúc hệ thống quản trị người dùng Active Directory	Nâng cao hiệu năng, tăng cường quản trị vận hành hạ tầng CNTT
	Triển khai hệ thống quản lý bảo mật theo chuẩn ISO 27001:2013	Nhằm xây dựng hệ thống, ban hành bộ chính sách quy trình về quản lý tài sản, quản lý rủi ro và an toàn thông tin, triển khai áp dụng cho hệ thống ngân hàng điện tử và một số hoạt động phát triển, bảo trì và vận hành phần mềm nghiệp vụ tại VietinBank đáp ứng theo chuẩn ISO 27001:2013
Quản trị nguồn nhân lực	Dự án Cấu trúc lại hệ thống cấp bậc công việc của VietinBank	Thực hiện rà soát cấu trúc lại toàn bộ hệ thống, cấp bậc công việc của VietinBank, giúp thực hiện đồng bộ với hệ thống đãi ngộ và xác định lộ trình công danh theo từng vị trí
	Dự án sửa đổi quy chế tiền lương và quy định chế độ phúc lợi cho người lao động	Việc sửa đổi quy chế tiền lương là để phù hợp với quy định mới của nhà nước, xây dựng cơ chế tiền lương thúc đẩy bán (lương SI) và bảo đảm các chế độ phúc lợi cho người lao động
	Dự án nâng cấp/ thay thế hệ thống quản trị nguồn nhân lực Peoplesoft	Triển khai mua sắm/lựa chọn nhà cung cấp để nâng cấp/ thay thế hệ thống quản trị nguồn nhân lực Peoplesoft hiện tại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị nguồn nhân lực
Phát triển sản phẩm mới, lĩnh vực kinh doanh mới	Dự án xây dựng và triển khai hệ thống chăm sóc khách hàng Loyalty (Dự án Loyalty).	Hệ thống Quản lý Loyalty là hệ thống xây dựng và quản lý các chương trình ưu đãi/chăm sóc tập trung dành cho KHCN của VietinBank; nâng cao giá trị gia tăng dành cho khách hàng, tăng cường các mối quan hệ bền vững giữa ngân hàng với khách hàng, trên cơ sở đó thúc đẩy hiệu quả kinh doanh các SPDV bán lẻ nói riêng và của ngân hàng nói chung.

8.6. Chiến lược kinh doanh

Năm 2021 là năm đầu tiên VietinBank thực hiện Kế hoạch kinh doanh trung hạn 2021-2023 nằm trong Chiến lược phát triển 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Tầm nhìn đến năm 2045 và là năm đầu tiên Vietinbank áp dụng toàn diện chuẩn mực Basel II, từ đó đặt là những yêu cầu rất mới và rất cao về tiêu chuẩn và kết quả trong hoạt động của VietinBank.

❖ **Tầm nhìn:** trở thành Ngân hàng đa năng, hiện đại, hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam, đến năm 2030 thuộc Top 20 ngân hàng mạnh nhất Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; Đến năm 2045 là ngân hàng mạnh nhất và uy tín nhất Việt Nam, hàng đầu Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và uy tín cao trên thế giới.

❖ **Sứ mệnh:** Là ngân hàng tiên phong trong phát triển đất nước trên cơ sở mang lại giá trị tối ưu cho khách hàng, cổ đông và người lao động.

❖ **Giá trị cốt lõi**

(i) **Khách hàng là trung tâm:** Lấy nhu cầu của khách hàng là mục tiêu phục vụ của Ngân hàng. Lắng nghe tiếng nói của khách hàng và chia sẻ với các bên liên quan để đưa ra giải pháp/ tư vấn, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đồng thời, đảm bảo an toàn cho khách hàng nội bộ, khách hàng bên ngoài.

(ii) **Đổi mới sáng tạo:** Luôn thể hiện sự sáng tạo trong mọi hoạt động; liên tục đổi mới có sự kế thừa để tạo ra những giá trị tốt nhất cho hệ thống, khách hàng và đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

(iii) **Chính trực:** VietinBank luôn nhất quán trong suy nghĩ và hành động đảm bảo sự tuân thủ, kỷ luật, kỷ cương, trung thực, minh bạch và giữ vững đạo đức nghề nghiệp.

(iv) **Tôn trọng:** Thể hiện thái độ và hành động lắng nghe, chia sẻ, quan tâm, ghi nhận đối với khách hàng, đối tác, cổ đông, lãnh đạo, đồng nghiệp và tôn trọng bản thân.

(v) **Trách nhiệm:** Thể hiện tinh thần, thái độ và hành động của toàn hệ thống, của từng bộ phận, từng cán bộ VietinBank có trách nhiệm cao đối với khách hàng, đối tác, cổ đông, lãnh đạo, đồng nghiệp và cho chính thương hiệu của VietinBank. Thực hiện tốt trách nhiệm VietinBank với cộng đồng, xã hội là trách nhiệm, vai trò, vinh dự, và tự hào của VietinBank.

❖ **Triết lý kinh doanh**

- An toàn, hiệu quả và bền vững;
- Trung thành, tận tụy, đoàn kết, đổi mới, trí tuệ, kỷ cương;
- Sự thành công của khách hàng là sự thành công của VietinBank.

❖ **Nguồn vốn và nguồn lực**

Để thực hiện chiến lược đặt ra, VietinBank tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng cường năng lực nguồn vốn và các nguồn lực khác bao gồm nguồn nhân lực, năng lực vận hành và năng lực CNTT. Cụ thể:

- **Đối với năng lực nguồn vốn,** VietinBank thực hiện tăng vốn cấp 1 thông qua việc trình các cơ quan có thẩm quyền cho phép VietinBank (1) Giữ lại lợi nhuận/Chia cổ tức bằng cổ phiếu (2) Tăng vốn điều lệ từ vốn góp bổ sung. Ngoài ra VietinBank tiếp tục triển khai các giải pháp khác để tăng cường năng lực vốn, bao gồm: (i) Phát hành trái phiếu thứ cấp; (ii) Thoái vốn công ty con, công ty liên kết (iii) Tái cơ cấu trái phiếu thứ cấp của TCTD khác thuộc danh mục đầu tư và (iv) Quản lý kiểm soát RWA chủ động thông qua giao chỉ tiêu hạn mức RWA, điều hành lãi suất theo rủi ro (RBP), triển khai định hướng tín dụng và thúc đẩy kinh doanh theo hướng giảm thiểu chi phí vốn tự có. Trong giai đoạn tới,

VietinBank đặt trọng tâm phần đầu nâng cao năng lực vốn thông qua xây dựng và triển khai kế hoạch vốn theo chuẩn mực Basel II, trong đó duy trì tỷ lệ an toàn vốn (CAR) mục tiêu theo quy định hiện hành.

- **Đối với nguồn lực nhân sự:** VietinBank xây dựng chiến lược nhân sự và hoàn thiện mô hình tổ chức nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực cả về số lượng và chất lượng để thực hiện chiến lược và mục tiêu kinh doanh của VietinBank, đảm bảo hiệu quả hoạt động, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành cũng như thông lệ quốc tế.
- **Đối với nguồn lực CNTT:** VietinBank thực hiện số hóa toàn diện hoạt động ngân hàng và ứng dụng tự động hóa, hợp tác cùng các công ty Fintech và công nghệ để cung cấp các sản phẩm tài chính công nghệ, nâng cao trải nghiệm khách hàng, phân tích dữ liệu lớn để tự động hóa các hoạt động giao dịch, vận hành, lưu trữ hồ sơ, kiểm kê, lập báo cáo phân tích/quản trị... qua đó tiết giảm chi phí, tăng tốc độ xử lý giao dịch/giải quyết vấn đề, nâng cao NSLD.

9. Thông tin về cổ đông lớn

Danh sách và thông tin về cổ đông lớn của VietinBank tại thời điểm ngày 21/09/2021:

Tên cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cổ đông Nhà nước)	MUFG Bank, Ltd. (Cổ đông chiến lược)
Năm thành lập	1951	1919
Số GCNĐKKD hoặc mã số giao dịch	15/SL	CA6217
Quốc tịch	Việt Nam	Nhật Bản
Địa chỉ trụ sở chính	49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	7-1, Marunouchi 2-Chome, Chiyoda-ku, Tokyo, 100-8388, Japan.
Vốn điều lệ/Vốn cổ phần	Không có (vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước)	1.746,41 triệu Yên Nhật (tại 31/12/2020)
Người đại diện theo pháp luật hoặc tương đương	Bà Nguyễn Thị Hồng Thống đốc NHNN Việt Nam	Ông Junichi Hanzawa President & CEO
Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ và có quyền biểu quyết của Cổ đông lớn tại VietinBank	3.097.932.535 cổ phần, tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 64,46% vốn điều lệ	948.150.205 cổ phần, tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 19,73% vốn điều lệ
Người đại diện phần vốn hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông lớn tại Vietinbank và Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ và có quyền biểu quyết của những người có liên quan tới Cổ đông lớn tại VietinBank	- Ông Trần Minh Bình, Chủ tịch HĐQT, đại diện 40% vốn Nhà nước tại VietinBank (số lượng là 1.239.173.013 cổ phần), tỷ lệ đại diện sở hữu và biểu quyết là 25,78%; - Ông Trần Văn Tấn, Thành viên HĐQT VietinBank, đại diện 30% vốn Nhà nước tại VietinBank (số	Ông Noriyuki Sato, Đồng Trưởng phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch tài chính tại VietinBank, đại diện 100% vốn của MUFG Bank Ltd tại VietinBank (số lượng là 948.150.205 cổ phần), tỷ lệ đại diện sở hữu và biểu quyết là 19,73%.

Tên cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cổ đông Nhà nước)	MUFG Bank, Ltd. (Cổ đông chiến lược)
	lượng là 929.379.761 cổ phần), tỷ lệ đại diện sở hữu và biểu quyết là 19,34%.	
Lợi ích liên quan đối với VietinBank	Không	Không

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú: NHNN là Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại VietinBank, hiện đang sở hữu 64,46% Vốn điều lệ của VietinBank, có thẩm quyền quyết định, lựa chọn và cử Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VietinBank. Theo đó, tính đến thời điểm ngày 21/09/2021, NHNN đang cử 02 người làm Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VietinBank, bao gồm: (i) Ông Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT (là Người đại diện vốn phụ trách chung tại VietinBank, đại diện 40% phần vốn Nhà nước theo Quyết định số 1492/QĐ-NHNN ngày 17/9/2021) và (ii) Ông Trần Văn Tấn – Thành viên HĐQT (đại diện 30% phần vốn Nhà nước theo Quyết định số 886/QĐ-NHNN ngày 22/4/2019). Đối với 30% phần vốn Nhà nước còn lại, tại thời điểm lập Bản cáo bạch này, NHNN chưa có quyết định lựa chọn và cử người làm đại diện cho phần vốn này.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

10. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán trưởng

Tại thời điểm ngày 07/09/2021, thông tin về HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng của VietinBank cụ thể như sau:

10.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1 Ông	Trần Minh Bình	- Chủ tịch HĐQT
2 Ông	Trần Văn Tấn	- Thành viên HĐQT
3 Bà	Trần Thu Huyền	- Thành viên HĐQT
4 Ông	Masahiko Oki	- Thành viên HĐQT
5 Ông	Masashige Nakazono	- Thành viên HĐQT
6 Bà	Phạm Thị Thanh Hoài	- Thành viên HĐQT
7 Ông	Nguyễn Thế Huân	- Thành viên HĐQT
8 Bà	Nguyễn Thị Bắc	- Thành viên độc lập HĐQT

10.1.1. Ông Trần Minh Bình - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Trần Minh Bình**

Ngày sinh: 07/12/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: C3446628, Ngày cấp 08/06/2017, Nơi cấp Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
05/2005 - 12/2007	Phó phòng Dịch vụ Thẻ	-
01/2008 - 07/2010	Giám đốc Trung tâm Thẻ	-
08/2010 - 12/2011	Trưởng Phòng Đầu tư	Thành viên HĐQT VietinBank Leasing
01/2012 - 05/2012	Giám đốc - VietinBank Chi nhánh Nguyễn Trãi	-
05/2012 - 09/2012	Phó Giám đốc - VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-
09/2012 - 12/2013	Giám đốc - VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-
12/2013 - 05/2014	Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường, kiêm Trưởng phòng Thị trường vốn	kiêm (i) Chủ tịch VietinBank Capital; (ii) Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào; (iii) Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Indovina

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
05/2014 – 01/2015	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường	kiêm (i) Chủ tịch VietinBank Capital; (ii) Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào; (iii) Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Indovina
01/2015 – 06/2016	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường	kiêm (i) Chủ tịch VietinBank Capital; (ii) Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
06/2016 - 01/2017	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường	kiêm Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
01/2017 - 08/08/2018	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường, kiêm Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng	kiêm Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
09/08/2018 – 30/10/2018	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng	kiêm Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào
31/10/2018 - 07/12/2018	Thành viên HĐQT, kiêm Quyền Tổng Giám đốc	-
08/12/2018 – 06/09/2021	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc	-
07/09/2021 đến nay	Chủ tịch HĐQT	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 3.104 cổ phiếu, chiếm 0,000065% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu cho NHNN: 929.379.761 cổ phiếu, chiếm 19,34% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của ĐHCĐ; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.1.2. Ông Trần Văn Tấn – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Trần Văn Tấn**
 Ngày sinh: 02/11/1968
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 035068000005, Ngày cấp 08/02/2013, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư.
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
12/1998 - 01/2001	-	Phó Phòng Thị trường và bảo lãnh, Vụ Tín dụng, NHNN
02/2001 - 04/2008	-	Trưởng Phòng Thị trường và bảo lãnh, Vụ Tín dụng, NHNN
05/2008 - 10/2013	-	Trưởng Phòng Tín dụng, Vụ Tín dụng, NHNN
11/2013 - 03/2017	-	Trưởng Phòng Tín dụng ngành nông nghiệp, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN
04/2017 - 04/2019	-	Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN
23/04/2019 – 04/07/2021	Thành viên HĐQT	-
05/07/2021 – 06/09/2021	Thành viên phụ trách HĐQT	-
07/09/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có

- Đại diện sở hữu cho NHNN: 929.379.761 cổ phiếu, chiếm 19,34% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.1.3. Bà Trần Thu Huyền - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Trần Thu Huyền**

Ngày sinh: 20/11/1977

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: C6107888, Ngày cấp 04/10/2018, Nơi cấp Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
01/2010 - 03/2012	Phó Phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo	-

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
03/2012 - 07/2014	Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo	-
24/7/2014 - 01/4/2015	Thành viên HĐQT	-
01/4/2015 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Khối Nhân sự	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 51.844 cổ phiếu, chiếm 0,0010788% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu cho NHNN: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Trần Tiến Duy (Em trai): 3.326 cổ phiếu, chiếm 0,0000692% vốn điều lệ.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thủ lao được nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.1.4. Ông Masahiko Oki - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Masahiko Oki**

Ngày sinh: 02/08/1971

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: TR5836522, Ngày cấp 11/03/2016, Nơi cấp Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kinh doanh và Thương mại, Đại học Keio, Tokyo, Nhật Bản

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
04/2001 - 12/2001	-	Trưởng phòng, Bộ phận Ngân hàng doanh nghiệp Tokyo, Ngân hàng The Sanwa Bank, Ltd., Nhật Bản
01/2002 - 12/2005	-	Trưởng phòng, Bộ phận Ngân hàng doanh nghiệp Tokyo, Ngân hàng UFJ Bank, Ltd., Nhật Bản
01/2006 - 10/2006	-	Trưởng phòng, Bộ phận Ngân hàng doanh nghiệp Tokyo, Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. ("BTMU"), Nhật Bản.
10/2006 - 04/2011	-	Giám đốc, Bộ phận Ngân hàng doanh nghiệp Nhật Bản, BTMU Chi nhánh New York, Mỹ

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
05/2011 - 05/2012	-	Trưởng phòng cao cấp, Bộ phận Kế hoạch doanh nghiệp, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
05/2012 - 03/2016	-	Trưởng phòng, Bộ phận Phát triển kinh doanh ngân hàng bán lẻ, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
03/2016 - 03/2018	-	Cán bộ điều hành, Trưởng Văn phòng Chiến lược ngân hàng bán lẻ, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
04/2018 - 06/2018	-	Cán bộ điều hành, Trưởng Văn phòng Chiến lược ngân hàng bán lẻ Châu Á, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản (trước đây là BTMU)
07/2018 - 22/05/2020	-	Cán bộ điều hành & Phó trưởng Bộ phận Kế hoạch ngân hàng thương mại toàn cầu, MUFG Bank Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
23/05/2020 - 25/05/2020	Thành viên HĐQT	-
26/05/2020 - Nay	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu cho MUFG: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.1.5. Ông Masashige Nakazono - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Masashige Nakazono**
 Ngày sinh: 07/05/1975
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: TS2318688, Ngày cấp 19/12/2018, Nơi cấp Bộ Ngoại giao Nhật Bản.
 Quốc tịch: Nhật Bản
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân, chuyên ngành Luật, Trường Đại học Tokyo, Nhật Bản; Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Trường Wharton thuộc Trường Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ.
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
07/2005 - 06/2006	-	Trưởng Phòng, Bộ phận Phát triển Sản phẩm Tài chính, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
07/2008 - 01/2013	-	Phó Phòng, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư dành cho Châu Mỹ, Nhóm Chứng khoán hóa, BTMU, Chi nhánh New York, Mỹ.
02/2013 - 06/2014	-	Giám đốc, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư dành cho Châu Mỹ, Nhóm Chứng khoán hóa, BTMU, Chi nhánh New York, Mỹ.
07/2014 - 03/2018	-	Giám đốc, Bộ phận Kế hoạch Toàn cầu, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
04/2018 - 06/2018	-	Giám đốc, Bộ phận Kế hoạch Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản (trước đây là BTMU - The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd.)
07/2018 - 02/2019	-	Giám đốc Điều hành, Trưởng phòng Kế hoạch Toàn cầu, Bộ phận Kế hoạch Doanh nghiệp, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
02/2019 - 03/2021	-	Giám đốc Điều hành, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Chi nhánh Singapore
03/2021 - 15/04/2021	-	Giám đốc Điều hành, Phòng Kế hoạch Chiến lược, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
16/04/2021 - Nay	Thành viên HĐQT	Giám đốc Điều hành, Phòng Kế hoạch Chiến lược, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu cho MUFG: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của ĐHCĐ.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.1.6. Bà Phạm Thị Thanh Hoài - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Phạm Thị Thanh Hoài**

Ngày sinh: 29/10/1978
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019178000338, Ngày cấp 21/09/2017, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
11/2008 - 10/2009	Phó Phòng Chế độ Tín dụng, Đầu tư	-
10/2009 - 04/2010	Phó Phòng Đầu tư	-
04/2010 - 08/2010	Phó phụ trách Phòng Đầu tư	-
08/2010 - 01/2012	Phó Phòng Đầu tư	-
01/2012 - 03/2013	Phó phụ trách Phòng Đầu tư	-
04/2013 - 04/2014	Trưởng Phòng Kinh doanh vốn	-
05/2014 - 05/2016	Trưởng Phòng Kinh doanh vốn - Khối Kinh doanh vốn và thị trường	Chủ tịch HĐQT VietinBank Leasing
05/2016 - 04/2019	Trưởng Phòng KHDN FDI và Nguồn vốn quốc tế - Khối KHDN	Chủ tịch HĐQT VietinBank Leasing
23/04/2019 - Nay	Thành viên HĐQT	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 118 cổ phiếu, chiếm 0,000002% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.1.7. Ông Nguyễn Thế Huân - Thành viên HĐQT

Họ và tên: Nguyễn Thế Huân
 Ngày sinh: 19/12/1974
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019074000322, Ngày cấp 25/12/2018, Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành: Luật, Ngôn ngữ, Kinh tế.
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
09/2004 - 02/2006	Phó Trưởng Phòng, Phòng KHDN lớn, VietinBank Chi nhánh Ba Đình	-
03/2006 - 11/2008	Trưởng Phòng, Phòng KHDN vừa & nhỏ, VietinBank Chi nhánh Ba Đình	-
12/2008 - 08/2009	Phó phòng, Phòng Xây dựng & Quản lý ISO	-
09/2009 - 03/2010	Phó Phòng, Phòng KHCN	-
04/2010 - 06/2011	Phó giám đốc, VietinBank Chi nhánh Bắc Giang	-
07/2011 - 03/2012	Phó trưởng Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ	-
04/2012 - 03/2013	Phó Phòng, Phòng Kiểm toán tuân thủ	-
04/2013 - 03/2015	Phó Phòng, Phòng Kiểm toán nội bộ	-
04/2015 - 22/04/2019	Trưởng Ban Kiểm soát	-
23/04/2019 - Nay	Thành viên HĐQT	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của ĐHDCĐ.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.1.8. Bà Nguyễn Thị Bắc - Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Thị Bắc**
 Ngày sinh: 12/10/1953
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 011162891, Ngày cấp 19/07/2007, Nơi cấp Công an Hà Nội
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Luật
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
1978 - 1980	-	Giảng viên, Khoa Luật, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội
1980 - 1984	-	Cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
1984 - 1988	-	Kiểm sát viên trung cấp Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
1989 - 1992	-	Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân tối cao
1992 - 1994	-	Phó vụ trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao
1994 - 2002	-	Vụ trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
07/2002 - 07/2007	-	Phó chủ nhiệm Ủy ban pháp luật, Đại biểu Quốc hội khóa XI
08/2007 - 11/2008	-	Chuyên viên cao cấp Văn phòng Quốc hội
01/2009 - 02/2012	-	Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội
02/2012 - 07/2014	Thành viên HĐQT độc lập	Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội
06/2019 - 22/05/2020	-	Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Ngân hàng TNHH Indovina; kiêm Luật sư Đoàn luật sư TP Hà Nội
23/05/2020 - Nay	Thành viên HĐQT độc lập	Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thủ lao được nhận theo quyết định của ĐHCĐ.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.2. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1. Bà	Lê Anh Hà	- Trưởng Ban Kiểm soát
2. Bà	Nguyễn Thị Anh Thư	- Thành viên
3. Ông	Nguyễn Mạnh Toàn	- Thành viên
4. Bà	Phạm Thị Thơm	- Thành viên

10.2.1. Bà Lê Anh Hà - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: Lê Anh Hà

Ngày sinh: 02/11/1973

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001173018920, Ngày cấp 21/01/2019, Nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
11/2003 - 03/2005	Phó Phòng Quản lý tín dụng	-
03/2005 - 02/2006	Trưởng Phòng Quản lý và khai thác nguồn vốn	-
03/2006 - 10/2009	Trưởng Phòng Quản lý rủi ro tín dụng, đầu tư	-
10/2009 - 12/2011	Trưởng Phòng KHCN	-
01/2012 - 07/2013	Phó Giám đốc Trường ĐT&PTNNL VietinBank	-
07/2013 - 06/2014	Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Khối Quản lý rủi ro	-
07/2014 - 04/2019	Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro kiêm Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ	-
31/12/2014 - 22/04/2019	Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, kiêm Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ và kiêm Trưởng Văn phòng Quản lý dự án triển khai Basel II (BMO)	-
23/04/2019 - Nay	Trưởng Ban Kiểm soát	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 4.006 cổ phiếu, chiếm 0,000083% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thủ lao được nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.2.2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Thị Anh Thư

Ngày sinh: 24/05/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001176003755, Ngày cấp 03/03/2015, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành: Ngân hàng; Tiếng Anh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
01/2004 - 05/2005	Phó Phòng Tổng hợp - Tiếp thị, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	-
06/2005 - 09/2006	Trưởng Phòng Tổng hợp - Tiếp thị, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	-
10/2006 - 12/2006	Trưởng Phòng Quản lý rủi ro, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	-
01/2007 - 05/2012	Trưởng Phòng KHDN lớn, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	-
05/2012 - 12/2012	Phó Phòng Kiểm toán tuân thủ	-
01/2013 - 06/2014	Phó Phòng Kiểm soát giải ngân	-
07/2014 - 01/2015	Phó Phòng Phê duyệt tín dụng	-
02/2015 - 07/2015	Phó Phòng Quản lý rủi ro tín dụng, Khối Quản lý rủi ro	-
08/2015 - 04/2019	Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ	-
23/04/2019 - Nay	Thành viên Ban kiểm soát	

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 1.337 cổ phiếu, chiếm 0,000028% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.2.3. Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Mạnh Toàn**

Ngày sinh: 26/03/1966

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 031066000006, Ngày cấp 21/03/2014, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Luật Hình sự, tội phạm học

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
11/1989 – 01/1992	-	Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát Kiến Thụy, Hải Phòng

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
02/1992 – 06/1998	-	Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát Hải Phòng
07/1998 - 12/2009	-	Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
03/2010 - 07/2010	-	Trưởng phòng Tư vấn Tranh tụng Công ty Luật SMIC
08/2010 - 12/2011	Phó phụ trách Phòng Pháp chế	-
01/2012 - 11/2018	Trưởng Phòng Pháp chế	-
12/2018 - 04/2019	Trưởng Phòng Pháp chế, Khối Pháp chế và Tuân Thủ	-
23/04/20019 - Nay	Thành viên Ban kiểm soát	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của ĐHDCĐ.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.2.4. Bà Phạm Thị Thơm – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: **Phạm Thị Thơm**
 Ngày sinh: 05/02/1969
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037169000304, Ngày cấp 05/05/2016, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
10/2001 - 09/2003	-	Phó phòng Kế toán, Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hà Nội
10/2003 - 12/2005	-	Trưởng phòng Kế toán, Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hà Nội
01/2006 - 10/2006	-	Chuyên viên phòng Chế độ, Vụ Kế toán - Tài chính, NHNN

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
11/2006 - 12/2008	-	Phó phòng Chế độ, Vụ Kế toán - Tài chính, NHNN
01/2009 - 06/2009	-	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính - Kế toán, NHNN
06/2009 - 22/04/2019	Thành viên Ban Kiểm soát	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính - Kế toán, NHNN
23/04/2019 - 15/4/2021	-	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính - Kế toán, NHNN
16/4/2021 - Nay	Thành viên Ban Kiểm soát	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Phạm Thúc Tâm (Anh trai): 12 cổ phiếu, chiếm 0,00000025% vốn điều lệ.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thủ lao được nhận theo quyết định của ĐHCĐ; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.3. Ban Điều hành và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức danh
1. Ông	Nguyễn Hoàng Dũng	- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành
2. Ông	Masahiko Oki	- Phó Tổng Giám đốc
3. Ông	Nguyễn Đức Thành	- Phó Tổng Giám đốc
4. Ông	Trần Công Quỳnh Lân	- Phó Tổng Giám đốc
5. Ông	Nguyễn Đình Vinh	- Phó Tổng Giám đốc
6. Bà	Lê Như Hoa	- Phó Tổng Giám đốc
7. Bà	Nguyễn Hồng Vân	- Phó Tổng Giám đốc
8. Ông	Nguyễn Hải Hưng	- Kế toán trưởng

10.3.1. Ông Nguyễn Hoàng Dũng - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Dũng

Ngày sinh: 10/11/1962

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 025261199, Ngày cấp 14/02/2014, Nơi cấp Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
10/1998 – 02/1991	Tổ phó Tổ tín dụng, VietinBank Chi nhánh Tỉnh Minh Hải	
03/1991 - 09/1992	Phó trưởng phòng Kiểm soát, VietinBank Chi nhánh Tỉnh Minh Hải	-
10/1992 – 07/1993	Trợ lý Giám đốc, VietinBank Chi nhánh Tỉnh Minh Hải	
08/1993 - 12/1996	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, VietinBank Chi nhánh Tỉnh Minh Hải	-
01/1997 - 10/1998	Trưởng phòng Kinh doanh, VietinBank Chi nhánh Cà Mau	-
11/1998 - 12/2004	Trưởng Phòng Giao dịch Cà Mau, VietinBank Chi nhánh Cà Mau	-
01/2005 - 10/2007	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Cà Mau	-
11/2007 - 01/2010	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Cà Mau	-
02/2010 - 14/3/2011	Cán bộ quản lý cấp cao VietinBank	-
15/3/2011 – 06/09/2021	Phó Tổng Giám đốc	-
07/09/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 1.321 cổ phiếu, chiếm 0,000027% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Nguyễn Trần Hòa Bình (Em trai): 14 cổ phiếu, chiếm 0,0000003% vốn điều lệ.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của HĐQT; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.3.2. Ông Masahiko Oki - Phó Tổng Giám đốc (đã được trình bày tại Mục 10.1.4 ở trên)

10.3.3. Ông Nguyễn Đức Thành - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Đức Thành

Ngày sinh: 08/09/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 011070000015, Ngày cấp 28/06/2019, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
08/2002 - 04/2007	-	Phó Vụ trưởng - Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương)
04/2007 - 08/2007	-	Phó Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh kiêm Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương)
08/2007 - 01/2010	-	Phó Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh - Bộ Công Thương
02/2010 - 08/2012	Trưởng Phòng Định chế tài chính	-
08/2012 - 03/2014	Phó Tổng giám đốc	kiêm (i) Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Bảo hiểm nhân thọ VietinBank - Aviva, (ii) Chủ tịch HĐQT Công ty Chuyển tiền toàn cầu Ngân hàng Công thương Việt Nam
03/2014 - 14/07/2018	Phó Tổng giám đốc, kiêm đồng Giám đốc Chi nhánh VietinBank tại Đức	-
15/7/2018 - 08/8/2018	Phó Tổng Giám đốc	-
8/8/2018 - 16/12/2018	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường	-
17/12/2018 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường	kiêm Chủ tịch HĐQT VietinBank Lào

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Hoàng Việt Phương (Vợ): 7 cổ phiếu, chiếm 0,00000015% vốn điều lệ.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của HĐQT; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.3.4. Ông Trần Công Quỳnh Lâm - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Trần Công Quỳnh Lân**
 Ngày sinh: 16/01/1979
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 290691924, Ngày cấp 02/12/2014, Nơi cấp Công an Tây Ninh
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành CNTT
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
04/2003 - 04/2005	-	Trợ lý giám đốc, Ngân hàng OCBC Singapore
04/2005 - 04/2008	-	Trợ lý Phó Chủ tịch, Ngân hàng OCBC Singapore
04/2008 - 04/2012	-	Phó Chủ tịch (Vice President) CNTT, Ngân hàng bán lẻ (Quản lý kênh phân phối điện tử và đầu tư), Ngân hàng OCBC Singapore
05/2012 - 03/2015	Giám đốc Trung tâm CNTT	-
03/2015 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm CNTT	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Trần Nguyễn Thùy Dương (Em dâu): 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,000042% vốn điều lệ.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của HĐQT; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.3.5. Ông Nguyễn Đình Vinh - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Đình Vinh**
 Ngày sinh: 30/09/1980
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 040080000057, Ngày cấp 26/03/2014, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
12/2009 - 06/2010	Phó phòng KHDN lớn	-
06/2010 - 11/2011	Phó phụ trách Phòng KHDN lớn	-
11/2011 - 07/2012	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Quang Trung	-
07/2012 - 10/2013	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Hải Dương	-
10/2013 - 06/2014	Trưởng phòng Quản lý Nợ có vấn đề, Khối Quản lý rủi ro	-
07/2014 - 07/2015	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-
31/07/2015 - 14/11/2018	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối KHDN	Chủ tịch HĐQT Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank
15/11/2018 - 03/09/2019	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Chủ tịch HĐQT Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank
03/09/2019 - Nay	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro và kiêm Trưởng Văn phòng Quản lý dự án triển khai Basel II (BMO)	Chủ tịch HĐQT Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của HĐQT.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.3.6. Bà Lê Như Hoa - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Lê Như Hoa**
 Ngày sinh: 23/11/1969
 Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 026169001195, Ngày cấp 23/05/2017, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính và Kinh doanh quốc tế
 Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
07/1995 – 12/1996	Kiểm soát viên, VietinBank - Chi nhánh Phúc Yên	-
01/1997 - 05/1997	Phó phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	-
06/1997 - 09/2002	Phó phụ trách Phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	-
10/2002 - 02/2005	Phó phòng Kinh doanh, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	-
03/2005 - 03/2010	Trưởng phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	-
03/2010 - 06/2011	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-
06/2011 - 07/2014	Phó Giám đốc VietinBank Thành phố Hà Nội	-
07/2014 - 08/2016	Trưởng phòng Quản lý kế toán tài chính	-
08/2016 – 07/2019	Phó Tổng Giám đốc	-
07/2019 – Nay	Phó Tổng Giám đốc	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 35.741 cổ phiếu, chiếm 0,000744% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: (i) Lê Xuân Sơn (Bố ruột): 365 cổ phiếu, chiếm 0,0000076% vốn điều lệ, (ii) Lê Thanh Mai (Chị gái): 22.210 cổ phiếu, chiếm 0,000462% vốn điều lệ.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của HĐQT; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.3.7. Bà Nguyễn Hồng Vân - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Hồng Vân

Ngày sinh: 11/12/1969

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 011567149, Ngày cấp 15/03/2008, Nơi cấp Công an Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
06/1995 - 10/1997	Phó Phòng Kế hoạch Tổng hợp	-
10/1997 - 03/2003	Phó Phòng Cân đối Tổng hợp	-
03/2003 - 02/2006	Trưởng Phòng Cân đối Tổng hợp	-
02/2006 - 08/2008	Trưởng Phòng Kế hoạch & Hỗ trợ ALCO	-
09/2008 - 06/2009	Thành viên HĐQT	-
07/2009 - 14/12/2009	Thành viên HĐQT	kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bảo hiểm VietinBank
15/12/2009 – 27/11/2017	Thành viên HĐQT	kiêm (i) Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bảo hiểm VietinBank; (ii) Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank
27/11/2017 – 12/2018	Thành viên HĐQT	kiêm (i) Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm VietinBank; (ii) Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank
17/12/2018 – 06/2019	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Tài chính	kiêm (i) Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm VietinBank; (ii) Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank
06/2019 - Nay	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Tài chính	Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm VietinBank

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- *Sở hữu cá nhân: 5.227 cổ phiếu, chiếm 0,000109% vốn điều lệ.*

- *Đại diện sở hữu: Không có.*

- *Sở hữu của người có liên quan: Không có.*

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thủ lao được nhận theo quyết định của HĐQT; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

10.3.8. Ông Nguyễn Hải Hưng - Kế toán trưởng

Họ và tên: **Nguyễn Hải Hưng**

Ngày sinh: 13/12/1972

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 034072005082, Ngày cấp 24/05/2017, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
4/2007 – 5/2008	Phó Phòng Kế toán Thanh toán VND	-
6/2008 – 9/2009	Phó phụ trách Phòng Kế toán Thanh toán VND	-
10/2009 – 5/2011	Trưởng Phòng Kế toán Thanh toán VND	-
6/2011 - Nay	Kế toán trưởng	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/08/2021), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 24.894 cổ phiếu, chiếm 0,000518% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: Trần Thanh Phương (Vợ): 3.697 cổ phiếu, chiếm 0,000077% vốn điều lệ.

Lợi ích liên quan đối với VietinBank: Thù lao được nhận theo quyết định của HĐQT; Cổ tức được nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

11. Chính sách trả cổ tức

Theo Điều lệ của VietinBank, chính sách phân phối lợi nhuận và trả cổ tức như sau:

- Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của VietinBank được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ, phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cổ tức được chia theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề nghị của HĐQT. VietinBank chỉ trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ VietinBank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ và pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VietinBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

Tình hình trả cổ tức của VietinBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

✓ **Chia cổ tức năm 2020:**

Theo Nghị quyết số 23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021, ĐHĐCĐ Vietinbank đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và đang trình NHNN phê duyệt Phương án chia cổ tức năm 2020:

- **Phương án 1:** Nếu tại thời điểm chia cổ tức, VietinBank chưa hoàn thành việc tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST, trích lập quỹ các năm 2017, 2018 và phần LNST còn lại, sau trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt của năm 2019, thì:
 - + Chia cổ tức bằng tiền mặt (tỷ lệ 5% vốn điều lệ): 1.861.702.278.000 đồng;
 - + Chia cổ tức bằng cổ phiếu: toàn bộ LNST còn lại, sau trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2020, tỷ lệ 17,7751%: 6.618.388.830.000 đồng;
- **Phương án 2:** Nếu tại thời điểm chia cổ tức, VietinBank đã hoàn thành việc tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST, trích lập quỹ các năm 2017, 2018 và phần LNST còn lại, sau trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt của năm 2019, thì:
 - + Chia cổ tức bằng tiền mặt (tỷ lệ 5% vốn điều lệ): 2.402.889.821.500 đồng;
 - + Chia cổ tức bằng cổ phiếu: toàn bộ LNST còn lại, sau trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2020, tỷ lệ 12,6456%: 6.077.196.700.000 đồng;

Ngày 08/07/2021, VietinBank đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho các năm 2017, 2018 và 2019 từ 37.234.045.560.000 đồng lên 48.057.506.090.000 đồng. Như vậy, VietinBank dự kiến sẽ thực hiện trả cổ tức năm 2020 theo Phương án 2 nói trên (*bao gồm cổ tức bằng tiền mặt là 5% và cổ tức bằng cổ phiếu là 12,6456%*), trên cơ sở phê duyệt của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là NHNN.

✓ **Chia cổ tức năm 2019:**

- Tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là: 5% vốn điều lệ, tương đương 1.862 tỷ đồng. VietinBank đã trả cổ tức bằng tiền mặt vào ngày 30/12/2020;
- Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu là: Ngày 08/07/2021, VietinBank đã kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho các năm 2017, 2018 và 2019, với tỷ lệ là 29,0695%. Theo phương án phát hành, tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019 là 10,4376%, tương đương 388.633.556 cổ phiếu (tính theo tổng số cổ phiếu trước khi phát hành).

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Các trái phiếu do VietinBank phát hành trong 03 năm liên tục (từ năm 2018 đến năm 2020) và đến thời điểm hiện tại đều đã được VietinBank thanh toán đầy đủ và đúng hạn trả gốc và lãi trái phiếu; bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và các điều khoản, điều kiện của các trái phiếu.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn

Tính đến hết 30/06/2021, tổng số dư trái phiếu do VietinBank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 31.059,32 tỷ đồng (tính theo mệnh giá). Trong đó:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 21.094,32 tỷ đồng, chiếm 67,92% tổng số dư trái phiếu đã phát hành;
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 9.965 tỷ đồng, chiếm 32,08% tổng số dư trái phiếu đã phát hành.

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, VietinBank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

13.2. Những cam kết nhưng chưa thực hiện khác

Các nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết đưa ra tại thời điểm 30/06/2021 của VietinBank như sau:

Khoản mục <i>Đơn vị: Tỷ đồng</i>	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	86.565	106.298	115.885	86.477	106.270	115.778
- Cam kết bảo lãnh vay vốn	526	7.995	8.216	526	7.995	8.216
- Cam kết trong nghiệp vụ L/C	34.488	48.283	54.377	34.469	48.283	54.377
- Cam kết bảo lãnh khác	51.551	50.019	53.292	51.482	49.991	53.185
Các cam kết đưa ra	210.984	355.781	631.423	210.984	355.781	631.400
- Cam kết giao dịch hối đoái	190.185	303.102	546.903	190.185	303.102	546.903
- Các cam kết khác	20.799	52.679	84.520	20.799	52.679	84.497
Tổng cộng	297.549	462.079	747.308	297.461	462.051	747.178

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất và riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến HĐKD, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Ngoài các thông tin về nghĩa vụ tiềm ẩn đã nêu tại Mục IV.13.2 ở trên, theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có phát sinh vụ việc tranh chấp, kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến HĐKD, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán và dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh (HĐKD)

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về HĐKD của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

1.1.1. Các chỉ tiêu về kết quả HĐKD

Kết quả HĐKD Hợp nhất

Chỉ tiêu Hợp nhất (Tỷ đồng)	Năm 2019	Năm 2020	%tăng/giảm 2020 so với 2019	6 tháng đầu năm 2021
Tổng tài sản	1.240.711	1.341.436	8,1%	1.473.014
VCSH	77.355	85.411	10,4%	93.247
Thu nhập lãi thuần	33.199	35.581	7,2%	21.521
Tổng thu nhập hoạt động	40.519	45.317	11,8%	27.006
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	24.785	29.232	17,9%	19.307
LNTT	11.781	17.085	45,0%	10.850
LNST	9.477	13.757	45,2%	8.768
Tỷ lệ chia cổ tức Công ty mẹ (*):				
- Tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt	5%	5%	0%	-
- Tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu	10,4376%	12,6456%	2,208%	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Kết quả HĐKD Công ty mẹ

Chỉ tiêu riêng (Tỷ đồng)	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm 2020 so với 2019	6 tháng đầu năm 2021
Tổng tài sản	1.228.542	1.327.921	8,1%	1.457.990
VCSH	74.307	82.113	10,5%	90.012
Thu nhập lãi thuần	32.648	34.852	6,8%	21.090
Tổng thu nhập hoạt động	39.123	43.603	11,5%	26.602
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	24.389	28.475	16,8%	19.192
LNTT	11.461	16.449	43,5%	10.805
LNST	9.283	13.256	42,8%	8.781
Tỷ lệ chia cổ tức Công ty mẹ (*)				
- Tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt	5%	5%	0%	-
- Tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu	10,4376%	12,6456%	2,208%	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

(*) Ghi chú: Tỷ lệ chia cổ tức Công ty mẹ năm 2020 là Phương án chia cổ tức dự kiến và hiện đang trình NHNN xem xét, phê duyệt.

Năm 2020, VietinBank đã hoàn thành xuất sắc toàn bộ các mục tiêu kinh doanh, với kết quả ấn tượng của một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất cơ bản như sau: Tổng tài sản của VietinBank đến 31/12/2020 đạt xấp xỉ 1.341,44 nghìn tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2019; Quy mô VCSH của VietinBank tăng 10,4%, từ 77.355 tỷ đồng cuối năm 2019 lên mức 85.411 tỷ đồng vào cuối năm 2020. Hiệu quả kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ. LNTT và LNST năm 2020 của VietinBank lần lượt đạt mức tăng trưởng cao là 45% và 45,2% so với năm 2019; tương ứng đạt 17.085 tỷ đồng và 13.757 tỷ đồng.

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2021, tổng tài sản hợp nhất của VietinBank tại thời điểm 30/06/2021 đạt hơn 1.473 nghìn tỷ đồng, tăng 9,8% so với thời điểm đầu năm 2021; VCSH đạt 93.247 tỷ đồng, tăng 9,2% so với thời điểm đầu năm 2021. LNTT và LNST hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021 của VietinBank đạt kết quả tích cực, lần lượt đạt 10.850 tỷ đồng và 8.768 tỷ đồng; tương ứng với mức tăng lần lượt là 45,4% và 45,8% so với cùng kỳ năm 2020.

1.1.2. Các chỉ tiêu khác

a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	3.121	3,8%	2.264	2,7%	720	1,7%
Thu nhập lãi cho vay KH	71.595	86,5%	73.400	87,7%	37.573	88,6%
Thu lãi từ chứng khoán nợ	6.510	7,9%	6.423	7,7%	3.088	7,3%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	646	0,8%	688	0,8%	534	1,3%
Thu nhập lãi cho thuê TC	271	0,3%	293	0,4%	167	0,4%
Thu khác từ HĐ tín dụng	600	0,7%	610	0,7%	333	0,8%
Tổng cộng	82.743	100%	83.678	100%	42.416	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	3.094	3,8%	2.247	2,7%	713	1,7%
Thu nhập lãi cho vay KH	71.111	86,9%	72.908	88,1%	37.277	89,1%
Thu lãi từ chứng khoán nợ	6.373	7,8%	6.300	7,6%	3.006	7,2%
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	644	0,8%	688	0,8%	534	1,3%
Thu khác từ HĐ tín dụng	575	0,7%	593	0,7%	320	0,8%
Tổng cộng	81.797	100%	82.736	100%	41.850	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

b) Tổng thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)

Chi tiêu Hợp nhất	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	33.199	81,9%	35.581	78,5%	21.521	79,7%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.055	10,0%	4.341	9,6%	2.640	9,8%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	1.564	3,9%	2.000	4,4%	856	3,2%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	366	0,9%	601	1,3%	250	0,9%
Lãi thuần/(Lỗ) từ mua bán chứng khoán đầu tư	-791	-2,0%	361	0,8%	-88	-0,3%
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.497	3,7%	1.910	4,2%	1.573	5,8%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	628	1,6%	524	1,2%	255	0,9%
Tổng cộng	40.519	100%	45.317	100%	27.006	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Tổng thu nhập hoạt động (Công ty mẹ)

Chi tiêu riêng	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	32.648	83,5%	34.852	79,9%	21.090	79,3%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.373	8,6%	3.762	8,6%	2.258	8,5%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	1.519	3,9%	1.887	4,3%	942	3,5%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	432	1,1%	460	1,1%	128	0,5%
Lãi thuần/(Lỗ) từ mua bán chứng khoán đầu tư	-791	-2,0%	364	0,8%	-88	-0,3%
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.196	3,1%	1.746	4,0%	1.589	6,0%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	745	1,9%	532	1,2%	683	2,6%
Tổng cộng	39.123	100%	43.603	100%	26.602	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

c) Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	21	0,1%	21	0,1%	11	0,1%
Chi cho nhân viên	9.435	60,0%	9.262	57,6%	4.819	62,6%
Chi về tài sản	2.280	14,5%	2.605	16,2%	1.046	13,6%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	2.950	18,7%	3.194	19,9%	1.446	18,8%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	663	4,2%	722	4,5%	377	4,9%
Chi phí dự phòng khác	385	2,4%	282	1,8%	1	0,0%
Tổng cộng	15.735	100%	16.085	100%	7.699	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	18	0,1%	15	0,1%	7	0,1%
Chi cho nhân viên	9.025	61,3%	8.783	58,1%	4.666	63,0%
Chi về tài sản	2.211	15,0%	2.544	16,8%	1.006	13,6%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	2.819	19,1%	3.026	20,0%	1.355	18,3%
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	661	4,5%	719	4,8%	375	5,1%
Chi phí dự phòng	0	0,0%	40	0,3%	0	0,0%
Tổng cộng	14.733	100%	15.128	100%	7.409	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

d) Báo cáo thay đổi VCSH

Báo cáo thay đổi VCSH (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		Tại 30/06/2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Vốn của TCTD	46.725	60,4%	46.725	54,7%	46.725	50,1%
+ Vốn điều lệ	37.234	48,1%	37.234	43,6%	37.234	39,9%
+ Thặng dư Vốn cổ phần	8.975	11,6%	8.975	10,5%	8.975	9,6%
+ Vốn khác	516	0,7%	516	0,6%	516	0,6%

Chỉ tiêu Hợp nhất	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		Tại 30/06/2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Quỹ của TCTD	9.610	12,4%	11.605	13,6%	11.617	12,5%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	626	0,8%	482	0,6%	506	0,5%
LNST chưa phân phối	19.833	25,6%	26.001	30,4%	33.776	36,2%
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	561	0,7%	599	0,7%	624	0,7%
Tổng cộng	77.355	100%	85.411	100%	93.247	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Báo cáo thay đổi VCSH (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng	Tại 31/12/2019		Tại 31/12/2020		Tại 30/06/2021	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Vốn của TCTD	46.204	62,2%	46.204	56,3%	46.204	51,3%
+ Vốn điều lệ	37.234	50,1%	37.234	45,3%	37.234	41,4%
+ Thặng dư Vốn cổ phần	8.970	12,1%	8.970	10,9%	8.970	10,0%
Quỹ của TCTD	9.219	12,4%	11.187	13,6%	11.187	12,4%
LNST chưa phân phối	18.884	25,4%	24.722	30,1%	32.621	36,2%
Tổng cộng	74.307	100%	82.113	100%	90.012	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

1.1.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến HĐKD của Tổ Chức Phát Hành

✓ Những nhân tố chính tác động đến tình hình HĐKD của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

- Năm 2020, kinh tế thế giới trải qua đợt suy thoái tồi tệ do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Các biện pháp phong tỏa và đóng cửa biên giới để ngăn chặn dịch bùng phát đã khiến thương mại toàn cầu đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, dẫn tới làn sóng phá sản của doanh nghiệp khắp thế giới... Các quốc gia đã liên tục tung ra các gói kích thích kinh tế hàng nghìn tỷ USD cùng nhiều biện pháp tiền tệ và cho vay khẩn cấp chưa từng có tiền lệ để hỗ trợ nền kinh tế. Theo đánh giá của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), GDP toàn cầu ước giảm 4,4% trong năm 2020.
- Trong bối cảnh nhiều quốc gia trên thế giới lâm vào suy thoái, Việt Nam đã trở thành điểm sáng khi thực hiện thành công “mục tiêu kép” trong phòng chống dịch bệnh và duy trì tăng trưởng kinh tế: Tăng trưởng GDP năm 2020 của Việt Nam ở mức 2,91% mặc dù thấp nhất trong 10 năm gần đây và thấp hơn nhiều so với năm 2019 (7,02%) song là mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất khu vực và thế giới; Lạm phát tiếp tục được kiểm soát.
- Hệ thống tài chính ngân hàng tiếp tục được củng cố và phát triển, thanh khoản ổn định, chất lượng tài sản hệ thống ngân hàng cải thiện. NHNN đã điều hành linh hoạt, đồng bộ các công cụ

chính sách tiền tệ để ổn định thị trường và hỗ trợ tích cực thúc đẩy nền kinh tế, trong đó có 3 lần giảm lãi suất điều hành; đồng thời ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 và Chỉ thị 02 ngay từ đầu năm đã tạo hành lang pháp lý kịp thời để các TCTD thực hiện cơ cấu nợ, miễn giảm lãi/phí cho doanh nghiệp và người dân chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh COVID-19. Dự nợ tín dụng toàn hệ thống năm 2020 tăng 12% so cuối năm 2019, thanh khoản hệ thống dồi dào, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát, tỷ giá được điều hành linh hoạt, dự trữ ngoại hối tăng mạnh, nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

Năm 2020, mặc dù bối cảnh kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới có nhiều thuận lợi và khó khăn, phức tạp như đã nêu trên, song toàn hệ thống VietinBank đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

- Ngay từ đầu năm 2020, khi diễn biến dịch bệnh COVID-19 phức tạp, VietinBank đã liên tục nâng cấp và hoàn thiện, gia tăng tiện ích và tăng cường các giải pháp ngân hàng trên kênh điện tử để cung cấp một cách nhanh chóng, thuận tiện, đa tiện ích và đảm bảo an toàn, bảo mật cho các khách hàng, tăng mức độ tiếp cận và bao phủ về dịch vụ tài chính ngân hàng cho doanh nghiệp và người dân. Ngoài ra, VietinBank là ngân hàng tiên phong cải cách quy trình, hồ sơ, thủ tục dựa trên nền tảng chuyển đổi số mạnh mẽ, cung cấp các giải pháp thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia với mục tiêu cung cấp đa dạng các dịch vụ công không dùng tiền mặt cho người dân, giảm thời gian, chi phí và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân thực hiện các thủ tục hành chính thuận tiện, nhanh chóng. VietinBank cũng chủ động điều hành tín dụng vào các ngành, lĩnh vực tiềm năng được Chính phủ, NHNN khuyến khích phát triển với quy mô chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục tín dụng của VietinBank; phân bổ nguồn lực dành cho các vùng kinh tế trọng điểm của đất nước, đồng hành cùng các vùng, các địa phương để thúc đẩy kinh tế vùng, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế quốc gia.
- Với việc tái cấu trúc toàn diện hoạt động theo hướng nâng cao tiêu chuẩn hoạt động, chuyển đổi mạnh mẽ mô hình, phương thức kinh doanh, kết quả hoạt động tiếp tục cải thiện rất lớn về hiệu quả, cơ cấu thu nhập chuyển dịch theo hướng bền vững. Triển khai mạnh mẽ Chiến lược "Khách hàng là trung tâm", thay đổi phương thức cạnh tranh theo hướng chú trọng phát triển giải pháp ngân hàng, tài chính hiện đại, toàn diện, tổng thể cho khách hàng, cung ứng theo chuỗi liên kết, ứng dụng số hóa rộng rãi như Blockchain, trí tuệ nhân tạo (AI), đồng thời nâng cao năng lực tư vấn, đáp ứng tối đa nhu cầu tài chính của khách hàng, giảm thời gian, chi phí giao dịch cho cả khách hàng và ngân hàng.
- Trong năm 2020, VietinBank đã ký kết thành công hợp đồng hợp tác độc quyền phân phối bảo hiểm với Manulife Việt Nam, thỏa thuận hợp tác chiến lược với nhiều đối tác lớn, uy tín, góp phần mở rộng và hoàn thiện các dịch vụ tài chính ngân hàng, mang tới trải nghiệm toàn diện và dịch vụ chất lượng tốt nhất tới người dân Việt Nam.
- Kết quả kinh doanh năm 2020 của VietinBank đều đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trên cơ sở cải thiện mạnh mẽ hiệu quả HĐKD, tiết giảm chi phí huy động vốn, quản lý chặt chẽ chi phí hoạt động và tăng cường các nguồn thu ngoài lãi. LNTT hợp nhất năm 2020 lần đầu tiên đạt mức cao là 17.085 tỷ đồng, tạo nguồn lực để VietinBank tiếp tục phát huy tốt vai trò chủ lực, trụ cột, chủ động đáp ứng nhu cầu vốn và dịch vụ tài chính của nền kinh tế, tạo nền tảng để tăng năng lực tài chính của Ngân hàng, bảo đảm phát triển bền vững trong tương lai.
- Năm 2020, công tác quản lý chất lượng tăng trưởng, chất lượng tài sản của VietinBank được nâng cao. Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng cho nền kinh tế của Vietinbank năm 2020 ở mức 0,94%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 132%. VietinBank đã tất toán toàn bộ 13.000 tỷ đồng trái phiếu đặc biệt tại VAMC trong chưa đầy 2 năm (từ tháng 12/2018 đến tháng 10/2020) thay vì 5 năm như dự kiến, lành mạnh hóa danh mục tài sản, tạo tiền đề vững chắc cho HĐKD của ngân hàng trong giai đoạn tiếp theo.
- Cũng trong năm 2020, VietinBank đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tập trung phát triển nguồn lao động chất lượng cao cho các nghiệp

vụ cốt lõi; chủ động trong nhận diện và đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ nhân tài (VietinBank Top 500). Ứng dụng công nghệ gia tăng tự động hóa thúc đẩy NSLĐ, thay đổi phương thức làm việc linh hoạt ứng dụng công nghệ, đặc biệt trong giai đoạn yêu cầu giãn cách do dịch bệnh. Hoạt động quản trị tài chính được nâng cao, phân bổ nguồn lực tài chính bài bản và hiệu quả. Tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động được kiểm soát ở mức 35,5%, là mức thấp so với thị trường.

✓ **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả HĐKD của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

- Năm 2021, kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức, rủi ro do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 cũng như căng thẳng thương mại, chính trị giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới có thể có gây tác động tiêu cực đến HĐKD của ngành ngân hàng nói chung và VietinBank nói riêng.
- Từ đầu năm 2021 đến nay, dịch bệnh Covid-19 đã bùng phát trở lại lần thứ 3 và thứ 4, lan rộng trên khắp các tỉnh thành của cả nước. Khác với đợt bùng phát trước, lần này các biến chủng virus khác nhau, có tốc độ lây lan nhanh và khó kiểm soát hơn, với tâm dịch là các tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng kinh tế và khu công nghiệp trọng điểm. Điều này đã và đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều hoạt động kinh tế - xã hội của Việt Nam, ngành ngân hàng nói chung, cũng như HĐKD của VietinBank nói riêng. Các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực và ngành nghề chịu tác động lớn bởi dịch bệnh liên tục gặp khó khăn, bị gián đoạn và đứt chuỗi cung ứng khiến cho hoạt động SXKD của các doanh nghiệp đình trệ và khó có thể bảo đảm khả năng thanh toán và trả nợ đầy đủ và đúng hạn các khoản vay cho Ngân hàng. Điều này có thể làm phát sinh, tiềm ẩn nhiều rủi ro và gia tăng nợ xấu cho Ngân hàng.
- Ngày 02/04/2021, NHNN đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 của Thống đốc NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Thông tư 03 có hiệu lực từ ngày 17/05/2021). Theo đó, VietinBank đã và đang tích cực đồng hành cùng với khách hàng, kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như ưu đãi lãi suất, cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ... giúp khách hàng, doanh nghiệp ổn định hoạt động, sớm vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, để thực hiện điều này, VietinBank sẽ phải triển khai các biện pháp, chính sách giảm lãi suất cho khách hàng; gia hạn và kéo dài thời gian thu hồi, xử lý nợ; chủ động trích lập dự phòng bổ sung các khoản vay. Điều này đồng nghĩa với việc thu nhập và lợi nhuận của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng và thu hẹp đáng kể.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

a) Tình hình công nợ

VietinBank thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải thu, phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

Công nợ các khoản phải thu (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm 2020 so với 2019	30/06/2021
Các khoản phải thu	22.349	22.823	2,1%	30.867
Các khoản lãi, phí phải thu	6.676	7.799	16,8%	9.695

Đơn vị: Tỷ đồng	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm 2020 so với 2019	30/06/2021
Thuế TNDN hoãn lại phải thu	92	0	-100,0%	0
Tài sản có khác	3.545	3.209	-9,5%	3.203
Các khoản dự phòng rủi ro khác	-11	-73	561,8%	-72
Tổng cộng	32.651	33.758	3,4%	43.693

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Công nợ các khoản phải thu (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm 2020 so với 2019	30/06/2021
Các khoản phải thu	21.088	21.209	0,6%	29.891
Các khoản lãi, phí phải thu	6.499	7.532	15,9%	9.320
Tài sản có khác	2.944	2.755	-6,4%	2.672
Các khoản dự phòng rủi ro khác	0	-41	-	-41
Tổng cộng	30.531	31.455	3,0%	41.842

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Công nợ các khoản phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm 2020 so với 2019	30/06/2021
Các khoản lãi, phí phải trả	17.835	16.085	-9,8%	15.374
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	117	38	-67,5%	0
Các khoản phải trả và công nợ khác	9.205	13.075	42,0%	12.100
Dự phòng rủi ro khác	486	770	58,5%	752
Tổng cộng	27.643	29.968	8,4%	28.226

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Công nợ các khoản phải trả (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm 2020 so với 2019	30/06/2021
Các khoản lãi, phí phải trả	17.710	15.910	-10,2%	15.167
Các khoản phải trả và công nợ khác	6.588	9.749	48,0%	8.518
Tổng cộng	24.298	25.659	5,6%	23.685

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

b) Trái phiếu chưa đáo hạn

Tính đến hết 30/06/2021, tổng số dư trái phiếu do VietinBank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 31.059,32 tỷ đồng theo mệnh giá, bao gồm cả trái phiếu phát hành riêng lẻ và ra công chúng.

Hầu hết các trái phiếu chưa đáo hạn của VietinBank cũng có đặc điểm là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (được gọi là trái phiếu tăng vốn). Duy nhất có 2.000 tỷ đồng trái phiếu phát hành riêng lẻ vào ngày 22/12/2016 là trái phiếu thường, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm nhưng không đủ điều kiện tính vào vốn cấp 2 của VietinBank.

Thông tin chi tiết về các trái phiếu chưa đáo hạn của VietinBank như sau:

STT	Tên trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Giá trị mệnh giá (tỷ đồng)	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu (%/năm)
I	Trái phiếu phát hành ra công chúng			21.094,32		
1	Năm 2017	14/11/2017 14/12/2017	10 năm	2.000 2.200	Trái phiếu tăng vốn	LSTC+1,2%
2	Năm 2018	29/06/2018	10 năm	2.435,10	Trái phiếu tăng vốn	LSTC+0,8%
3	Năm 2019	27/09/2019 29/10/2019	7 năm 10 năm 7 năm 10 năm	2.000 2.000 500 500	Trái phiếu tăng vốn	LSTC+1% LSTC+1,2% LSTC+1% LSTC+1,2%
4	Năm 2020	30/07/2020 24/09/2020	8 năm 10 năm 8 năm 10 năm	3.500 3.500 1.176,77 1.282,45	Trái phiếu tăng vốn	LSTC+0,9% LSTC+1% LSTC+0,9% LSTC+1%
II	Trái phiếu phát hành riêng lẻ			9.965		
1	Năm 2015	26/06/2015	10 năm 1 ngày	450	Trái phiếu tăng vốn	7,4% cho 5 năm đầu và 7,9% cho các năm còn lại
2	Năm 2016	07/12/2016 08/12/2016 22/12/2016	10 năm 10 năm 5 năm	1.450 1.450 2.000	Trái phiếu tăng vốn Trái phiếu thường	7,5% cho 5 năm đầu và 8% cho các năm còn lại LSCĐ 5,8%
3	Năm 2018	13/06/2018 21/06/2018 01/11/2018	10 năm 15 năm 15 năm	800 180 100	Trái phiếu tăng vốn	LSTC+0,8% LSTC+0,8% LSTC+1,1%
4	Năm 2019	30/07/2019 15/08/2019 20/08/2019	15 năm 10 năm 7 năm	50 100 400	Trái phiếu tăng vốn	LSCĐ 8,2% LSTC+1,2% LSCĐ 8%
5	Năm 2020	22/05/2020 29/06/2020 08/07/2020 04/08/2020	15 năm 8 năm 15 năm 15 năm	50 500 500 100	Trái phiếu tăng vốn	LSTC+1,2% LSTC+1,1% LSCĐ 7,85%

STT	Tên trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Giá trị mệnh giá (tỷ đồng)	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu (%/năm)
		28/12/2020	7 năm	250		LSTC+0,4%
6	Năm 2021	10/05/2021	8 năm	1.500	Trái phiếu tăng vốn	LSTC+0,9%
		10/05/2021	15 năm	85		LSCĐ 6,7%
Tổng cộng (= I + II)				31.059,32		

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú: "LSTC" là lãi suất tham chiếu, là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) của 4 ngân hàng tại Việt Nam: VietinBank, Vietcombank, BIDV và Agribank; "LSCĐ" là lãi suất cố định, áp dụng trong suốt thời hạn trái phiếu.

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn nói trên, VietinBank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành đã được VietinBank thực hiện kê khai và thanh toán cho các cơ quan thuế đầy đủ và đúng hạn, bảo đảm tuân thủ và phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng	Số đã nộp trong kỳ			
	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm 2020 so với 2019	6 tháng đầu năm 2021
Thuế GTGT	470	563	19,9%	235
Thuế TNDN	1.501	2.632	75,4%	1.332
Các loại thuế khác	710	712	0,2%	594
Tổng	2.681	3.907	45,7%	2.161

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng	Số đã nộp trong kỳ			
	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm 2020 so với 2019	6 tháng đầu năm 2021
Thuế GTGT	402	475	18,1%	204
Thuế TNDN	1.360	2.539	86,6%	1.263
Các loại thuế khác	662	663	0,1%	551
Tổng	2.425	3.677	51,6%	2.018

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 được soát xét của VietinBank)

d) Trích lập các quỹ

VietinBank tuân thủ và thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được VietinBank sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ LNST của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% LNST, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% LNST;
- Quỹ thưởng Ban Điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Các quỹ dự trữ khác: trích theo quy định hiện hành và quyết định của ĐHĐCĐ.

Tình hình trích lập các quỹ trong 02 năm gần nhất của VietinBank:

STT	Chỉ tiêu (Đơn vị: Tỷ đồng)	Năm 2019	Năm 2020 (*)	Ghi chú
1	LNST riêng lẻ	9.283	13.256	
2	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	464	663	(2) = 5% x (1)
3	Trích quỹ dự phòng tài chính	928	1.326	(3) = 10% x (1)
4	Thù lao Thành viên độc lập HĐQT	0	1	
5	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.143	2.786	
6	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	5.748	8.480	(5) = (1) - (2) - (3) - (4)

(Nguồn: VietinBank)

(*) Ghi chú: Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của năm 2020 là phương án dự kiến và đang trình Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (NHNN) xem xét, phê duyệt và quyết định.

e) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2021, kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức, rủi ro do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 cũng như căng thẳng thương mại, chính trị giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới có thể có gây tác động tiêu cực đến HĐKD của ngành ngân hàng nói chung và VietinBank nói riêng.

Từ đầu năm 2021 đến nay, dịch bệnh Covid-19 đã bùng phát trở lại lần thứ 3 và thứ 4, lan rộng trên khắp các tỉnh thành của cả nước. Khác với đợt bùng phát trước, lần này các biến chủng virus khác nhau, có tốc độ lây lan nhanh và khó kiểm soát hơn, với tâm dịch là các tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng kinh tế và khu công nghiệp trọng điểm. Điều này đã và đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều hoạt động kinh tế - xã hội của Việt Nam, ngành ngân hàng nói chung, cũng như HĐKD của VietinBank nói riêng. Các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực và ngành nghề chịu tác động lớn bởi dịch bệnh liên tục gặp khó khăn, bị gián đoạn và đứt chuỗi cung ứng khiến cho hoạt động SXKD của các doanh nghiệp đình trệ và khó có thể bảo đảm khả năng thanh toán và trả nợ đầy đủ và đúng hạn các khoản vay cho Ngân hàng. Điều này có thể làm phát sinh, tiềm ẩn nhiều rủi ro và gia tăng nợ xấu cho Ngân hàng.

Ngày 02/04/2021, NHNN đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 của Thống đốc NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Thông tư 03 có hiệu lực từ ngày 17/05/2021). Theo đó, VietinBank đã và đang tích cực đồng hành cùng với khách hàng, kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như ưu đãi lãi suất, cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ... giúp khách hàng, doanh nghiệp ổn định hoạt động, sớm vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, để thực hiện điều này, VietinBank sẽ phải triển khai các biện pháp, chính sách giảm lãi suất cho khách hàng; gia hạn và kéo dài thời gian thu hồi, xử lý nợ; chủ động trích lập dự phòng bổ sung các khoản vay. Điều này đồng nghĩa với việc thu nhập và lợi nhuận của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng và thu hẹp đáng kể.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Chỉ tiêu về vốn						
+ Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	37.234	37.234	37.234	37.234	37.234	37.234
+ Vốn tự có (Tỷ đồng)	93.154	113.319	141.169	87.633	108.938	109.759
+ Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	10,28%	10,79%	8,52%	9,81%	10,51%	8,33%
Chất lượng tài sản						
+ Tỷ lệ nợ quá hạn / Tổng dư nợ	1,76%	1,21%	1,74%	1,75%	1,20%	1,74%
+ Tỷ lệ nợ xấu / Tổng dư nợ	1,16%	0,94%	1,34%	1,15%	0,93%	1,34%
+ (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các TCTD khác) / Tổng tài sản	75,89%	76,43%	73,97%	75,89%	76,36%	73,82%
+ Tài sản có sinh lời / Tổng tài sản có nội bảng	97,25%	96,65%	96,71%	97,15%	96,63%	96,65%
Khả năng thanh khoản (**)						
+ Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	n/a	n/a	n/a	14,03%	12,28%	15,45%
+ Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn	n/a	n/a	n/a	31,99%	29,30%	28,00%
+ Tỷ lệ dư nợ cho vay / Tổng tiền gửi (LDR)	n/a	n/a	n/a	88,10%	86,10%	84,89%
Kết quả hoạt động (***)						
+ Tỷ lệ LNTT / VCSH bình quân	16,29%	20,99%	12,15%	16,45%	21,03%	12,56%
+ Tỷ lệ LNTT / Tổng tài sản bình quân	0,98%	1,32%	0,77%	0,96%	1,29%	0,78%
+ Thu nhập lãi cận biên (NIM)	2,85%	2,84%	3,24%	2,83%	2,81%	3,21%
+ ROA	0,76%	1,02%	0,59%	0,76%	1,00%	0,60%
+ ROAA	0,79%	1,06%	0,62%	0,78%	1,04%	0,63%
+ ROE	12,32%	16,15%	9,41%	12,49%	16,14%	9,75%
+ ROAE	13,16%	16,95%	9,82%	13,33%	16,95%	10,20%
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	2.541	3.678	2.340	2.493	3.560	2.358
+ Thu nhập dịch vụ / Tổng thu nhập	19,47%	18,41%	17,29%	14,66%	13,75%	13,04%
+ Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ / LNTT	34,42%	25,41%	24,33%	29,43%	22,87%	20,89%

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú:

(*) Kể từ ngày 01/01/2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II của Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (tối thiểu là 8%). Trước năm 2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (tối thiểu là 9%).

(**) Các tỷ lệ về khả năng thanh khoản của VietinBank được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và chỉ được tính số liệu Công ty mẹ.

(***) Các chỉ tiêu LNTT / VCSH bình quân, LNTT / Tổng tài sản bình quân, ROA, ROAA, ROE, ROAE được xác định theo quy định hướng dẫn tại Khoản 3, Điều 107 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

➤ **Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính:** Không có.

3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Tổ Chức Kiểm Toán, thực hiện kiểm toán các BCTC riêng và hợp nhất năm 2019, 2020 và soát xét các BCTC riêng và hợp nhất giữa niên độ (bán niên) năm 2021 của VietinBank.

- **Đối với các BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 và 2020 của VietinBank:** Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán sau khi thực hiện kiểm toán đối với các BCTC này là ý kiến chấp thuận toàn phần. Theo ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán, các BCTC riêng và hợp nhất năm 2019 và 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của VietinBank (và các công ty con) vào ngày kết thúc năm tài chính 2019, 2020, cũng như kết quả HĐKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC riêng và hợp nhất.
- **Đối với các BCTC riêng và hợp nhất đã được soát xét giữa niên độ (bán niên) năm 2021 của VietinBank:** Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán sau khi thực hiện soát xét đối với các BCTC này là ý kiến chấp thuận toàn phần. Theo đó, Tổ Chức Kiểm Toán kết luận rằng: không thấy có vấn đề gì khiến Tổ Chức Kiểm Toán cho rằng các BCTC riêng và hợp nhất giữa niên độ của năm 2021 không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của VietinBank (và các công ty con) tại ngày 30/06/2021, cũng như kết quả HĐKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất giữa niên độ của VietinBank và các công ty con cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC riêng và hợp nhất giữa niên độ.

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

Không có.

VietinBank và Trái Phiếu VietinBank đăng ký chào bán ra công chúng đợt này không thuộc trường hợp phải thực hiện xếp hạng tín nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành (tại Khoản 2, Điều 19 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán), vì lý do như sau:

- Tổng giá trị trái phiếu theo mệnh giá mà VietinBank đã huy động trong 12 tháng gần nhất (từ 30/06/2020 đến 30/06/2021) là: 11.894,22 tỷ đồng. Mặc dù, giá trị này lớn hơn quy định là 500 tỷ đồng, nhưng giá trị này so với VCSH của VietinBank (theo BCTC hợp nhất bán niên đã soát xét của năm 2021) chỉ chiếm 12,8% VCSH, thấp hơn tỷ lệ theo quy định là 50%.
- Tổng dư nợ trái phiếu theo mệnh giá tính đến thời điểm đăng ký chào bán (tính đến 30/06/2021): là 31.059,32 tỷ đồng, chiếm 33,3% VCSH của VietinBank theo BCTC hợp nhất bán niên được soát xét của năm 2021, thấp hơn tỷ lệ theo quy định là 100%.

Mặt khác, theo quy định tại Khoản 3, Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 19 Nghị định 155 này chỉ được áp dụng sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực (tức là sau năm 2022).

Như vậy, theo các quy định nói trên, VietinBank và trái phiếu đăng ký chào bán của VietinBank không thuộc trường hợp phải thực hiện xếp hạng tín nhiệm.

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

5.1. Các chỉ tiêu của Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của VietinBank

Chỉ tiêu Công ty mẹ	Năm 2020	Năm 2021	
		Kế hoạch dự kiến (*)	% tăng/giảm so với năm 2020
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	94.956	98.906	4,16%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	13.256	13.440	1,39%
Tỷ lệ LNST trên Tổng doanh thu (%)	13,96%	13,59%	-0,37%
Tỷ lệ LNST trên VCSH bình quân (%)	16,95%	từ 15% đến 18%	từ -1,95% đến 1,05%
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức (**)	5% bằng tiền mặt và 12,6456% bằng cổ phiếu	Tỷ lệ chi trả cổ tức và cơ cấu chi trả cổ tức (tiền mặt, cổ phiếu) thực hiện theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật.	

(*) Các chỉ tiêu kế hoạch nói trên có thể sẽ được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và được phê duyệt bởi Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

(**) Phương án chia cổ tức năm 2020 của VietinBank đang trình NHNN xem xét, phê duyệt. Kế hoạch và phương án chia cổ tức năm 2021 hiện chưa có thông tin và sẽ do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định và phê duyệt.

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: ĐHĐCĐ VietinBank là cấp có thẩm quyền thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh chủ yếu của VietinBank. Ngoài các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh nêu trên, theo Nghị quyết số 23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021, ĐHĐCĐ thường niên của VietinBank đã ủy quyền cho HĐQT, trên cơ sở ý kiến, chỉ đạo, phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (là NHNN), diễn biến của thị trường và thực tế HĐKD của VietinBank để quyết định các chỉ tiêu chính thức và công bố thông tin theo quy định, một số chỉ tiêu và mục tiêu tài chính khác của năm 2021 dự kiến như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch dự kiến năm 2021 (***)
Tổng tài sản	Tăng trưởng từ 6% - 10%
Dư nợ tín dụng	Theo phê duyệt của NHNN, tăng trưởng tối đa 7,5% (Mức tăng trưởng cụ thể theo điều hành chính sách tiền tệ, chỉ tiêu do NHNN giao và nhu cầu cần thiết của nền kinh tế)
Nguồn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư	Tăng trưởng 8%-12%, có điều chỉnh phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.
Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng theo Thông tư 02	< 1,5%
LNTT riêng lẻ	Dự kiến là 16.800 tỷ đồng (tăng 2,14% so với năm 2020) và được điều chỉnh theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
Các tỷ lệ: an toàn vốn tối thiểu (CAR), khả năng chi trả, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung dài hạn, tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi, tỷ lệ dự trữ thanh khoản	Tuân thủ theo quy định của NHNN.

(***) Các chỉ tiêu kế hoạch nói trên có thể sẽ được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và được phê duyệt bởi Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

5.2. Các căn cứ để đặt Kế hoạch kinh doanh năm 2021 nêu trên:

Để bảo đảm đạt được các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2021 đề ra, Ban Điều hành của VietinBank xác định một số giải pháp chủ đạo để triển khai HĐKD trong năm 2021 như sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng trưởng quy mô bền vững, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính ngân hàng cho nền kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh:

- Chú trọng tăng trưởng bền vững, tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng phân khúc SME và bán lẻ, ưu tiên tín dụng cho SXKD, tăng tỷ trọng các SPDV có lợi suất cao và rủi ro trong hạn mức;
- Nâng tầm hoạt động KHDN lớn, khách hàng FDI, chú trọng khách hàng có tổng hòa lợi ích cao, có tiềm năng bán chéo, bán thêm SPDV;
- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo đồng tiền, tăng tỷ trọng dư nợ VND, chú trọng phát triển khách hàng mới song song với sàng lọc khách hàng hiện hữu
- Xây dựng bản đồ địa bàn/ngành nghề chiến lược; ưu tiên nguồn lực tại các địa bàn trọng điểm, đặc biệt là khu vực Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Phát huy mạnh mẽ vai trò Trung tâm Khách hàng phía Nam trong chiến lược phát triển kinh tế vùng của VietinBank.

Thứ hai, tăng tỷ trọng thu nhập phi tín dụng (trọng tâm là thu dịch vụ) trên tổng thu nhập. Cải thiện mạnh mẽ, toàn diện chất lượng SPDV, phát triển mạnh hoạt động ngân hàng thanh toán và đầu tư:

- Sử dụng chính sách giá, lãi suất linh hoạt để gia tăng thu dịch vụ, đặc biệt là nguồn thu từ các sản phẩm thẻ, tài trợ thương mại, Ngân hàng điện tử, bảo hiểm...
- Mở rộng cơ sở khách hàng có giao dịch với khu chế xuất/doanh nghiệp trong chuỗi giá trị của khách hàng FDI lớn, các khách hàng thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại...
- Tập trung bán chéo, bán thêm SPDV đối với các nhóm khách hàng có tiềm năng sử dụng đa dạng SPDV ngân hàng.
- Đẩy bán các sản phẩm cấu trúc gắn với nền tảng dịch vụ thanh toán, gia tăng hiệu quả bán chéo, bán theo chuỗi liên kết, theo rõ sản phẩm.
- Đặc biệt chú trọng truyền thông, marketing đa kênh cho từng sản phẩm chủ lực, đồng nhất chất lượng dịch vụ và nhận diện thương hiệu VietinBank.
- Mở rộng quan hệ giao dịch với các ĐCTC trong nước và quốc tế; tiếp tục giữ vững vị trí hàng đầu về doanh số giao dịch và lợi nhuận kinh doanh ngoại tệ.
- Mở rộng quy mô và khẩu vị rủi ro, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, đẩy mạnh các sản phẩm phái sinh lãi suất và phái sinh hàng hóa.

Thứ ba, tập trung nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng nguồn vốn; đặc biệt chú trọng tăng trưởng các nguồn vốn có chi phí thấp:

- Linh hoạt trong điều hành quy mô nguồn vốn – sử dụng vốn để theo sát và tối ưu hóa lộ trình đáp ứng các chỉ số an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN.
- Tăng cường quản lý dòng tiền của khách hàng, thúc đẩy phát triển các kênh Ngân hàng Điện tử; đẩy mạnh các gói SPDV ưu đãi, thúc đẩy việc sử dụng tài khoản thanh toán mới.
- Tối ưu hóa hệ thống, nền tảng thanh toán và hệ SPDV thanh toán hiện đại; phát triển hệ sinh thái thanh toán đa tiện ích...

Thứ tư, đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu nâng cao chất lượng tài sản, tập trung nguồn lực với nỗ lực cao nhất, áp dụng toàn diện và linh hoạt các cơ chế chính sách hiện có để đẩy nhanh tiến độ thu hồi nợ xấu, nợ xử lý rủi ro.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro bảo đảm sự tuân thủ, an toàn trong hoạt động, phát triển

kinh doanh gắn liền với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định, chấp hành kỷ cương pháp luật và chỉ đạo của NHNN. Chấn chỉnh nghiêm túc việc chấp hành quy định, quy trình nghiệp vụ; cá thể hóa trách nhiệm, đặc biệt coi trọng đạo đức cán bộ.
- Tiếp tục cải tiến mạnh mẽ các quy trình, hồ sơ, thủ tục nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp và người dân trong việc tiếp cận dịch vụ ngân hàng, đồng thời đảm bảo chặt chẽ, an toàn.
- Tuân thủ nghiêm túc hạn mức rủi ro được phê duyệt, thường xuyên đánh giá, nhận diện các khách hàng, ngành hàng tiềm ẩn rủi ro để kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp.
- Nâng cao chất lượng công tác phối hợp giữa đơn vị kinh doanh, phê duyệt tín dụng, kiểm soát rủi ro, không để phát sinh nợ nhóm 2, nợ xấu.
- Tăng cường thực chất về công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy kiểm tra kiểm soát nội bộ.

Thứ sáu, quản trị chi phí hiệu quả, tiếp tục kiểm soát tốc độ tăng của chi phí thấp hơn tốc độ tăng thu nhập; kiểm soát tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR), tiếp tục nâng cao NSLĐ:

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, nâng cao tỷ lệ tự động hóa, nâng cao chất lượng nhân sự, cải cách thủ tục, quy trình, hồ sơ, giảm thời gian tác nghiệp, ưu tiên nguồn lực chăm sóc khách hàng.
- Toàn hệ thống triển khai tiết kiệm, sử dụng chi phí thiết thực, đảm bảo chi phí được sử dụng đúng mục đích, mang lại hiệu quả cao nhất.

Thứ bảy, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng vốn khác nhằm cải thiện, nâng cao năng lực tài chính:

- Bám sát phương án tăng vốn đang trình các cơ quan thẩm quyền xem xét phê duyệt.
- Áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II (Thông tư 41) kể từ ngày 01/01/2021.
- Tiếp tục chủ động điều tiết tốc độ tăng trưởng tín dụng hợp lý, phát hành trái phiếu thứ cấp, thoái vốn một số công ty con, tối ưu hóa danh mục tài sản có rủi ro.
- Kiểm soát quy mô tài sản có rủi ro, triển khai cơ chế định giá trên cơ sở rủi ro và đánh giá hiệu quả trên cơ sở rủi ro.

Thứ tám, kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng truyền thông, nâng cao ý thức áp dụng các giá trị văn hóa doanh nghiệp VietinBank:

- Tiếp tục kiện toàn mô hình hoạt động, tinh gọn bộ máy đáp ứng HĐKD.
- Thực hiện hiệu quả các công cụ, chính sách nhân sự, tăng cường nhân sự cho đơn vị trực tiếp kinh doanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và NSLĐ.
- Ứng dụng triệt để 05 giá trị cốt lõi trong văn hóa doanh nghiệp VietinBank, xây dựng và nêu cao tinh thần sáng tạo, đổi mới không ngừng.

Thứ chín, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, số hóa trong mọi hoạt động:

- Phát triển các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt theo chủ trương của Chính phủ, NHNN.
- Tăng cường ứng dụng các công nghệ mới đảm bảo an toàn bảo mật và gia tăng tiện ích cho khách hàng.
- Đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật, an toàn an ninh hệ thống phục vụ cho công tác chuyển đổi số tại VietinBank.

5.3. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2021

Kế hoạch doanh thu/thu nhập và lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, HĐKD có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu/thu nhập và lợi nhuận năm 2021 của VietinBank là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và HĐKD của ngành ngân hàng.

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ các HĐKD của mình (bao gồm dòng tiền thu nợ lãi từ việc giải ngân, cho vay đối với các lĩnh vực, ngành nghề và dự án được sử dụng bằng nguồn vốn thu được của đợt phát hành trái phiếu này) và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các khoản phải nộp cho các cơ quan thuế, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, các khoản thanh toán đến hạn và chi phí hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, bảo đảm đủ để thanh toán lãi và gốc của trái phiếu đăng ký chào bán.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng HĐKD của VietinBank – một Ngân hàng có vị thế và uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu/thu nhập, lợi nhuận và khả năng thanh toán gốc và lãi trái phiếu của VietinBank có thể thực hiện được và có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả HĐKD của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của VietinBank.

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo

VietinBank chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tới, các đợt chào bán trái phiếu cụ thể của mỗi năm tiếp theo sẽ được HĐQT VietinBank thông qua, sau khi Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VietinBank báo cáo, xin ý kiến NHNN (là Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại VietinBank) chấp thuận để tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại cuộc họp HĐQT.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Dưới đây là các thông tin chi tiết về trái phiếu chào bán ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành và các điều khoản và điều kiện của trái phiếu chào bán. Một số nội dung chính của các điều khoản và điều kiện của trái phiếu này sẽ được đưa vào Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu bằng cách ghi tham chiếu tại mặt sau của Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu.

Trái phiếu được điều chỉnh bởi các điều khoản và điều kiện theo các nội dung quy định tại Mục VI.A, VI.B và VI.C dưới đây (sau đây được gọi chung là “**Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu**”). Với việc mua, nhận chuyển quyền sở hữu hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, người sở hữu trái phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của văn bản này.

A. CƠ SỞ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (sau đây gọi là “**Luật Doanh Nghiệp**”);
- Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 (sau đây gọi tắt là “**Luật Các Tổ Chức Tín Dụng**”) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (sau đây gọi tắt là “**Luật Chứng Khoán**”);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là “**Nghị Định 155**”);
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (sau đây gọi tắt là “**Thông Tư 118**”);
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank;
- Công văn số 2273/NHNN-TCKT ngày 06/04/2021 của NHNN gửi cho Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VietinBank v/v chấp thuận kế hoạch phát hành trái phiếu ra công chúng thị trường trong nước năm 2021 của VietinBank;
- Công văn số 4975/NHNN-TCKT ngày 08/07/2021 của NHNN gửi cho Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VietinBank v/v đồng ý thông qua việc niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2021 của VietinBank sau khi kết thúc đợt phát hành;
- Nghị quyết số 087/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 13/04/2021 v/v phê duyệt kế hoạch phát hành giấy tờ có giá (trái phiếu) ra công chúng thị trường trong nước năm 2021;
- Nghị quyết số 167/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 02/06/2021 v/v phê duyệt Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2021 của VietinBank;
- Nghị quyết số 188/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 17/06/2021 v/v HĐQT cam kết triển khai việc niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2021 của VietinBank trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.
- Nghị quyết số 252/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 22/07/2021 của HĐQT VietinBank v/v đại diện cho VietinBank ký kết văn bản, tài liệu;
- Nghị quyết số 332/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 06/09/2021 của HĐQT VietinBank về việc Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt

chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2021 của VietinBank.

- Quyết định số 688/QĐ-HĐQT-NHCT1.2 ngày 07/09/2021 của HĐQT VietinBank v/v giao nhiệm vụ phụ trách Ban Điều hành VietinBank đối với Ông Nguyễn Hoàng Dũng – Phó Tổng Giám đốc Vietinbank để thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổ chức hoạt động của VietinBank và hệ thống các quy chế, quy định nội bộ của VietinBank, kể từ ngày 07/09/2021 cho đến khi có quyết định khác thay thế.
- Nghị quyết số 355/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 22/09/2021 của HĐQT VietinBank v/v phê duyệt sửa đổi, bổ sung Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2021 của VietinBank.

B. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

1. ĐỊNH NGHĨA

Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa sử dụng, trình bày trong văn bản này và trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này sẽ có ý nghĩa như sau:

- “**Trái Phiếu**” có nghĩa là **Trái Phiếu 2129** và/hoặc **Trái Phiếu 2131** có tên gọi đầy đủ được nêu tại **Điều Kiện 1 Mục V.LC** dưới đây. Mỗi Trái Phiếu được quy định và điều chỉnh bởi Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu nêu trong Bản Cáo Bạch này.
- “**Tổ Chức Phát Hành**” hoặc “**VietinBank**” có nghĩa là Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam.
- “**Đại Lý Đăng Ký**”: trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, Tổ Chức Phát Hành là Đại Lý Đăng Ký thực hiện theo các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu;
- “**Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành**” và “**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT.
- “**Thành Viên Lưu Ký**” là các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được VSD chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.
- “**Người Sở Hữu Trái Phiếu**” hoặc “**Trái Chủ**” là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài (phù hợp với Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan) mua, nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, đã được đăng ký và có tên trong Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Đăng Ký quản lý (nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD) hoặc do VSD quản lý (nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD).
- “**Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**” là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.
- “**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**” được quy định tại **Điều Kiện 12 Mục V.LC** dưới đây.
- “**Hợp Đồng Đại Diện**” là Hợp đồng dịch vụ số 01/2021/HĐDV/VNDIRECT-VIETINBANK ngày 08/06/2021 được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, theo đó Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định là tổ chức đại diện cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- “**Ngày Làm Việc**” là bất kỳ ngày nào trừ các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ lễ, tết tại Việt Nam và bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quy định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền
- “**Ngày Phát Hành Trái Phiếu**” là một Ngày Làm Việc theo công bố chính thức của Tổ Chức Phát Hành, là ngày mà toàn bộ số tiền đặt mua Trái Phiếu của đợt chào bán được chuyển vào Tài Khoản Phong Tồn Nhận Tiền Mua Trái Phiếu theo quy định của Tổ Chức Phát Hành tại

Điều Khoản 21 Mục V.LC dưới đây. Ngày Phát Hành Trái Phiếu là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của Tổ Chức Phát Hành đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu.

- **"Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu"** là:
 - (i) Ngày tròn 08 (tám) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Trái Phiếu 2129; hoặc
 - (ii) Ngày tròn 10 (mười) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Trái Phiếu 2131.
- **"Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu"** là:
 - (i) Ngày tròn 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Trái Phiếu 2129; hoặc
 - (ii) Ngày tròn 05 (năm) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Trái Phiếu 2131.
- **"Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu"** là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu trong thời hạn Trái Phiếu.
- **"Quyền Mua Lại Trái Phiếu"** hoặc **"Quyền Mua Lại Trước Hạn Trái Phiếu"** là quyền của Tổ Chức Phát Hành được mua lại toàn bộ, nhưng không được mua lại một phần Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, phù hợp với quy định tại **Điều Khoản 17 Mục V.LC** dưới đây. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu do mình sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ.
- **"Ngày Chốt Danh Sách"** là:
 - (i) Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc ngày đến hạn khác hoặc ngày thực hiện quyền, nghĩa vụ khác đối với Trái Phiếu và liên quan tới Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu; hoặc
 - (ii) Ngày được ấn định theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký hoặc theo quy định của VSD hoặc SGDCK để thực hiện việc đăng ký, đăng ký niêm yết hoặc thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác đối với và liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- **"Ngân Hàng Tham Chiếu"** là bốn (04) ngân hàng tại Việt Nam bao gồm:
 - (i) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank),
 - (ii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV),
 - (iii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), và
 - (iv) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).
- **"Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu"** là trang thông tin chính thức (website chính thức) của Ngân Hàng Tham Chiếu đăng tải về mức lãi suất được sử dụng để xác định Lãi Suất Tham Chiếu, cụ thể:
 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: www.vietinbank.vn
 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: www.bidv.com.vn
 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: www.vietcombank.com.vn
 - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam: www.agribank.com.vn.
- **"Ngày Xác Định Lãi Suất"** là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.
- **"Kỳ Tính Lãi"** hoặc **"Kỳ Thanh Toán Lãi"** là một (01) năm một lần, kể từ và bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi liền sau hoặc cho đến và không bao gồm Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc Ngày

Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác đối với Kỳ Tính Lãi cuối cùng của Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

- “**Ngày Bắt Đầu Tính Lãi Trái Phiếu**” là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên hoặc ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.
- “**Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu**” là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó.
- “**Trái phiếu đang lưu hành**” là Trái Phiếu đã được phát hành nhưng chưa được hoàn trả tiền gốc; hoặc chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- “**Đồng Việt Nam**” hoặc “**VND**” hoặc “**VNĐ**” là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.
- “**UBCKNN**” là Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
- “**VSD**” là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam.
- “**SGDCK**” là Sở Giao dịch Chứng khoán, có nghĩa là bất kỳ sở giao dịch chứng khoán nào của Việt Nam mà tại đó Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành đăng ký niêm yết và giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, những từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật Chứng Khoán và các văn bản quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán; Luật Doanh Nghiệp; Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và các văn bản pháp luật khác liên quan (nếu có).

2. NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

Cụm từ “**Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu**” sẽ có nghĩa là đề cập đến toàn bộ Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu mà không phải đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

Các tiêu đề của bất kỳ Điều Kiện nào chỉ để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều Kiện đó.

C. TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN

1. TÊN TRÁI PHIẾU

Các Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành chào bán ra công chúng có tên gọi như sau:

- (i) Trái Phiếu VietinBank phát hành ra công chúng năm 2021 đáo hạn năm 2029 (sau đây được gọi tắt là “**Trái Phiếu 2129**”);
- (ii) Trái Phiếu VietinBank phát hành ra công chúng năm 2021 đáo hạn năm 2031 (sau đây được gọi tắt là “**Trái Phiếu 2131**”).

Trái Phiếu 2129 và **Trái Phiếu 2131** sau đây được gọi chung là “**Trái Phiếu**”, có nghĩa là bất kỳ trái phiếu nào trong số các Trái Phiếu.

2. LOẠI TRÁI PHIẾU VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÁP LÝ CỦA TRÁI PHIẾU

2.1. Loại trái phiếu

Các Trái Phiếu là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định pháp luật hiện hành.

2.2. Đặc điểm pháp lý của trái phiếu

- (i) Các Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ và được thanh toán bằng Đồng Việt Nam.
- (ii) Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp).
- (iii) Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.
- (iv) Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.
- (v) Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

3. MỆNH GIÁ

Các Trái Phiếu có mệnh giá là **100.000 (Một trăm nghìn) đồng/01 (một) Trái Phiếu**.

4. TỔNG SỐ LƯỢNG TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN

Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán là **100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu**, bao gồm:

+ 50.000.000 (Năm mươi triệu) Trái Phiếu 2129; và

+ 50.000.000 (Năm mươi triệu) Trái Phiếu 2131.

Các Trái Phiếu chào bán có mã như sau:

+ Mã Trái Phiếu 2129 là: **"CTG2129T2"**.

+ Mã Trái Phiếu 2131 là: **"CTG2131T2"**.

5. TỔNG GIÁ TRỊ TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN THEO MỆNH GIÁ

Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá là **10.000 (Mười nghìn) Tỷ Đồng Trái Phiếu**, bao gồm:

+ 5.000 (Năm nghìn) Tỷ Đồng Trái Phiếu 2129, và

+ 5.000 (Năm nghìn) Tỷ Đồng Trái Phiếu 2131.

6. KỲ HẠN (THỜI HẠN) TRÁI PHIẾU

- Trái Phiếu 2129 có kỳ hạn là **08 (tám) năm**, kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu.
- Trái Phiếu 2131 có kỳ hạn là **10 (mười) năm**, kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu.

7. LÃI SUẤT

7.1. Lãi Suất Trái Phiếu

Lãi suất của các Trái Phiếu ("**Lãi Suất Trái Phiếu**") là lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh

theo định kỳ), áp dụng cho toàn bộ thời hạn của Trái Phiếu, tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm) và được xác định theo công thức như sau:

- **Lãi Suất Trái Phiếu 2129 = Lãi Suất Tham Chiếu + 0,9%/năm.**
- **Lãi Suất Trái Phiếu 2131 = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,0%/năm.**

Trong đó:

“Lãi Suất Tham Chiếu”: là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu.

“Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

7.2. **Xác định Lãi Suất Tham Chiếu:**

Việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu theo các quy định sau:

- (i) Trường hợp một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên Trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại tại Ngày Xác Định Lãi Suất đó. Khi đó, Tổ Chức Phát Hành sẽ in bằng chứng để chứng minh việc Trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động hoặc không công bố lãi suất nêu trên.
- (ii) Trường hợp Trang thông tin điện tử chính thức của tất cả Ngân hàng Tham Chiếu đều không hoạt động hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Tổ Chức Phát Hành sẽ in bằng chứng để chứng minh việc Trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động hoặc không công bố lãi suất nêu trên, đồng thời Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm thay thế bằng cách lấy xác nhận lãi suất tại Ngày Xác Định Lãi Suất bằng văn bản từ các Ngân Hàng Tham Chiếu tương ứng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Thành phố Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở Giao dịch);
- (iii) Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương chỉ được áp dụng khi Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố mức lãi suất cho kỳ hạn 12 tháng đáp ứng được điều kiện nêu trên. Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương là mức lãi suất của kỳ hạn tính bằng ngày gần với kỳ hạn 12 tháng nhất. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất, có nhiều mức lãi suất tương đương thì áp dụng mức lãi suất tương đương của kỳ hạn ngắn hơn;
- (iv) Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu trên trang thông tin điện tử chính thức (website chính thức) của mình theo phương thức quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu vào Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và ít nhất 02 (hai) Ngày Làm Việc trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo;
- (v) Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về sổ học một cách rõ ràng.
- (vi) Trong trường hợp pháp luật quy định áp dụng trần lãi suất có hiệu lực bắt buộc đối với Trái Phiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi bất kỳ thì Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng cho

Kỳ Tính Lãi đó là mức lãi suất được xác định theo công thức quy định tại **Điều Kiện 7.1** (nếu mức lãi suất áp dụng theo công thức này chưa vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định), hoặc là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật (nếu mức lãi suất được xác định theo công thức quy định tại **Điều Kiện 7.1** này vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định).

8. KỲ HẠN TRẢ LÃI, TRẢ GÓC TRÁI PHIẾU

8.1. Kỳ hạn trả lãi

(a) Kỳ hạn trả lãi

- (i) Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu.
- (ii) Nếu Tổ Chức Phát Hành thực hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu thì Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu cuối cùng sẽ là Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và vào ngày này:
 - Tiền lãi năm thứ ba (03) sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu 2129; hoặc
 - Tiền lãi năm thứ năm (05) sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu 2131.
- (iii) Nếu Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và/hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là Ngày Làm Việc thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền bị chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc.

(b) Tiền lãi

- (i) Mỗi Trái Phiếu sẽ có lãi được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành Trái Phiếu, và không được hưởng lãi kể từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu, hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu hoặc ngày đến hạn khác phù hợp với quy định của pháp luật và Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, trừ khi tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán do lỗi của Tổ Chức Phát Hành.
- (ii) Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán mà không phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, khoản tiền gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi, theo Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng tại Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán khoản tiền gốc của Trái Phiếu đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ ngày phát sinh việc chậm trả gốc cho đến và không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu đến hạn thanh toán.
- (iii) Nếu khoản tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán (ngoại trừ trường hợp quy định tại **Điều Kiện 8.1 (c)** dưới đây) không phù hợp với các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, khoản tiền lãi Trái Phiếu chậm trả sẽ tiếp tục được hưởng lãi, theo mức Lãi Suất Trái Phiếu của Kỳ Tính Lãi phát sinh khoản lãi không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ ngày phát sinh việc trả lãi không đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán đó cho đến và không bao gồm ngày số tiền lãi đó được thanh toán đầy đủ cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (iv) Lãi phát sinh từ việc tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán theo quy định tại **Điểm (ii) và (iii) Điều Kiện 8.1 (b)** nêu trên sẽ do bên gây ra lỗi chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm phối hợp ngay lập tức với Tổ Chức Phát Hành để rà soát và đưa ra biện pháp xử lý khắc phục tình trạng đó.

- (v) Trong trường hợp đến Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và/hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu và/hoặc ngày đến hạn khác mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành, thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành giữ hộ và không được hưởng lãi. Trong trường hợp này, chậm nhất vào Ngày Làm Việc kế tiếp, Tổ Chức Phát Hành phối hợp với Người Sở Hữu Trái Phiếu để thống nhất các biện pháp xử lý.

- (vi) Nguyên tắc xác định tiền lãi Trái Phiếu:

- Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng tròn Kỳ Thanh Toán Lãi thì tiền lãi Trái Phiếu được tính như sau:

$$\frac{\text{Tiền lãi được hưởng cho một thời hạn tròn Kỳ Thanh Toán Lãi}}{\text{Mệnh giá Trái Phiếu năm giữ}} = \text{Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó}$$

- Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng cho một thời hạn không tròn Kỳ Thanh Toán Lãi (dưới 01 (một) năm), tiền lãi Trái Phiếu sẽ được tính như sau:

$$\frac{\text{Tiền lãi được hưởng cho một thời hạn không tròn Kỳ Thanh Toán Lãi (dưới 01 (một) năm)}}{\text{Mệnh giá Trái Phiếu năm giữ}} = \frac{\text{Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó}}{365} \times \text{Số ngày thực tế năm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó}$$

(c) **Ngừng thanh toán tiền lãi**

- Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ ("**Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán**"). Việc tạm ngừng thanh toán lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng thanh toán tiền lãi là "**Kỳ Tạm Ngừng**" thanh toán tiền lãi đó.
- Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào gốc Trái Phiếu và sẽ được hưởng lãi suất kể từ và bao gồm ngày chậm thanh toán cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán).
- Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán là Lãi Suất Trái Phiếu của Kỳ Tạm Ngừng thanh toán đó (mức lãi suất này không thay đổi trong suốt giai đoạn tạm ngừng thanh toán tiền lãi), số tiền lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh toán được tính trên cơ sở số ngày thực tế chậm trả trong kỳ và trên cơ sở một năm có 365 ngày.

8.2. Kỳ hạn trả gốc

- Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu.
- Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu.
- Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo thỏa thuận hoặc theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu khác, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả vào ngày thực hiện mua lại trước hạn tương ứng.

9. GIÁ CHÀO BÁN

Giá chào bán: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/01 (một) Trái Phiếu (100% mệnh giá Trái Phiếu).

10. THỨ TỰ ƯU TIÊN THANH TOÁN TRÁI PHIẾU TRONG TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC PHÁT HÀNH MẤT KHẢ NĂNG TRẢ NỢ HOẶC CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hoặc mất khả năng trả nợ hoặc chấm dứt hoạt động hoặc phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

11.1. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng các quyền cơ bản như sau:

- Quyền Sở Hữu với Trái Phiếu: Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hoặc trong Sổ đăng ký Trái Phiếu sẽ được coi là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu đó về mọi phương diện. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, Đại lý Đăng Ký thực hiện lập, lưu giữ và cập nhật Sổ đăng ký Trái Phiếu ghi thông tin của Người Sở Hữu Trái Phiếu. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc lập, cập nhật và lưu giữ Sổ đăng ký Trái Phiếu và nội dung Sổ đăng ký Trái Phiếu sẽ theo quy định có liên quan của pháp luật và quy chế của VSD.
- Được thanh toán đầy đủ các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm cả tiền lãi và gốc, và các khoản tiền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của VSD; các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, của Hợp Đồng Đại Diện (trong phạm vi các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, của Hợp Đồng Đại Diện không xung đột với các quy định của pháp luật có liên quan và quy định của VSD).
- Được đại diện bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong việc thi hành một số quyền của mình theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu ("Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu") đối với việc đăng ký sở hữu Trái Phiếu của mình và trích lục Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- Được thông báo về Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu tại Ngày Thanh Toán Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc để thực hiện thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSD và niêm yết Trái Phiếu tại SGDCK thông qua hình thức thông báo đăng trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc trang thông tin điện tử chính thức của VSD (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD).
- Được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật. Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật hiện hành nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm (cầm cố) tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định hiện hành của Tổ Chức Phát Hành.

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, mọi giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu phải được đăng ký trong Sổ đăng ký Trái Phiếu (bao gồm tên, số lượng Trái Phiếu, các thông tin của Trái Phiếu sở hữu, tài khoản nhận lãi và gốc Trái Phiếu và các thông tin khác của Người Sở Hữu Trái Phiếu) do Đại Lý Đăng Ký lập, duy trì và quản lý. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện tại Thành Viên Lưu Ký của VSD và tuân thủ theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của VSD.

Để làm rõ, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được thực hiện các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, thay đổi thông tin Trái Phiếu kể từ thời điểm Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSD theo thông báo của Đại Lý Đăng Ký cho đến ngày VSD cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành.

- (g) Được tham dự, biểu quyết tại Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và được lấy ý kiến, biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (h) Được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và/hoặc Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng);
- (i) Quyền khi xảy ra bất kỳ **Sự Kiện Vi Phạm** dưới đây của Tổ Chức Phát Hành:
 - (A) **Không thanh toán:** nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ bất kỳ khoản tiền gốc và/hoặc tiền lãi của bất kỳ Trái Phiếu nào đến hạn (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại **Điều Kiện 8.1(c)**) mà việc không thanh toán đó không được khắc phục trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn tương ứng, thì Người Sở Hữu Trái Phiếu, thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, có quyền khởi kiện đến tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để yêu cầu Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ thanh toán. Để làm rõ, việc khởi kiện Tổ Chức Phát Hành không được thực hiện trực tiếp bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu nào mà sẽ được thực hiện thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
 - (B) **Mất khả năng thanh toán:** nếu Tổ Chức Phát Hành bị mất khả năng thanh toán hoặc lâm vào tình trạng khác làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật về phá sản và tình trạng này không chấm dứt hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc, thì Người Sở Hữu Trái Phiếu, thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, có quyền yêu cầu tòa án có thẩm quyền của Việt Nam mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành (nếu pháp luật về phá sản có liên quan cho phép).
 - (C) **Phá sản hoặc giải thể:** nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không), và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả theo công thức tại **Điểm (vi) của Điều Kiện 8.1(b)** và Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp) theo quy định tại **Điều Kiện 10**.
- (j) Các quyền khác theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Hợp Đồng

Dại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Việc thay đổi, sửa đổi các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu nói trên được hiểu là sẽ làm thay đổi, sửa đổi Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu. Trên cơ sở bảo đảm tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Phát Hành có thể tự mình sửa đổi Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu để xử lý bất kỳ lỗi hoặc sai sót rõ ràng nào tại Các Điều Kiện và Điều Khoản Trái Phiếu nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan mà không cần chấp thuận của Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là bất kỳ lỗi hoặc sai sót như vậy (1) sẽ chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và (2) đều phải được thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Trường hợp việc thay đổi, sửa đổi Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu về quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu có nội dung liên quan đến **Các Vấn Đề Trọng Yếu** được đề cập tại **Điểm (iii) của Điều Kiện 24(c)** thì việc thay đổi, sửa đổi này phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận theo phương thức quy định tại **Điều Kiện 24**.

11.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Nộp thuế và/hoặc phí, lệ phí (nếu có) phát sinh từ các khoản thu nhập, các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu hoặc các giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và các nghĩa vụ nộp thuế, phí, lệ phí khác (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành hoặc theo các quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu liên quan tới việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu.
- Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận lại 100% khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán của Trái Phiếu do mình sở hữu trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu.

11.3. Các quyền và nghĩa vụ khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này, quy định của Hợp Đồng Đại Diện, quy định của Đại Lý Đăng Ký và các văn kiện Trái Phiếu khác (nếu có).

12. ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

- Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành chỉ định là Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT theo Hợp đồng dịch vụ số 01/2021/HĐDV/VNDIRECT-VIETINBANK ngày 08/06/2021 được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT (sau đây gọi tắt là "**Hợp Đồng Đại Diện**").
- Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ đại diện cho Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực thi và bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Diện, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.
- Trách nhiệm cơ bản (tối thiểu) của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện bao gồm: (i) giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu; (ii) làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu với Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Lý Đăng Ký và/hoặc các tổ chức có liên quan khác; (iii) báo cáo UBCKNN trong trường hợp phát hiện Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Diện; và các trách nhiệm khác (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được thay đổi khi số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. Trường hợp thay đổi các

điều khoản và điều kiện khác tại Hợp Đồng Đại Diện, việc thay đổi phải đồng thời được cấp có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua.

- Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng việc đăng ký mua và trở thành chủ sở hữu Trái Phiếu được coi là đã chấp thuận việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành và đồng ý ủy quyền cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu làm đại diện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu để ký kết Hợp Đồng Đại Diện và thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Hợp Đồng Đại Diện và theo các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

13. CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM

Không có, vì Trái Phiếu chào bán của Tổ Chức Phát Hành là loại trái phiếu không có tài sản bảo đảm.

14. ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, Tổ Chức Phát Hành đóng vai trò là Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu thực hiện theo các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu. Theo đó, Đại Lý Đăng Ký thực hiện:

- (i) Lập, lưu giữ và cập nhật Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu ghi thông tin của Người Sở Hữu Trái Phiếu; cấp hoặc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu;
- (ii) Thực hiện xác nhận các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu; tùy thuộc quy định của pháp luật Việt Nam trong từng thời kỳ, khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí, lệ phí (nếu có) tính trên giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (iii) Thực hiện chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu và thông báo Ngày Chốt Danh Sách cho toàn bộ Người Sở Hữu Trái Phiếu trên trang thông tin điện tử chính thức của Đại Lý Đăng Ký để thực hiện các thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSD hoặc đăng ký niêm yết Trái Phiếu tại SGDCK; hoặc thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác đối với và liên quan tới Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- (iv) Thực hiện thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSD theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của VSD.

Để làm rõ, trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện các thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại Đại Lý Đăng Ký theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, quy định của VSD và quy định của Thành Viên Lưu Ký. Người Sở Hữu Trái Phiếu có nhu cầu Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cần thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán, lưu ký Trái Phiếu tại một trong các Thành Viên Lưu Ký của VSD để được VSD xác nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định.

15. VIỆC THANH TOÁN LÃI TRÁI PHIẾU

Việc thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu sẽ được thực hiện bởi Tổ Chức Phát Hành, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của VSD và quy định của Tổ Chức Phát Hành. Để làm rõ, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thanh toán tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu theo hình thức như sau:

- (i) Đối với trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán và chưa thực hiện lưu ký Trái Phiếu tại các Thành Viên Lưu Ký của VSD: Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện chuyển tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu vào tài khoản thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo đăng ký tại thời điểm đặt mua Trái Phiếu ban đầu.
- (ii) Đối với trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán và đã thực hiện lưu ký Trái Phiếu tại các Thành Viên Lưu Ký của VSD: Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện chuyển tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu sang tài khoản của VSD để VSD thực hiện phân bổ tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu về từng Thành Viên Lưu Ký nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản lưu ký chứng khoán và thực hiện lưu ký Trái Phiếu. Người Sở Hữu Trái Phiếu đã lưu ký Trái Phiếu sẽ nhận tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu ở tài khoản lưu ký chứng khoán mở tại Thành Viên Lưu Ký.

16. VIỆC CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, THAY ĐỔI THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD:

- Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu do bị rách, hỏng, mất, thất lạc..., Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện thủ tục cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại Tổ Chức Phát Hành.
- Trường hợp thay đổi thông tin Người Sở Hữu Trái Phiếu (bao gồm thông tin về số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân/GCNDKDN/GCNDKDN, họ tên, địa chỉ liên hệ...), Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện thủ tục như sau:
 - Nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán và đã lưu ký Trái Phiếu tại Thành Viên Lưu Ký của VSD, Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện thủ tục thay đổi thông tin sở hữu Trái Phiếu tại Thành Viên Lưu Ký.
 - Nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán và chưa lưu ký Trái Phiếu tại Thành Viên Lưu Ký của VSD, Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện thủ tục thay đổi thông tin sở hữu Trái Phiếu tại Tổ Chức Phát Hành.

17. VIỆC MUA LẠI TRÁI PHIẾU TRƯỚC HẠN

Tổ Chức Phát Hành chỉ mua lại Trái Phiếu trước hạn sau khi Trái Phiếu đã được niêm yết trên SGDCK. Trên cơ sở bảo đảm tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, việc mua lại Trái Phiếu trước hạn được quy định như sau:

17.1. Mua Lại Trước Hạn Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu

- Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán (nếu có). Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu đó cho Tổ Chức Phát Hành và nhận lại 100% khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán của Trái Phiếu do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành.
- Vì mục đích mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức của mình hoặc gửi thông báo cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) chậm nhất là 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu. Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức

Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu như đã được ghi nhận trong Sổ đăng ký Trái Phiếu hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận với Người Sở Hữu Trái Phiếu đó.

17.2. Mua lại Trái Phiếu trước hạn theo thỏa thuận

Không ảnh hưởng đến Điều Khoản 17.1 ở trên, Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất kỳ lúc nào bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu. Bất cứ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu để quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.

18. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI

- Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối và chào bán Trái Phiếu trực tiếp cho nhà đầu tư thông qua các Chi nhánh và Phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành trên toàn quốc.
- Việc phân phối Trái Phiếu chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành (i) nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp và (ii) thực hiện việc công bố Bán thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định của pháp luật và trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành.
- Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối Trái Phiếu một cách công khai, công bằng và bảo đảm thời hạn đăng ký mua cho nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian phân phối và chào bán Trái Phiếu dự kiến tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày và tối đa là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối hết số Trái Phiếu được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.
- Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi nhà đầu tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà nhà đầu tư đó đăng ký mua.

19. ĐĂNG KÝ MUA TRÁI PHIẾU

- (i) **Đối tượng được đăng ký mua:** Là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài, phù hợp với Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.
- (ii) **Số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu của nhà đầu tư:** là 100 (một trăm) Trái Phiếu, tương đương 10.000.000 (mười triệu) đồng theo mệnh giá Trái Phiếu. Để tránh hiểu lầm, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu tối thiểu là 100 (một trăm) Trái Phiếu hoặc bội số của 100 (một trăm) Trái Phiếu.
- (iii) **Thời hạn đăng ký mua:** tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày và tối đa là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực, theo quy định của pháp luật. Thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức và nêu chi tiết tại Bán thông báo phát hành Trái Phiếu ra công chúng.
- (iv) **Phương thức đăng ký mua và thanh toán tiền mua Trái Phiếu:**
 - Trong thời hạn đăng ký đặt mua được quy định bởi Tổ Chức Phát Hành, nhà đầu tư thực hiện

đăng ký mua Trái Phiếu trong phạm vi số lượng Trái Phiếu chào bán và phải đáp ứng yêu cầu về số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu do Tổ Chức Phát Hành quy định.

- Thời gian muộn nhất để nhà đầu tư thực hiện đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu là vào ngày kết thúc đợt chào bán do Tổ Chức Phát Hành công bố tại Bản thông báo phát hành.
- Để tránh hiểu lầm, việc đăng ký mua Trái Phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu theo hướng dẫn của Tổ Chức Phát Hành tại các Thông báo chào bán có liên quan. Trong trường hợp nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như không còn giá trị.

(v) **Thời gian và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu:** Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu hoặc tổng khối lượng đăng ký đặt mua Trái Phiếu vượt quá khối lượng Trái Phiếu chào bán, thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu như sau:

- ✓ Thời gian: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu được giải tỏa (Tài khoản phong tỏa chỉ được giải tỏa sau khi kết thúc đợt chào bán và UBCKNN ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán).
- ✓ Cách thức: Chuyển vào tài khoản của người đặt mua Trái Phiếu ghi tại Giấy đề nghị đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận tiền mặt tại địa điểm mà người đặt mua Trái Phiếu đăng ký và nộp tiền mua (chỉ đối với trường hợp không có tài khoản ngân hàng).

20. THỜI GIAN CHÀO BÁN VÀ LỊCH TRÌNH DỰ KIẾN PHÂN PHỐI TRÁI PHIẾU

Trái Phiếu sẽ được chào bán và phân phối cho các nhà đầu tư sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp. Thời gian chào bán và lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu như sau:

20.1. Thời gian chào bán dự kiến

Tổ Chức Phát Hành dự kiến chào bán Trái Phiếu trong Quý 4 năm 2021, sau khi có được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp. Thời gian chào bán cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố tại Thông báo chào bán theo quy định pháp luật.

20.2. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến	Ghi chú
1	Tổ Chức Phát Hành nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng từ UBCKNN	T	
2	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về chào bán Trái Phiếu	T đến T+3	trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu và nhà đầu tư đăng ký, nộp tiền mua Trái Phiếu	T+3 đến T+43	thời hạn đăng ký mua tối thiểu là 20 ngày và phân phối trái phiếu trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán từ UBCKNN
4	Tổ Chức Phát Hành kết thúc nhận đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu	T+44	
5	Tổ Chức Phát Hành gửi báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN và công bố thông tin về kết quả chào bán Trái Phiếu	T+44 đến T+54	trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến	Ghi chú
6	UBCKNN ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán	T+54 đến T+57	trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả chào bán
7	Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục cấp và chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho nhà đầu tư; đồng thời hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu	T+57 đến T+87	trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

Ghi chú: Lịch trình phân phối Trái Phiếu cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng và căn cứ vào tình hình thực tế.

20.3. Thời gian phân phối Trái Phiếu và thời hạn nộp tiền mua Trái Phiếu của nhà đầu tư

Thời gian phân phối Trái Phiếu và thời hạn đăng ký, nộp tiền mua Trái Phiếu của nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày và tối đa không quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Thời hạn cụ thể để nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chi tiết tại Bản thông báo phát hành, trong đó ngày cuối cùng để nhà đầu tư nộp tiền mua Trái Phiếu là ngày kết thúc đợt chào bán.

20.4. Thời gian chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho nhà đầu tư:

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Tổ Chức Phát Hành sẽ chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho người mua Trái Phiếu tại các Chi nhánh/Phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành, nơi mà nhà đầu tư đã đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu.

21. TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA TRÁI PHIẾU

- Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Số tài khoản: 122.11.00000.3125
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

22. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ngày 06/04/2021, NHNN (với tư cách là Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại VietinBank) đã ban hành Công văn số 2273/NHNN-TCKT gửi cho Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VietinBank về việc có ý kiến chấp thuận Kế hoạch phát hành giấy tờ có giá (là trái phiếu) ra công chúng thị trường trong nước của VietinBank tối đa là 15.000 tỷ đồng; đồng thời đề nghị Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VietinBank chủ động xem xét, xác định tổng mệnh giá phát hành cụ thể để tham gia ý kiến/biểu quyết/quyết định tại cuộc họp HĐQT. Trên cơ sở này, HĐQT VietinBank đã ban hành Nghị quyết số 087/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 13/04/2021 v/v phê duyệt kế hoạch phát hành trái phiếu ra công chúng thị trường trong nước của VietinBank.

Ngày 31/03/2021, NHNN đã ban hành Thông tư 01/2021/TT-NHNN (có hiệu lực kể từ ngày 17/05/2021) quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thay thế Thông tư 33/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 và Thông tư 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013, trong đó: Thông tư 01/2021/TT-NHNN của NHNN đã bãi bỏ quy định "Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của TCTD phải được NHNN chấp thuận". Theo quy định của Thông tư 01/2021/TT-NHNN việc phát hành trái phiếu trong nước của TCTD phải tuân thủ các quy định tại Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Thông tư 01 này.

Như vậy, áp dụng Thông tư 01/2021/TT-NHNN, kể từ ngày 17/05/2021, TCTD nói chung và VietinBank nói riêng không phải xin NHNN chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra công chúng.

23. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Phần trình bày về các loại thuế có liên quan này dựa trên các quy định pháp luật hiện hành tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư. Một số nhà đầu tư phải tuân theo các quy định riêng. Vì vậy, các nhà đầu tư và người mua Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia thuế về các loại thuế có liên quan đến việc sở hữu và Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu áp dụng riêng đối với từng trường hợp cụ thể.

(i) Thuế Thu Nhập Cá Nhân

- ***Đối với thu nhập nhận được từ lãi trái phiếu do các tổ chức trong nước phát hành:***

Căn cứ Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, thu nhập từ lãi trái phiếu là thu nhập từ đầu tư vốn, nhà đầu tư cá nhân nắm giữ sẽ chịu mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên số tiền lãi nhận được, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

- ***Đối với thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu:***

Căn cứ Khoản 9 và 10, Điều 2, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán chịu mức thuế suất 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

- ***Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng trái phiếu:***

Căn cứ Điều 16 và Điều 23 văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BC ngày 14/03/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và các Nghị định khác, thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng trái phiếu chịu mức thuế suất 10% thu nhập tính thuế áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(ii) Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp

- Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam (gồm các doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh được thành lập và hoạt động tại Việt Nam), thì theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư 119/2014/TT-BTC, Thông tư 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập từ lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động SXKD của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho

doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.

- Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nước ngoài (gồm các doanh nghiệp và tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, còn được gọi là nhà thầu nước ngoài hay nhà thầu phụ nước ngoài) thì theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính:
 - (i) Doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ lãi trái phiếu sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 5% trên lãi nhận được.
 - (ii) Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu của doanh nghiệp nước ngoài sẽ phải chịu mức thuế suất 0,1% trên tổng giá trị trái phiếu chuyển nhượng.

(iii) Thuế Giá Trị Gia Tăng

Hiện tại, lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp thuế giá trị gia tăng được áp dụng đối với việc chuyển nhượng trái phiếu theo luật Việt Nam sau Ngày Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

(iv) Khấu trừ Thuế

- *Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD:* Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí, lệ phí nào ("**Thuế**") theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Việc khấu trừ Thuế liên quan đến giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- *Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD:* Việc khấu trừ Thuế sẽ theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và quy định của VSD.

24. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

(a) Hoàn trả

Trừ khi được mua lại trước hạn và/hoặc bị hủy bỏ theo các quy định của Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu này, các Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán (nếu có) vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu.

(b) Hủy bỏ

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và mua lại Trái Phiếu trước hạn theo thỏa thuận sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại.

Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc, lãi đến hạn theo Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu.

(c) Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu

Việc đưa ra quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Trái Phiếu sẽ theo quyết định của Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu như quy định dưới đây:

- (i) Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được triệu tập bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu) nắm giữ ít nhất 20% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. Việc triệu tập được thực hiện với thông báo bằng văn bản gửi tới tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc (trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thì phải gửi thông báo cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu).

Sau khi xác định thẩm quyền triệu tập họp hợp lệ thì Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu) nắm giữ ít nhất 20% tổng mệnh giá Trái Phiếu triệu tập hội nghị hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phối hợp với Đại Lý Đăng Ký tiến hành xác định thời điểm khóa sổ và Ngày Chốt Danh Sách để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị.

Các bên cùng làm việc hoặc trên cơ sở thông báo của người có thẩm quyền triệu tập họp để xác định thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị để gửi thông báo đến Người Sở Hữu, Tổ Chức Phát Hành (Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị). Người có thẩm quyền triệu tập họp sẽ gửi Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành dưới dạng một trong các hình thức sau đây: (1) văn bản giấy về địa chỉ của Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành; (2) thư điện tử, fax, thông báo trực tuyến (online) qua hệ thống giao dịch của Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có); (3) thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) hoặc (4) bất kỳ hình thức thông báo nào khác được pháp luật cho phép.

Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức theo hình thức phù hợp theo yêu cầu của người triệu tập như hội nghị qua điện thoại, video hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- (ii) Phụ thuộc vào **Điểm (iii) của Điều Khoản 24(c)** dưới đây, số đại biểu cần thiết để cuộc họp được tiến hành là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện cho ít nhất 51% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó.
- (iii) Trong bất kỳ hội nghị nào có nội dung (1) thay đổi Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu, hoặc (2) thay đổi bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu ngoại trừ **Điều Khoản 8.1(a) và 8.1(c)** nêu trên, hoặc (3) giảm hoặc ngừng thanh toán khoản tiền gốc, hoặc (4) thay đổi Lãi Suất, hoặc (5) thay đổi loại tiền tệ thanh toán Trái Phiếu, hoặc (6) thay đổi yêu cầu về số đại biểu cần thiết để tổ chức Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (7) thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu về từng vấn đề (những vấn đề nêu từ mục (1) đến mục (7) gọi chung là "**Các Vấn Đề Trọng Yếu**"), thì số đại biểu cần thiết để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó, hoặc bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 51% theo tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm triệu tập lại cuộc họp đó.
- (iv) Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được một hoặc nhiều Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự cuộc họp thông qua và biểu quyết tại Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp Hội nghị hay không), với điều kiện là bất kỳ sự thay đổi nào về Các Vấn Đề Trọng Yếu phải được sự chấp thuận của (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu/đại diện sở hữu ít nhất 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (v) Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu tại **Điểm (i) của Điều Khoản 24(c)** và khi được thông qua sẽ có giá trị như Nghị quyết thông qua tại cuộc họp và có giá trị ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện (1) việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm chốt danh sách lấy ý kiến (trường hợp Trái Phiếu chưa đăng ký tại VSD) hoặc danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do VSD gửi (trường hợp đã đăng ký Trái Phiếu tại VSD) và (2) phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua (đối với Các Vấn Đề Trọng Yếu, phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện



cho ít nhất 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua).

- (vi) Để tránh hiểu nhầm, bất kỳ Nghị quyết nào được Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua theo quy định tại **Điều Kiện 24(c)** này sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành nếu không được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận (trừ các nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua sau khi đã phát sinh Sự Kiện Vi Phạm sẽ có giá trị ràng buộc vô điều kiện với Tổ Chức Phát Hành).
- (vii) Không phụ thuộc vào các quy định tại các **Điểm (i), (ii), (iii), (iv), (v) và (vi) của Điều Kiện 24(c)** nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó. Trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua (Đối với các nội dung để xử lý các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất có quyền thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu mà không cần sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành).

(d) Thông báo

Mọi thông báo gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, VSD hoặc SGDCK, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc giao trực tiếp tận tay, hoặc gửi chuyển phát qua tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, hoặc gửi qua fax/qua đường thư điện tử (đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức – nếu có nhu cầu) đến địa chỉ và/hoặc số fax quy định tại Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc dữ liệu tương tự được quản lý bởi VSD (tùy trường hợp áp dụng) tại thời điểm gửi thông báo.

(e) Địa chỉ đăng ký:

Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này được ghi dưới đây:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3941 8868 Fax: 024. 3941 1032

Website: www.vietinbank.vn

Người nhận: Trưởng Phòng Thị trường vốn.

25. THÔNG TIN VỀ CÁC CAM KẾT

Tổ Chức Phát Hành cam kết việc phát hành Trái Phiếu ra công chúng có đầy đủ sự chấp thuận và cấp phép cần thiết của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tổ Chức Phát Hành cam kết với nhà đầu tư sẽ thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của mình, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết dưới đây:

25.1. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư

VietinBank cam kết thực hiện nghĩa vụ mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, cụ thể như sau:

a. Cam kết về điều kiện phát hành

VietinBank cam kết thực hiện nghĩa vụ mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán, bao gồm các điều kiện dưới đây:

- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán lớn hơn 30 tỷ đồng, tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;
- HĐQT của năm liền trước năm đăng ký chào bán có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm;
- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng được Cấp có thẩm quyền thông qua;
- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều khác;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
- Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Có tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của đợt chào bán;
- Có cam kết thực hiện niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.

b. Cam kết về nghĩa vụ thanh toán

VietinBank cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư và bảo đảm việc thanh toán được thực hiện đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch này, trong đó:

- Tiền lãi Trái Phiếu: được trả định kỳ một (01) năm một lần vào ngày thanh toán lãi Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- Tiền gốc Trái Phiếu: được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Dáo Hạn Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu hoặc vào ngày mua lại trước hạn theo thỏa thuận, hoặc vào ngày đến hạn khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

c. Cam kết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư

VietinBank cam kết bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với và liên quan tới Trái Phiếu (bao gồm các quyền như: chuyển nhượng, bán, cho tặng, để lại thừa kế Trái Phiếu; sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác) theo đúng Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch này, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

25.2. Cam kết thực hiện niêm yết Trái Phiếu

- VietinBank cam kết đã có văn bản cam kết của HĐQT về việc triển khai niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán (SGDCK) sau khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng;
- Cam kết việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật và sau đó sẽ duy trì việc niêm

yết Trái Phiếu chừng nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành nhằm đảm bảo đủ điều kiện niêm yết và giao dịch tại SGDCK;

- Kế hoạch niêm yết Trái Phiếu ra công chúng dự kiến sẽ được VietinBank thực hiện theo trình tự, thủ tục đã được pháp luật quy định, cụ thể:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu	T
2	Hoàn thiện và nộp hồ sơ đăng ký, niêm yết Trái phiếu tại VSD và SGDCK (theo quy định pháp luật là trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu)	T + 30
3	SGDCK ban hành quyết định chấp thuận việc niêm yết (theo quy định pháp luật, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, SGDCK có quyết định chấp thuận việc niêm yết)	(T + 30) + 30
4	Thực hiện các thủ tục niêm yết và đưa Trái Phiếu vào giao dịch, sau khi SGDCK có quyết định chấp thuận việc niêm yết và giao dịch Trái Phiếu (theo quy định pháp luật, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được chấp thuận việc niêm yết, Tổ chức đăng ký niêm yết phải đưa Trái Phiếu vào giao dịch)	[(T + 30) + 30] + 90

25.3. Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán

Ngoài các cam kết ở trên, VietinBank cam kết thực hiện nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về các điều kiện khác như sau:

- Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng theo đúng mục đích đã nêu tại Bản Cáo Bạch này;
- Đã chỉ định, lựa chọn Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước khi Trái Phiếu được phát hành theo đúng quy định của pháp luật;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ niêm yết Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật;
- Tuân thủ nghĩa vụ về công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật;
- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ và điều kiện khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được thể hiện trong Bản Cáo Bạch này; theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện và theo các quy định của pháp luật khác có liên quan.

26. LUẬT ĐIỀU CHỈNH

Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi. Trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2021 của Tổ Chức Phát Hành là để tăng quy mô vốn hoạt động, thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu), tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

2. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI

Tổ Chức Phát Hành chào bán Trái Phiếu không phải nhằm mục đích huy động vốn để thực hiện các dự án.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2021, sau khi đã khấu trừ các khoản phí, chi phí có liên quan, dự kiến sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu) đối với các ngành nghề, lĩnh vực dự kiến được liệt kê dưới đây, trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của Tổ Chức Phát Hành:

Danh mục ngành nghề, lĩnh vực (Đơn vị: Tỷ đồng)	Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán	Số tiền dự kiến phân bổ cho vay	Thời gian dự kiến giải ngân
Tổng cộng	10.000	10.000	
1. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt	10.000	6.962	Từ Quý 4/2021 đến Quý 4/2022
2. Công nghiệp, chế biến chế tạo		1.885	
3. Khai khoáng		512	
4. Khác		641	

(Số tiền thực tế giải ngân đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào khối lượng Trái Phiếu chào bán thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế).

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu để giải ngân/cho vay đối với các ngành nghề, lĩnh vực nêu trên. Mức độ sử dụng vốn sẽ căn cứ theo tiến độ giải ngân cụ thể của từng ngành nghề, lĩnh vực, nhằm đảm bảo hiệu quả và an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như dự kiến, Tổ Chức Phát Hành sẽ xem xét giải ngân/cho vay theo thứ tự mục đích ưu tiên như sau:

- Chủ động điều hành tín dụng và ưu tiên bố trí vốn giải ngân/cho vay vào các ngành nghề, lĩnh vực tiềm năng được Chính phủ và NHNN khuyến khích phát triển có quy mô và tỷ trọng vốn giải ngân lớn trong tổng danh mục nói trên, nhằm bảo đảm đáp ứng, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng của Tổ Chức Phát Hành;
- Phân bổ nguồn lực và bố trí vốn giải ngân cho các ngành nghề, lĩnh vực nằm trong các vùng kinh tế trọng điểm của đất nước, nhằm thúc đẩy kinh tế vùng và các địa phương trong quá trình phát triển kinh tế quốc gia, đồng thời giúp tạo ra nguồn thu cho các ngành nghề, lĩnh vực đó, bảo đảm hiệu quả cho vay và nguồn trả nợ cho các khoản giải ngân của Tổ Chức Phát Hành;
- Các ngành nghề, lĩnh vực có nhu cầu vốn cấp bách đáp ứng các điều kiện giải ngân vốn của Tổ Chức Phát Hành và bảo đảm mục tiêu tăng trưởng tín dụng của Tổ Chức Phát Hành;
- Các ngành nghề, lĩnh vực khác đã đáp ứng đầy đủ hồ sơ, thủ tục cấp phép và sẵn sàng triển khai thực hiện.

Ngoài ra, nếu trường hợp số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, Tổ Chức Phát Hành có thể sử dụng và bố trí nguồn vốn

khác thông qua các kênh huy động vốn khác như: huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác... phù hợp với quy định của pháp luật; nhằm bảo đảm và đáp ứng tối đa nhu cầu giải ngân/cho vay đối với từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể, trên cơ sở bảo đảm mục tiêu cân đối, sử dụng vốn hiệu quả, an toàn của Tổ Chức Phát Hành.

2. KẾ HOẠCH TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ HDKD, bao gồm nhưng không giới hạn dòng tiền lãi thu được từ các ngành nghề, lĩnh vực mà Tổ Chức Phát Hành dự kiến giải ngân/cho vay bằng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu này và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các khoản nợ lãi và gốc đúng hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu đang dự kiến chào bán.

Chi tiết Kế hoạch trả nợ cụ thể như sau:

Nội dung	Thời gian trả nợ	Nguồn trả nợ
Kế hoạch trả lãi Trái Phiếu	Vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu hàng năm và Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu	Là dòng tiền lãi thu được từ các ngành nghề, lĩnh vực mà Tổ Chức Phát Hành dự kiến giải ngân/cho vay bằng nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho các nhà đầu tư, với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh hàng năm của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.
Kế hoạch trả gốc Trái Phiếu	Vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu <u>hoặc</u> Ngày mua lại Trái Phiếu trước hạn theo thỏa thuận <u>hoặc</u> Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu.	Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng nguồn tiền (i) huy động vốn từ nền kinh tế; (ii) lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và (iii) dòng tiền thu nợ từ các khoản giải ngân.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán

- (i) Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành hoặc Đại Lý Phân Phối: Không có.
- (ii) Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3972 4568

Fax: 024. 3972 4600

Website: www.vndirect.com.vn

- (iii) Tổ Chức Kiểm Toán:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3831 5100

Fax: 024. 3831 5090

Website: www.ey.com/vi_vn

2. Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành về đợt chào bán

Trên cơ sở các thông tin thu thập được từ Tổ Chức Phát Hành, với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT có một số ý kiến, nhận định như sau:

Tổng khối lượng Trái Phiếu chào bán ra công chúng trong năm 2021 của VietinBank là 10.000 tỷ đồng theo mệnh giá, bằng 26,86% vốn điều lệ của VietinBank tại thời điểm 30/06/2021. Khối lượng Trái Phiếu của đợt chào bán này cũng gần tương đương với khối lượng trái phiếu mà Vietinbank đã chào bán thành công ra công chúng trong năm 2020 (là 9.459,22 tỷ đồng), phù hợp với quy mô hoạt động của VietinBank trên thị trường. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán trong năm 2021 sẽ được VietinBank sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, thực hiện cho vay nền kinh tế, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN. Mục đích, phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán đã được HĐQT VietinBank thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bên cạnh các rủi ro đã được đề cập trong Bản Cáo Bạch này, VNDIRECT đánh giá việc gia tăng nguồn vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán này là cần thiết và phù hợp với nhu cầu, mục đích sử dụng của VietinBank, đồng thời là yếu tố quan trọng bảo đảm mục tiêu tăng vốn cấp 2 và tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

Tuy nhiên, VNDIRECT xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên các thông tin chúng tôi thu thập và đánh giá trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính và chứng khoán. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của Trái Phiếu được chào bán và tính chắc chắn của những số liệu trong kế hoạch sử dụng vốn của VietinBank, cũng như sự thành công của đợt phát hành. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo.

3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán

Không có. Vì trong đợt chào bán này, VietinBank đã ký Hợp đồng dịch vụ với Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Theo đó, VNDIRECT - với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành - thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của VietinBank. Do vậy, VietinBank không sử dụng hay thuê dịch vụ tư vấn của bất kỳ chuyên gia nào cho đợt chào bán này.

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Ngoài các thông tin về rủi ro, các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, các cam kết đưa ra nhưng chưa thực hiện, những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành đã được trình bày một cách công khai, minh bạch và đầy đủ trong Bản Cáo Bạch này, theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành nhận thấy không có thông tin quan trọng nào khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư. Các nhà đầu tư cần có những đánh giá khách quan và tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng và nhận định một cách đầy đủ các nhân tố rủi ro trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu của VietinBank.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

**XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH**

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2021

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


TRẦN MINH BÌNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH BAN ĐIỀU HÀNH


NGUYỄN HOÀNG DŨNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG


NGUYỄN HẢI HƯNG

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. **Phụ lục II:** Giấy phép thành lập và hoạt động.
3. **Phụ lục III:** - Nghị quyết số 087/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 13/01/2021;
- Nghị quyết số 332/ NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 06/09/2021;
- Nghị quyết số 355/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 22/09/2021.
4. **Phụ lục IV:** Điều lệ Tổ chức và hoạt động của VietinBank.
5. **Phụ lục V:** Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019, 2020 (đã kiểm toán) và Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ/bán niên (đã soát xét) năm 2021 của VietinBank.
6. **Phụ lục VI:** Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác theo quy định pháp luật.
7. **Phụ lục VII:** Hợp đồng dịch vụ Tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu, Tư vấn niêm yết trái phiếu và đại diện người sở hữu trái phiếu cho đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2021 giữa VietinBank và Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT.